



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiệu Hân

Xã luận

Máu lại đổ tại Trung Đông

Máu lại đổ tại Palestine sau khi lãnh tụ cánh hữu Do Thái Ariel Sharon thăm viếng một cách khiêu khích đền thờ Hồi Giáo tại Jerusalem ngày 28-9-2000. Từ đó đến nay một kịch bản quen thuộc diễn ra hàng ngày: thanh niên Palestine ném đá, quân đội Do Thái trả đũa. Đã có gần 150 người thiệt mạng, hầu hết là người Palestine. Mọi cố gắng hòa giải đều đã thất bại. Cả hai phía Do Thái và Palestine đều tiếp tục leo thang trong ngôn ngữ thách đố, bất chấp mọi hậu quả.

Tình hình Trung Đông đã bắt đầu trở thành nguy hiểm từ cuối mùa hè sau những cuộc hội kiến không kết quả giữa thủ tướng Do Thái Ehud Barak và lãnh Palestine Yasser Arafat, tại Washington rồi tại Paris. Ehud Barak đã làm một nhượng bộ quan trọng chưa từng có từ phía Do Thái là chấp nhận chia sẻ thành phố biểu tượng Jerusalem với người Palestine để đổi lại sự sống chung hòa bình lâu dài. Đề nghị táo bạo này của Barak đã bị cánh hữu Palestine và đa số người Do Thái cho là không thể chấp nhận được và đã là nguyên nhân của hành động khiêu khích châm ngòi lửa của Sharon, nhưng ngược lại nó cũng bị Arafat và đa số người Palestine coi là chưa đủ. Hơn thế nữa, Arafat còn coi đề nghị của Barak như là một dấu hiệu rằng phía Do Thái đã chao đảo và đây chính là lúc cần cứng rắn hơn trong những đòi hỏi.

Tình trạng đáng lo ngại này trước hết đã khuyến khích những đầu cơ và dự đoán bi quan. Giá dầu lửa đã tăng đột ngột gây xáo trộn trên khắp thế giới và khiến mọi thị trường chứng khoán đều sút giảm nặng. Phía Palestine cảm thấy nên nhân cơ hội này phản ứng lại hành động khiêu khích của Sharon bằng cách phát động khắp nơi những cuộc biểu tình ném đá Intifada trong khi Do Thái lại càng thấy phải tỏ ra cứng rắn. Kết quả là máu đổ, tiến trình hòa bình bị đình chỉ, chính

phủ Barak rất có thể sẽ bị thay thế bởi một chính quyền hiếu chiến hơn, căm thù lên cao và Yasser Arafat không còn kiểm soát được hàng ngũ của chính mình nữa. Tình hình hiện nay là một bế tắc mà không ai nhìn thấy lối thoát.

Thảm kịch của vùng Palestine là không phải chỉ có hai chính quyền Do Thái và Palestine xung đột với nhau mà còn là sự thù ghét lẫn nhau của hai dân tộc bị bắt buộc phải chung sống với nhau nhưng lại nhất định không chấp nhận lẫn nhau. Jerusalem được cả Do Thái Giáo, Hồi Giáo và Công Giáo coi là Đất Thánh nhưng trên thực tế nó chỉ là mảnh đất của thù hận.

Sự thiên cận đang ngự trị một cách thách đố. Người Do Thái làm thế giới ngạc nhiên về thái độ của họ. Họ đã là nạn nhân của bạo lực và sự bất dung nhưng những đau khổ đó đã không khiến họ trở thành bao dung hơn đối với người Palestine đang yếu thế mà chỉ làm gia tăng bản năng tự tồn bằng mọi phương tiện, kể cả xảo lược. Họ cũng không thấy cần hòa giải để chung sống lâu dài với các dân tộc Ả Rập lân cận. Hình như đa số người Do Thái không hề đặt câu hỏi là bối cảnh hận thù này sẽ dành cho quốc gia họ tương lai nào.

Trước mặt họ, người Palestine đã để cho hận thù làm mất đi mọi sáng suốt. Họ đòi lấy lại toàn bộ thành phố Jerusalem và mọi vùng đất đã mất về tay người Do Thái, một số đông còn muốn tiêu diệt luôn cả nước Do Thái trong khi tương quan lực lượng hoàn toàn bất lợi cho họ và những hậu thuẫn ngày càng sút giảm: Liên Xô không còn nữa; thế giới ngày càng không muốn nghe nói tới cuộc xung đột này; các nước Ả Rập quan tâm trước hết tới mức thu nhập của các giếng dầu. Người Palestine khẳng khái đòi những điều mà không thể có. Họ chỉ có một vũ khí là hy

sinh, nhưng hy sinh có ý nghĩa gì nếu chỉ là một hy sinh tuyệt vọng? Sự cuồng nhiệt theo đuổi những mục tiêu không thực tiễn đã chỉ khiến họ chia rẽ và đi từ đổ vỡ này đến thất bại khác. Số phận bi đát của người Palestine là một bài học cho những dân tộc đang gặp khó khăn: đó là phải biết đấu tranh theo từng giai đoạn và không nên đòi hỏi ngay lập tức những gì mình chưa có phương tiện để đòi hỏi. Quá khích chỉ là một bộ mặt khác của tuyệt vọng.

Điểm đáng buồn nhất vẫn là sự thiên cận của những người lãnh đạo. Các lãnh tụ cánh hữu Do Thái không nhìn thấy ích lợi của những nhượng bộ hợp tình hợp lý cho phép đất nước họ tồn tại và phát triển trong hòa bình. Còn Yasser Arafat? Ông là một lãnh tụ khủng bố xuất sắc nhưng là một lãnh tụ quốc gia rất tồi. Những nhượng bộ của Barak có thể là chưa đủ, nhưng cũng là một bước quan trọng trong chiều hướng tốt và phải được ghi nhận. Nhưng Arafat đã bỏ mất một cơ hội tốt và đã phát động ra một cuộc khủng hoảng đẫm máu không lối thoát mà cuối cùng chính ông là nạn nhân. Uy tín của ông trên thế giới cũng như tại Palestine đã giảm sút một cách thảm hại. Một người lãnh đạo chính trị phải biết đối chiếu mục tiêu với phương tiện và chỉ phát động một chiến dịch khi biết mình có thể đạt được những gì và sẽ tạm dừng lại ở đâu.

Nhưng những người lãnh đạo thường thường chỉ là sản phẩm của một trình độ dân trí, những người thiên chí và sáng suốt có ở cả trong hai phía nhưng họ đã không được hậu thuẫn cần thiết.

Người Do Thái và, ở một mức độ gay gắt hơn nữa, người Palestine cần trước hết những nhà lãnh đạo tinh thần hướng dẫn họ ra khỏi ngõ cụt đẫm máu của hận thù và mê muội.

Thông Luận

Cuộc đua dân chủ ở Nam Tư

Ba tuần lễ sau cuộc cách mạng dân chủ tại Nam Tư, dân chúng Cô Xô Vô đã tham dự một cách đông đảo và êm thấm vào cuộc bầu cử thị chánh do Liên hiệp Quốc tổ chức. Khuyết điểm duy nhất là sự vắng mặt của người Cô Xô Vô gốc Xéc Bi (10% cử tri) do áp lực của cựu chủ tịch Nam Tư Milosevic. Liên minh Dân chủ Cô Xô Vô của lãnh tụ ôn hòa Ibrahim Rugova tranh thủ được 58% phiếu bầu, một thắng lợi vẻ vang tương đối khó ngờ vì nhiều người đã tưởng rằng chiến tranh sẽ có tác động lôi kéo hậu thuẫn của người Cô Xô Vô nổi tiếng An Ba Ni về tổ chức hậu thân của Quân đội Giải phóng Cô Xô Vô, Đảng Dân chủ Cô Xô Vô của ông Hashim Thaci (27% lá thăm). Đường như người dân Cô Xô Vô đã muốn quên đi thái độ lưỡng lự của ông Rugova trong cuộc chiến Cô Xô Vô để chỉ nhớ lấy lập trường hòa bình và kinh nghiệm cai trị ngầm của Liên minh Dân chủ Cô Xô Vô trong hơn mười năm kháng cự dân sự. Đó là những ưu điểm mà rõ ràng họ coi là quan trọng cho tương lai hơn là các thành tích võ trang của Quân đội Giải phóng Cô Xô Vô.

Người ta đang chứng kiến một cuộc chạy đua theo tánh chánh đáng dân chủ giữa Nam Tư và Cô Xô Vô mà cái được thua là chủ quyền trên xứ Cô Xô Vô. Tàn tổng thống Nam Tư Vojislav Kostunica là một người dân chủ thực sự nhưng ông cũng là một nhà quốc gia cứng rắn. Ông thừa nhận những tội ác của Milosevic đến mức tuyên bố nhận lãnh trách nhiệm về một số hành động của cựu chủ tịch Nam Tư nhưng ông không chịu giao ông này cho Tòa án Hình sự Quốc tế mà ông chỉ trích tánh chất lệ thuộc vào Mỹ. Ông tự cho mình nhiệm vụ hàng đầu là thắng lại và nếu có thể, đảo ngược tiến trình tan vỡ của Liên bang Nam Tư. Trên thực tế, nước Cô Xô Vô đã trở thành một xứ bảo hộ của Liên hiệp Quốc từ hơn một năm nay tuy rằng điều 1244 của hội đồng bảo an Liên hiệp Quốc xác nhận chủ quyền của nước Nam Tư trên mảnh đất này. Liên hiệp Quốc xem cuộc bầu cử thị chánh vừa qua như một thử nghiệm cho cuộc bầu cử lập pháp năm tới, trước khi quyết định về quy chế dứt khoát của xứ Cô Xô Vô. Chắc đó cũng đã là một lý do để người dân Cô Xô Vô lựa chọn cánh ôn

hòa và đồng thời Đảng Dân chủ Cô Xô Vô thừa nhận thắng lợi của Liên minh Dân chủ Cô Xô Vô một cách dễ dàng như thế. Trong khi đó, quan hệ giữa nước cộng hòa Mông Tê Nê Grô và chánh quyền trung ương Nam Tư ngày càng căng thẳng vì để bảo vệ quyền hành của mình, ông Milosevic đã sửa đổi các định chế của Liên bang Nam Tư trong mục tiêu hòa tan nước Mông Tê Nê Grô trong thực thể Nam Tư (dân số Xéc Bi đông gấp 16 lần Mông Tê Nê Grô). Cuộc "đảo chánh hiến pháp" tháng Bảy vừa qua gồm có thể thức bầu cử tổng thống theo phổ thông đầu phiếu và sự đại diện theo dân số ở thượng viện, một điều hoàn toàn sai trái với vai trò của một thượng viện! Song song, Milosevic đã "trùng phạt" thái độ trung lập của nước Mông Tê Nê Grô trong cuộc chiến giữa nước Xéc Bi và Liên minh Bắc Đại Tây Dương bằng cách cấm vận và rải quân khắp nơi trên tiểu bang này. Nhiều nhà quan sát đã dự tính một cuộc đảo chánh võ trang đưa đến một cuộc chiến ly khai khác trong vùng Ban Căng nếu chế độ Milosevic trụ được lâu hơn nữa.

Dân chủ là lá bài thiết yếu nếu không nói là duy nhất để ông Kostunica cứu vớt những gì còn lại của nước Nam Tư. Chiến lược của ông gồm có hai khâu. Đối với xứ Cô Xô Vô, cái hố giữa hai cộng đồng Xéc Bi và An Ba Ni đã quá sâu để ông Kostunica có thể làm cái gì hơn là "câu giờ". Ông không chịu thừa nhận cuộc bầu cử ở Cô Xô Vô vừa qua mà ông cho là nó "góp phần hợp pháp hóa một xã hội đơn sắc tộc". Hy vọng của ông là uy tín dân chủ của chế độ Nam Tư mới và sự ngỡ vực tự nhiên của các nước Tây phương đối với những tiến trình ly khai sẽ là những động cơ đủ mạnh để họ chấp nhận duy trì tình trạng hiện tại. Đó là một giả thuyết mà các lực lượng độc lập Cô Xô Vô cũng đã nhận thức từ lâu, ngay từ những ngày đầu của cuộc cách mạng dân chủ Nam Tư, họ đã đánh giá rằng thắng lợi của ông Kostunica sẽ là một cản trở cho dự án độc lập của nước Cô Xô Vô.

Tuy rằng tình huống Mông Tê Nê Grô không tuyệt vọng đối với chánh quyền Nam Tư như trường hợp Cô Xô Vô nhưng ông Kostunica cũng đứng

trước một vấn đề hết sức khó xử. Chánh quyền địa phương Mông Tê Nê Grô khước từ những thay đổi hiến pháp nhắc trên, trong khi chính nhờ phương thức bầu cử mới mà ông Kostunica đã trở thành tổng thống. Mặt khác, nếu xứ Mông Tê Nê Grô tách ra khỏi Liên bang Nam Tư, thì ông Kostunica chỉ còn là tổng thống của một vỏ trống, một liên bang thâu lại thành một thành phần duy nhất! Để tranh thủ người Mông Tê Nê Grô, ông Kostunica sẵn sàng đặt lại nhiều vấn đề căn bản, bắt đầu là cái quốc hiệu "Cộng hòa Liên bang Nam Tư" vô nghĩa từ lâu. Ông đề nghị danh xưng mới "Xéc Bi - Mông Tê Nê Grô", chính xác hơn nhưng quan trọng hơn, đó là một cách thừa nhận mối quan hệ bình đẳng tìm lại giữa hai nước. Theo một cuộc thăm dò dư luận tổ chức vào tháng Tư năm nay, 36% người dân Mông Tê Nê Grô ủng hộ độc lập, 30% muốn giữ nguyên trạng và 30% chủ trương cải tổ quan hệ giữa hai xứ Xéc Bi và Mông Tê Nê Grô trên nền tảng một đồng tiền, một quân đội và một chánh sách ngoại giao chung. Đó cũng là cơ sở làm việc của nhóm chuyên gia có nhiệm vụ suy nghĩ về những định chế chung. Trên vấn đề này cũng vậy, ông Kostunica có thể dựa vào sự ủng hộ của các quốc gia Tây phương để hàn gắn những liên hệ giữa hai nước Xéc Bi và Mông Tê Nê Grô. Từ mấy năm nay, nước Mông Tê Nê Grô đã chỉ tồn tại được nhờ sự ủng hộ chánh trị và kinh tế của các nước Tây Âu nhưng sau khi đã khuyến khích chánh sách ly khai của chủ tịch Mông Tê Nê Grô Djukanovic, các chánh quyền Tây phương đã thay đổi lập trường từ khi dân chủ bắt đầu hình thành ở Nam Tư.

Hai chánh nghĩa quốc gia, cùng một chiến lược. Thất bại của ông Milosevic đã chứng minh rằng chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi đi ngược với quyền lợi của quốc dân. Các biến cố đã và đang xảy ra ở Nam Tư cho thấy những quan hệ mật thiết giữa dân chủ và quốc gia. Chúng cũng cho thấy rằng, ngược với những gì một số người Việt Nam vẫn thường lo sợ, tân quyền là một chế độ chẳng những không dính dáng gì với "con ngoáo ộp thập nhị sứ quân" mà nhiều khi còn là phương pháp công hiệu nhất để giữ gìn thống nhất quốc gia.

Diệp Tường Bảo

Nam Tư : khuôn mặt mới của dân chủ

Cuối tháng 2 năm 1997, cuộc biểu tình - đã kéo dài 75 ngày của đối lập - tan rã trước sự đàn áp khốc liệt của cảnh sát công an của chính quyền độc tài Slobodan Milosevic. Hơn ba năm sau, phe đối lập này chịu chấp nhận cuộc bầu cử tổng thống liên bang mà chính Slobodan Milosevic đã lấy sáng kiến tổ chức trước thời hạn, với ẩn ý sẽ gian lận để cầm quyền thêm một nhiệm kỳ. Điều không ai ngờ là phe đối lập, vô tổ chức, chia rẽ, đổ kỵ nên hơn một lần bị đánh bại, lần này lại đưa được ứng cử viên của mình về nhất và thắng cử ngay ở vòng đầu. Nhưng trước những mưu chước mới của Slobodan Milosevic nhằm tẩy xóa kết quả cuộc bỏ phiếu, và nhất là khi Tòa Bảo Hiến của chính quyền độc tài tuyên phán trắng trợn hủy bỏ cả cuộc bầu cử ấy, thì giọt nước làm tràn ly này đã thúc đẩy dân chúng xuống đường, khai tử nền độc tài tưởng là vô địch của Slobodan Milosevic.

Ra đời trong những điều kiện lịch sử như vậy của Nam Tư, nền dân chủ 5-10-2000 của nước này tất đã phải mang trong bản thân nó những đặc điểm chung của thời đại cùng với những đặc điểm riêng của vùng Nam Tư tàn dư. Ở nơi đứ con dân chủ muộn màng của thời đại này, người ta thấy ghi khắc hai dấu ấn của thời đại.

Thứ nhất, nó thể hiện rất rõ nét tinh thần pháp trị. Nếu trong thập niên 90, một loạt chế độ ở Đông Âu và Liên Xô cũ đã thoát xác, để bước dần dần tới mục tiêu pháp trị, thì trên ngưỡng cửa thế kỷ XXI, tòa nhà dân chủ Nam Tư đã được khởi công, ngay từ điểm khởi hành, bằng vật liệu pháp trị, như chuyển tiếp sang dân chủ bằng hiến pháp theo đường lối hiến trị, không tranh quyền bằng vũ khí mà bằng các quy phạm pháp lý, kính nể nhau, nhân nhượng nhau giữa cả hai bên tranh chấp. Phe mất quyền cũng như phe được quyền, vẫn nhìn nhận nhau để được duy trì nguyên vẹn cho đến khi có pháp luật mới, quy định cơ cấu, cơ chế cho quyền lực mới. Ngoài ra, không ai còn nghĩ tới việc che đậy tính quốc tế của nền dân chủ Nam Tư. Ngay khi cuộc tranh chấp còn chưa ngã

ngũ mà các yếu nhân của chính phủ Mỹ, các nhà lãnh đạo các chính quyền Anh, Pháp, Đức đã đồng loạt đứng hẳn về một phía. Riêng tổng thống Nga, khi được Mỹ kêu gọi chọn lựa thái độ, đã mượn cớ đi công du sang thăm Ấn Độ để lẩn tránh. Và lúc thắng bại đã phân định rồi, vẫn còn thu xếp cho Slobodan Milosevic tiếp tục giữ một vai trò trong guồng máy chính trị mới của Nam Tư. Nói tóm lại, cục diện dân chủ Nam Tư, sau cuộc nổi dậy ở Belgrade ngày 5-10-2000 của đối lập và dân chúng, không là gì khác hơn một cuộc thỏa hiệp, trong xu thế toàn cầu hóa, của tất cả các phe phái ở trong nước cũng như trên trường quốc tế.

Thứ hai, nền dân chủ Nam Tư không thể không theo đuổi những ý đồ chính trị của dân tộc Serbia, 90% dân số Nam Tư với mộng ước "Serbia vĩ đại". Trước đây, Slobodan Milosevic gắn liền chủ nghĩa dân tộc với chủ nghĩa cộng sản, kỳ thực đã chỉ mượn chiêu bài này để chiếm đoạt quyền bính và giữ độc quyền lãnh đạo đất nước. Vojislav Kostunica, người kế vị Slobodan Milosevic, cũng cố vô cho chủ nghĩa dân tộc nhưng kết hợp chủ nghĩa này với dân chủ. Những gì sẽ đổi khác để chế độ chính trị hậu-Milosevic đoạn tuyệt được với 13 năm dưới quyền cai trị sắt máu của Milosevic? Các vấn đề Serbia, Montenegro, Kosovo sẽ được giải quyết ra sao trong khuôn khổ Liên Bang Nam Tư? Nếu nhà lãnh đạo mới, Vojislav Kostunica, sẽ làm đúng như đã nói, nghĩa là thiết lập dân chủ trên sự hoang tàn của độc tài, thì nền dân chủ mới này tất sẽ có những nét đặc thù không tìm thấy ở những không gian dân chủ khác. Vì trong hiện tình, Vojislav Kostunica chỉ mới chiếm được danh nghĩa chính thống ở trên bình diện pháp lý. Còn phải có thực quyền, thực lực, để sung thực cho nền chính thống ấy. Về điểm này, tất cả những cơ cấu chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của Serbia vẫn còn do phe cánh của Slobodan Milosevic nắm giữ. Làm thế nào để sớm hợp thức hóa đời sống chính trị của Nam Tư, theo chiều hướng dân chủ? Đó là một sự thách đố gay gắt đang được đặt ra cho

Vojislav Kostunica. Tưởng không cần nhấn mạnh rằng tương lai của nền dân chủ non trẻ 5-10-2000 tùy thuộc vào cách Vojislav Kostunica chấp nhận sự thách đố này.

Nền văn hóa nhân quyền của nhân loại đệ tam thiên niên kỷ, kiến thức dân chủ của cộng đồng quốc tế thế kỷ XXI, những kiến thức đã trưởng thành trong trận chiến thư hùng với chuyên chế, phát xít cũng như cộng sản, trong suốt hơn nửa thế kỷ vừa qua, là những ánh sáng dẫn đường đầy phẩm quyền cho dân tộc Serbia trong cuộc hành trình đi tới dân chủ. Người ta mong rằng thế giới đã không làm khi tiền đưa dân tộc Serbia lên đường bằng những cảm tình rất nồng hậu.

Nếu sự nghiệp dân chủ hóa Nam Tư của Vojislav Kostunica thành công - sau gần một tháng Nam Tư thay đổi, nhiều chỉ dấu đã cho phép kết luận rằng nhà luật học này sẽ thành công - thì dân tộc Serbia có thể coi như đã bỏ sung cho khái niệm dân chủ ba kinh nghiệm lịch sử đáng ghi nhớ. Trước hết, trường hợp Serbia đã làm thêm rõ nét điểm cơ bản theo đó dân tộc cần phải gắn liền với dân chủ và dân chủ không thể tách rời nhân quyền. Nói cách khác, dân chủ đã đành phải có kích thước cá thể nhưng cũng còn phải có kích thước tập thể tương xứng. Mãi khác, dân chủ từ nay mang thêm tích chất quốc tế bên cạnh tính chất quốc gia. Sau cùng, nghi vấn "ai thắng ai" đã được giải đáp: quy luật của nhân loại những năm 2000 là chuyên chế phải bị đào thải một cách tự nhiên, như bị bài tiết.

Dăm ba kẻ cầm quyền chuyên chế vẫn còn ôn tập bài học bạo lực Thiên An Môn trong khi lẽ ra nên tiếp thu bài học Belgrade để nhận ra được rằng Thiên An Môn, trong lương tâm nhân loại, là một vết tích của một tội ác không thể dung tha. Lịch sử sẽ không thể tận cùng bằng Thiên An Môn khi "cuộc cách mạng tháng Mười" của Serbia đang đẩy lui cuộc cách mạng tháng Mười của Nga vào dĩ vãng để mở đường cho nền văn minh mới, điểm hội tụ của Hòa Bình, Dân Chủ và Phát Triển .

Ý nghĩa của giải thưởng Nobel cho hai người Á châu

Nguyễn Phi Phụng

Các ủy ban giải Nobel Thụy Điển và Na Uy, trong trung tuần tháng 10, vừa trao giải thưởng Nobel cho hai người gốc Á châu. Đó là hai ông Cao Hành Kiệt (Gao Xing Jian) và tổng thống Hàn Quốc Kim Đại Trung. Ông Cao Hành Kiệt được giải thưởng Nobel về văn chương và ông Kim Đại Trung về nỗ lực cho hòa bình.

Có thể nói đây là một vinh dự lớn cho Á châu khi bắt đầu vào thiên niên kỷ thứ ba. Trước hết, người Á Châu ít khi có giải thưởng Nobel và lần này đã có tới hai người cùng lúc. Ngoài những tài năng cá nhân của hai người trên địa hạt khác nhau, ý nghĩa của giải thưởng mà ủy ban Nobel trao tặng là một phần thưởng vô cùng lớn lao cho một khu vực quốc gia mà tự do sáng tạo còn bị đe dọa trầm trọng và tự do dân chủ chỉ mới bắt đầu vào đầu thập niên 90.

Ông Cao Hành Kiệt được giải Nobel về văn chương nhờ ông có tự do sáng tạo khi ra ngoài nước. Ông không bị ai kèm kẹp như lúc ông còn ở trong nước. Điều này càng chứng tỏ môi trường tự do dân chủ là nơi mà tư duy của con người được nảy nở và phát triển toàn diện. Người ta cũng không ngạc nhiên là Trung Quốc với một khối hơn một tỷ người, trong nửa thế kỷ qua, chưa có người nào đoạt giải. Không phải người Trung Quốc không có tài năng. Trái lại, họ có rất nhiều nhà văn nổi tiếng trên thế giới. Nhưng môi trường sáng tạo của các nhà văn, nhà viết kịch, nhà thơ v.v. bị đặt trong một khuôn khổ do Đảng hoạch định. Do đó, những sáng tạo của họ trở nên nhạt nhẽo, vô duyên, không lôi kéo được quần chúng. Ngoại trừ Lỗ Tấn (Lu Xun) tên thật là Châu Thụ Nhân hoặc Thẩm Tùng Văn (Shen Cong Wen) và một số nhà văn lớn thời tiền chiến sáng tạo trong môi trường tự do, những nhà văn thân chế độ như Quách Mạt Nhược (Guo Mò Ruò) - cựu ủy viên trung ương Đảng -, Mao Thuấn

(Máo Dùn) hay Thẩm Nhạn Băng (cựu bộ trưởng bộ văn hoá), Ba Kim (Ba Jin) hay Lý Phế Cam (đương phó chủ tịch cơ quan chính hiệp), Đinh Linh (Ding Ling) hay Tưởng Băng Chi, Châu Lập Ba (Zhou Li Bo) - hai người được giải thưởng "văn học Stalin" - v.v. đều sáng tạo trong môi trường "quốc doanh". Thật là đáng tiếc vì họ là những nhà văn lớn thừa có tài để có thể có được giải Nobel về văn chương. Cũng còn có những nhà văn lớn không theo chế độ như nữ văn sĩ Băng Tâm (Bing Xin) hay Tạ Uyển Oanh nhưng bà không được tự do sáng tác theo ý muốn. Trường hợp nhà văn Lão Xá (Lao She) hay Thư Khánh Xuân trước ca tụng chế độ nhưng sau đó bị thất sủng và "tự tử" trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa. Và còn nhiều nhà văn lớn khác nữa.

Về giải thưởng Nobel Hoà bình của tổng thống Kim Đại Trung cũng như bốn người Á châu khác trước đó là đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng (1989), nhà đối lập dân chủ Miến Điện bà Aung San Suu Kyi (1991) và hai nhà đấu tranh giành độc lập Đông Timor Filipe Ximenes Belo và José Ramos Horta (1996) (xin miễn bàn đến trường hợp Lê Đức Thọ), những người này, trong bối cảnh khác nhau, đều đóng góp tích cực cho hòa bình, cho tự do dân chủ thật sự. Như mọi người đều biết, ông Kim Đại Trung đã suốt đời đấu tranh chống độc tài quân phiệt, nhiều lần vào tù ra khám và suýt chết trên biển cả. Ông còn bao dung rộng lượng tha tội cho hai cựu tổng thống đã đàn áp, sát hại đối lập và biển thủ công quỹ. Chính sách "Anh sáng mặt trời" do ông đưa ra, dù không được đa số quần chúng tán thành, đã giúp hai miền Nam Bắc Triều Tiên sát lại gần nhau trong việc thực hiện hòa giải dân tộc. Dù kết quả cuối cùng chưa biết ra sao, nhưng những bước đầu tỏ ra rất khích lệ. Cuộc "chạy đua" công nhận Bình Nhưỡng của các nước phương Tây là do thành quả của ông Kim Đại Trung.

Nhưng ý nghĩa lớn lao của giải thưởng là sự đóng góp cho hòa bình, cho tự do dân chủ của một khu vực quốc gia còn bị chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và chủ nghĩa bá quyền đe dọa.

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu hai nhân vật vừa được giải thưởng nói trên.

Ông Cao Hành Kiệt

Trong lời giới thiệu, ủy ban Nobel Thụy Điển về văn chương viết rằng "giải thưởng trao tặng cho nhà văn tiếng Hán ông Cao Hành Kiệt về một công trình có tầm vóc phổ cập được đánh dấu bởi một nhận thức cay đắng và một tài ba về ngôn ngữ đã mở đường cho nghệ thuật tiểu thuyết và sân khấu của Trung Hoa".

Thực ra, ông Cao Hành Kiệt là người Pháp gốc Hoa. Ông đã vào quốc tịch Pháp năm 1998 sau khi định cư ở xứ này từ năm 1987 (không phải 1988 như một số báo đã loan tin). Ông Cao sinh ngày 4-1-1940 ở làng Cán Châu (Gàn Zhou) thuộc tỉnh Giang Tây (Jiang Xi), cách núi Tinh Cương Sơn, nơi Mao dấy nghiệp, độ 100 km. Lớn lên sống ở Nam Kinh. Cha là một nhân viên ngân hàng và mẹ là một nữ diễn viên. Ảnh hưởng của bà mẹ rất lớn đối với ông về thi ca, kịch ảnh. Ông bắt đầu viết từ lúc còn trẻ. Năm 1962, ông tốt nghiệp bộ môn Pháp văn của Viện Ngoại Ngữ Bắc Kinh. Nhờ biết ngoại ngữ, ông bắt đầu bị ảnh hưởng của những nhà văn thuộc trường phái chủ nghĩa siêu thực như Ionesco, Prévert, Michaux, Ponge, Pérec. Trong thời kỳ "Đại Cách mạng Văn hóa", ông cũng như đa số trí thức bị lưu đày ở các trại "lao động cải tạo". Riêng ông thì làm nghề "gõ đầu trẻ" ở một thôn quê hẻo lánh. Các thủ cáo do ông viết trong thời gian này đều chính do ông tự thiêu hủy vì sợ bị liên lụy. Đây là những năm đau đớn nhất trong đời ông, phải sống trong chế độ mà mọi sáng tác không theo đường lối Đảng đều bị tình nghi.

Năm 1975, ông được gọi về Bắc Kinh làm thông dịch viên. Năm 1979, lần đầu tiên ông được xuất ngoại sang Pháp và Ý. Trong thời gian còn ở trong nước, người ta biết nhiều về ông là nhà soạn kịch hơn là nhà văn. Năm 1982, đoàn nghệ thuật nhân dân biểu diễn vở kịch *Tín hiệu tuyệt đối* (Jué duì xìn hào) trong đó ông đã kịch những mâu thuẫn của xã hội Trung Quốc đương thời. Một điều khó tin trong lúc đó. Năm 1983, vở kịch *Trạm xe* (Che Zhàn) có tiếng vang lớn trong quần chúng bị chính quyền lên án là một "văn bản độc hại" kể từ ngày sáng lập Cộng hoà Nhân dân. Vở kịch sau đó bị cấm trong chiến dịch bài trừ "ô nhiễm tinh thần". Vở kịch *Dã nhân* (Ye rén) hay người dã man của ông năm 1985 cũng đã gây ra một bút chiến dữ dội ở trong nước và một húng thú ở ngoài nước. Năm 1986, vở kịch *Bỉ ngạn* (Bì àn) hay bên kia bờ của ông cũng bị cấm. Quá chán nản, ông từ bỏ Bắc Kinh làm một hành trình "bụi đời" trong mười tháng ở tỉnh Tứ Xuyên.

Ông đi từ nguồn sông Dương Tử ra đến biển (Thượng Hải) để tìm vết chân của một nền văn hóa bị áp bức. Từ cuộc hành trình này, ông viết ra một trường thiên tiểu thuyết tuyệt tác với tựa đề *Linh Sơn* (Ling Shan) hay "linh hồn của núi". Quyển tiểu thuyết này viết năm 1989 sau đó được in ở Đài Loan và được hai ông bà Dutrait dịch ra tiếng Pháp và được nhà xuất bản của họ ở tỉnh Vaucluse, miền Nam nước Pháp ấn hành năm 1995. Quyển sách này sau đó được dịch ra tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Thụy Điển, tiếng Hy Lạp. Chính nhờ cuốn tiểu thuyết này mà ông Cao được giải thưởng Nobel về văn chương. Trong cuốn *Linh Sơn*, ông Cao Hành Kiện mô tả một người lữ hành với một túi trên lưng đi bộ, đi xe đạp, đi xe đồ, làm cuộc hành trình đi tìm một hòn núi huyền bí, biểu tượng nơi ẩn dật lý tưởng của "thế giới bụi đời". Theo vết chân của di tích Trung Quốc cổ đại, của quý thuật một Đông phương ảo ảnh, của khoa học Lão Tử và đi tìm một nơi ẩn dật, ông Cao gọi lại những biến mất của những cánh đồng lúa vàng, những rừng trúc xanh, những tên phù thủy của lửa ... Ông còn nghị luận đến sự bảo vệ của các con gấu mèo (*panda*) và sự tàn phá môi sinh của

lưu vực sông Dương Tử. Điều ông lo ngại cách đây hơn mười năm nay trở thành nóng bỏng. Chính quyền Bắc Kinh đã bắt đầu cho xây cát một tháp đập khổng lồ với mực độ 175 thước trên mực độ của mặt biển. Các di tích lịch sử, các nơi trồng trọt, các hệ động vật và thực vật ... sẽ bị nước tràn ngập và bị phá hủy. Ông còn nhắc lại những chiến công của tên cướp Tống Quốc Đài, những chiến công của những nữ hiệp sĩ trong tiểu thuyết kiếm hiệp và nỗi khổ đau của những thiếu nữ bị các bí thư Đảng hãm hiếp ...

Ngoài quyển tiểu thuyết *Linh Sơn*, ông còn viết nhiều tiểu thuyết khác như *Đào vong* (Táo wáng), *Sinh tử giới* (Sheng si jiè), *Dạ du thần* (Yè yóu shén) hay người ngủ đi rong, *Thánh kinh của một người* (Yi ge rén de shèng jing), *Cấp ngã lão da mỗ ngư cán* (Gei wo lao ye mai yú gan) hay *Mua cần câu cho ông nội tôi*, v.v. Những quyển sách này đều được dịch ra Pháp ngữ. Đặc biệt trong quyển *Đào Vong*, ông chính thức ly khai Đảng sau sự kiện Thiên An Môn. Một giai thoại đáng được nhắc lại là quyển sách *Linh Sơn* của ông Cao đều bị các nhà xuất bản lớn của Pháp từ chối vì lẽ quyển sách quá dày, quá mạo hiểm của một người còn vô danh. Sau ngày được giải thưởng Nobel, cuốn *Linh Sơn* được bán sạch trong hai ngày và nhà xuất bản Dutrait đang cho in lại. Ông Cao không những là một nhà văn và nhà viết kịch mà còn là nhà phê bình, nhà dịch thuật, nhà đạo diễn và họa sĩ.

Còn phản ứng của Bắc Kinh ra sao? Lê ra Bắc Kinh phải hành diện có một "đồng bào" lần đầu tiên trong lịch sử có giải thưởng Nobel về văn chương. Điều họ thâm ước là những văn nô hay những nhà văn không chống đối chế độ của họ được giải thưởng. Những người này không hiếm ở lục địa. Một số tác giả có tiếng ở trong và ngoài nước mà những tác phẩm của họ đã được dịch ra ngoại ngữ như Ba Kim (Ba Jin), Mạc Ngôn (Mò Yán), Hàn Thiếu Công (Hán Shao Gong), Lục Văn Phú (Lù Wén Fú), Bắc Đảo (Bei Dao), Lưu Tân Nhạn (Líu Bīn Yàn), Trương Hiền Lương (Zhang Xián Liáng), Trương Ái Linh (Zhang Ài Líng), v.v. đều có thể đứng ra tranh giải.

Đằng này, giải thưởng được trao tặng cho một người trốn tránh chế độ ra nước ngoài tự do sáng tác, điều này Bắc Kinh "không thể" chấp nhận được! Điều này càng chứng tỏ sự thành công sáng tác của các nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch v.v. phải ở trong môi trường tự do dân chủ, kỳ dư chỉ được giải thưởng "văn học Stalin" như trước đây!

Phản ứng của Bắc Kinh là hoàn toàn im lặng. Họ để các báo hay tạp chí do họ kiểm soát phản ứng một cách tiêu cực. *Báo Bắc Kinh buổi chiều* (Beijing wan bào) viết: "*Trao giải thưởng Nobel về văn chương đầu tiên cho một nhà văn Trung Quốc vô danh (sic!), nếu không nói là một lãng nhục thì cũng là một điều khinh miệt cho chúng ta*". Nhật báo *Văn hối báo* (Wén huì bào) của Thượng Hải còn đi xa hơn trong lời bình luận: "*Đây là một trò đùa tồi bại, nó làm Ủy ban Nobel mất uy tín trước một phần dư luận của Trung Quốc*". Tuy vậy, cũng còn có một số người còn giữ được nhân phẩm đã phản ứng một cách tích cực. Nhà văn Mạc Ngôn nói: "*Phần thưởng này [cho ông Cao Hành Kiện] chứng tỏ phương Tây bắt đầu hiểu văn chương Trung Quốc*" trong khi nhà văn Hàn Thiếu Công hoan nghênh lên tiếng: "*Điều này làm tôi được khích lệ*". Nhưng có lẽ một nhà báo can đảm của Văn hối báo đã tóm lược được trạng thái của đa số nhà văn Trung Quốc khi ông ta viết: "*Vấn đề chính của sự sáng tạo ở Trung Quốc là thiếu tự do tư tưởng, chế độ kiểm duyệt tất cả. Nhưng nhà văn có tài thì im tiếng còn hơn*".

Không còn gì phải nói thêm. Nhân dân Trung Quốc sẽ không có dịp thưởng thức một án văn tuyệt tác của người đồng hương họ ngoại trừ một thiểu số có dịp đi nước ngoài.

Ông Kim Đại Trung

Riêng về giải thưởng Nobel về hòa bình của tổng thống Hàn Quốc Kim Đại Trung, chính sách "*Ánh sáng mặt trời*" (*sunshine policy*) và sự thành công trong việc gặp gỡ thượng đỉnh ở Bình Nhưỡng trong trung tuần tháng sáu vừa qua đã làm uỷ ban tuyển chọn giải Nobel đi đến quyết định cuối cùng. Những người cùng tranh giải với ông còn có cựu tổng

thống Jimmy Carter, đương kiêm tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton, nhà đối lập Trung Quốc Ngụy Kinh Sinh, hoà thượng Việt Nam Thích Quảng Độ v.v. và còn cả ... Slobodan Milosevic !!! Ông này có lẽ nên tranh giải tòa án hình sự quốc tế về tội chống nhân loại hay giải "Khadafi" về khủng bố vừa được trao cho nhà độc tài Cuba Fidel Castro!

Về ông Kim Đại Trung, báo *Thông Luận* đã nói nhiều, không cần phải nói thêm. Chỉ cần nhấn mạnh là giải thưởng vừa đến đúng lúc cho vị này đang chủ tọa hội nghị thượng đỉnh Âu-Á ở thủ đô Hán Thành. Điều này làm uy tín của ông càng tăng thêm. Cũng như ở các chế độ độc tài, Bình Nhưỡng hoàn toàn im lặng. Không lẽ Kim Chính Nhật cũng muốn có giải thưởng như một số cặp nhân vật trước đây : Lê Đức Thọ - Henry Kissinger (1973), Anwar Sadat - Menahem Begin (1978), Nelson Mandela - F. W. de Klerk (1993), Yasser Arafat - Yitzhak Rabin - Shimon Peres (1994) ? Những giải thưởng này không được dự luận thế giới đồng nhất tán thành trái với những giải thưởng xứng đáng đã trao cho Mẹ Teresa của Ấn Độ (1979), vị hồng y Desmond Tutu của Nam Phi (1984), đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng (1989), nhà dân chủ đối lập Miến Điện Aung San Suu Kyi (1991), Filipe Ximenes - Jose Ramos Horta của Đông Timor (1996) v..v

Hai giải thưởng được các ủy ban Nobel Thụy Điển và Na Uy trao cho hai người Á Châu trong năm 2000 là một ý nghĩa lớn cho người Á châu. Nó đánh dấu một trang sử mới cho thế thượng phong của sự sáng tạo trong môi trường tự do và công cuộc tiến hành cho tự do dân chủ. Ngày nay xu hướng tự do dân chủ đang thắng thế khắp mọi nơi trên thế giới. Các chế độ độc tài lần lượt sụp đổ như ở Nam Dương và gần đây ở Nam Tư là một điều khích lệ. Nhưng khốn thay, cũng còn không ít chế độ vẫn còn thách thức cộng đồng quốc tế và nhân dân của họ. Các chế độ này trước sau phải sụp đổ vì không thể đi ngược lại trào lưu tiến hóa của nhân loại.

Nguyễn Phi Phụng

Vận động quốc tế cho một nước Việt Nam tự do

Đoàn Viết Hoạt

LTS: Bài nói chuyện của GS Đoàn Viết Hoạt tại bữa tiệc khai mạc Đại Hội Mạng Lưới Nhân Quyền tại Orange County, California, ngày 6/10/2000. Vì khuôn khổ tờ báo giới hạn, xin trích dẫn những đoạn chúng tôi nghi là căn bản.

Thưa quý vị và các bạn,

[...] Để mở đầu buổi nói chuyện hôm nay tôi xin cống hiến quý vị và các bạn hai câu chuyện.

Hai tháng trước, một tổ chức có tên là The Victims of Communism Memorial Foundation (Nghĩa Hội Tưởng Niệm Nạn Nhân Cộng Sản) mời tôi đến gặp họ để thảo luận về một buổi lễ họ dự định tổ chức vào tháng 11 này. Đây là một tổ chức được quốc hội Hoa Kỳ thành lập bằng một đạo luật do tổng thống Hoa Kỳ ban hành vào năm 1993. Tổ chức này có hai nhiệm vụ: xây dựng một tượng đài tưởng niệm nạn nhân cộng sản trên toàn thế giới, và một viện bảo tàng nạn nhân cộng sản thế giới. Theo đạo luật thành lập Nghĩa Hội này thì cuối năm nay, 2000, tượng đài sẽ bắt đầu được xây dựng tại Hoa Thịnh Đốn. Tài liệu do Nghĩa Hội ấn hành nêu lên con số hơn 100 triệu nạn nhân cộng sản trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Mặc dù tổ chức này đã hoạt động từ năm 1993 tới nay nhưng hình như rất ít người Việt hải ngoại biết đến hoạt động của họ. Đây có thể là khuyết điểm của tổ chức này, nhưng chúng ta cũng đã bỏ lỡ một cơ hội tốt để cùng với họ nêu bật được vấn đề Việt Nam trước công luận Mỹ và quốc tế. Những hình ảnh vượt biển của người Việt đã gây xúc động cho toàn thế giới, nhất là ở Hoa Kỳ. Thế mà hình ảnh vượt biển trong tài liệu nạn nhân cộng sản thế giới lại không phải là hình ảnh những Boat People Việt Nam. Tôi nói lên những nhận xét này với những người lãnh đạo của Nghĩa Hội Nạn Nhân Cộng Sản và đề nghị họ quảng bá rộng rãi chương trình hoạt động của họ cho cộng đồng người Việt và tạo cơ hội để cộng đồng Việt Nam tham gia vào các hoạt động của Nghĩa Hội. Tôi cũng đã giới thiệu với họ

những nhân vật và tổ chức của cộng đồng người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn để họ liên lạc. Về phần chúng ta tôi thấy rõ chúng ta cần cố gắng kết hợp tiềm năng rộng lớn của cộng đồng chúng ta với những nỗ lực cùng chí hướng của chính người Mỹ. Điều này lại càng thích hợp trong bối cảnh hiện nay khi đại đa số người Việt tại Hoa Kỳ đã là công dân Mỹ, có thể vừa đấu tranh với tư cách một người Việt cho một nước Việt Nam dân chủ tự do, vừa có quyền, với tư cách một công dân Mỹ, đòi hỏi chính quyền Mỹ không được đi ngược lại lý tưởng tự do dân chủ trong chính sách đối ngoại, đặc biệt là với những người cầm quyền ở những nước như Việt Nam, đang vi phạm những quyền tự do căn bản của người dân.

Điều này liên quan tới một sự kiện thứ hai có tính thời sự hơn. Như chúng ta đều biết tổng thống Bill Clinton quyết định sẽ tới thăm Việt Nam vào tháng 11 này nhân dịp tham dự Hội Nghị APEC tại Brunei. Chúng ta, những người Việt đã biết thế nào là xã hội Hoa Kỳ, là nền kinh tế thị trường tự do của Mỹ. Chúng ta cũng đã biết thế nào là một xã hội dân chủ, không phải chỉ thông qua các cuộc tranh cử và bầu cử tự do, mà cả trong sinh hoạt thường ngày của người dân..... Nhưng đối với đa số nhân dân trong nước, nhất là những người dân ở miền Bắc, phải sống dưới chế độ cộng sản hàng nửa thế kỷ nay, kinh tế thị trường và chính trị dân chủ thật còn nhiều xa lạ. Cho nên việc ký kết Hiệp ước Thương mại Mỹ-Việt và việc tổng thống Hoa Kỳ tới thăm Việt Nam chắc hẳn sẽ gây nhiều xôn xao trong dân chúng. Đối với người Việt hải ngoại chúng ta, chúng ta đều hiểu rất rõ rằng những sự kiện đó sẽ tác động tích cực tới tình hình nước ta, tạo thêm cơ hội cho người dân trong nước trong cuộc đấu tranh thầm lặng

hiện nay của họ để giành lại quyền chủ động về kinh tế thương mại, và từ đó tăng cường thêm niềm tự tin vào tương lai ngày càng tự do hơn trên mọi lãnh vực đời sống xã hội. Nhưng chúng ta đồng thời cũng hiểu rất rõ rằng ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam sẽ làm tất cả những gì họ có thể làm được để giữ độc quyền chính trị và văn hóa, ít nhất cho đến khi nào họ không còn có thể làm được. Để tự do kinh doanh tạo được biến đổi căn bản trên văn hóa và chính trị, chuyển được từ độc tài toàn trị sang dân chủ tự do, đòi hỏi nhiều điều kiện và nhiều thời gian.....Quan điểm của chúng ta rất rõ ràng: chúng ta ủng hộ tự do kinh doanh nhưng tự do kinh doanh không thể phát triển bền vững được trong một xã hội độc quyền, độc tài toàn trị, trong một xã hội mà bất ổn định ngày càng gia tăng cùng với lòng bất mãn của quần chúng. Và do đó chúng ta không thể ngồi im chờ đợi "cây đũa thần" tự do kinh doanh. Tự do kinh doanh tự nó không thể dẫn tới một xã hội tự do dân chủ. Ngược lại nếu không có những thay đổi căn bản trong văn hóa và chính trị, song hành với tự do kinh doanh, thì tự do kinh doanh sớm muộn sẽ bị bế tắc, và do đó sẽ dẫn đến rối loạn xã hội và chính trị.

Tôi luôn luôn trình bày quan điểm này trên mọi diễn đàn quốc tế mà tôi có dịp tham dự. Gần đây tôi cũng đã có cơ hội trình bày quan điểm này với tổng thống Bill Clinton khi được gặp ông vào tối 19 tháng 9 vừa qua nhân dịp Trung Tâm Kennedy ở Hoa Thịnh Đốn tổ chức vinh danh những nhà tranh đấu cho tự do trên khắp thế giới. Tôi đề nghị tổng thống hãy cho ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam hiểu rõ rằng Hoa Kỳ không thể tán đồng chính sách vi phạm nhân quyền và đàn áp tự do dân chủ của họ. Tôi cũng trình bày với tổng thống là cộng đồng người Việt hải ngoại ước mong nhân chuyến viếng thăm Việt Nam lần này, tổng thống sẽ gửi cho nhân dân Việt Nam một thông điệp rõ ràng rằng Hoa Kỳ luôn luôn đề cao lý tưởng tự do dân chủ và nhân quyền ở mọi nơi trên thế giới. Và, tôi đề nghị quý vị hãy vận động các vị dân cử Hoa Kỳ cùng chúng ta yêu cầu tổng thống Clinton gửi một thông điệp rõ ràng như thế cho nhân dân Việt Nam. Chúng ta tin rằng chỉ với một thông điệp như thế

thì chuyến đi thăm Việt Nam của tổng thống Clinton mới có ý nghĩa và mới giúp mở ra giai đoạn cuối cùng trong tiến trình tự do hóa và dân chủ hóa Việt Nam, trong đó toàn dân Việt Nam sẽ giành lại được quyền chủ động trong mọi sinh hoạt xã hội, từ kinh tế thương mại tới văn hóa giáo dục, thông tin và chính trị.

[...] Thế giới hôm nay và nhất là trong những thập niên tới sẽ có phần tham dự quan trọng của những yếu tố tiến bộ mới, không Âu-Mỹ, và nhất là của những yếu tố đến từ Á Châu. Chúng ta đều biết ngày nay nhiều nhà nghiên cứu Âu-Mỹ đã cho rằng, một cách khái quát, thế kỷ 19 là thế kỷ của Âu Châu, thế kỷ 20 là thế kỷ của Hoa Kỳ, và thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của Á Châu Thái Bình Dương. Những biến chuyển trong khu vực Á Châu TBD trên tất cả mọi lãnh vực, từ kinh tế thương mại tới văn hóa học thuật và chính trị quân sự, đều đang cung cấp cho chúng ta những chỉ dấu như thế. Riêng đối với Hoa Kỳ, Á Châu Thái Bình Dương đã được nâng lên tầm mức chiến lược quan trọng và được tổng thống Bill Clinton chính thức đưa ra trong bài diễn văn đăng ghi nhớ tại quốc hội liên bang Úc châu vào ngày 20 tháng 11 năm 1996, ngay sau khi ông tái đắc cử tổng thống nhiệm kỳ hai. Trong xu thế đó, chúng ta đang và sẽ tiếp tục thấy diễn ra tại Á Châu TBD cuộc tái hòa nhập Á-Âu Mỹ trong quá trình toàn cầu hóa trên tất cả mọi lãnh vực hoạt động xã hội và trong bối cảnh một Á Châu, nhất là một ASEAN, đang tiến nhanh trên con đường hưng thịnh. Tại mỗi quốc gia trong khu vực này, đặc biệt tại Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam, đang và sẽ dồn dập diễn ra những biến chuyển kinh tế xã hội, văn hóa thông tin, và chính trị ngày càng phù hợp với xu thế chung của thế giới và của Á Châu TBD.

Những biến chuyển đó đang và sẽ làm suy yếu và tiến đến vô hiệu hóa mọi ý đồ độc quyền và độc tài của những nhóm cầm quyền dù quân phiệt hay đảng trị tại khu vực ngày càng trở nên quan trọng này của thế giới. Riêng với dân tộc ta, viễn cảnh thế giới và khu vực trong những thập niên tới đang mở ra trước mắt dân tộc Việt nói chung, và những người Việt tự do ở hải ngoại nói riêng, một chân trời phát triển hết sức

rộng lớn. Nhưng đất nước và dân tộc chúng ta chỉ có thể tiến về chân trời rộng mở này khi có một cơ chế chính trị và một khung cảnh xã hội tự do trong đó sinh lực và tài năng của mọi người Việt không phân biệt địa phương, tôn giáo, chính kiến, tư tưởng, đều có cơ hội để phát huy. Bằng kinh nghiệm bản thân cũng như bằng thực tế, chúng ta không tin rằng tập đoàn cầm quyền hiện nay ở Việt Nam có thể tạo ra được các điều kiện và cơ hội như thế cho toàn dân Việt Nam, dù họ có "đổi mới" như thế nào. Mọi chương trình "đổi mới" tới nay của ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam vẫn chỉ nhằm tìm cách thích ứng với tình hình quốc tế mới để duy trì độc quyền chính trị và văn hóa của họ.

[...] Một điều mà tôi tin chắc đang và sẽ tiếp tục xảy ra ngày một quyết liệt hơn. Đó là mâu thuẫn không thể giải quyết được giữa ý đồ chiến lược của ban lãnh đạo đảng cộng sản với xu thế toàn cầu hóa và diễn biến thực tế của tình hình thế giới và ngay tại Việt Nam. Ý đồ chiến lược của ban lãnh đạo đảng cộng sản, thể hiện trong kế hoạch "đổi mới" của họ, chỉ là những ý đồ chủ quan, đi ngược với xu thế và tình hình thế giới, bất cập với khát vọng tự do hạnh phúc của toàn dân Việt, và do đó hoàn toàn không đưa ra được những giải pháp cụ thể để giải quyết tình trạng bế tắc của đất nước... Chính vì vậy mà ngay trong nội bộ đảng cộng sản đang bộc lộ những mâu thuẫn nội tại khó thể hàn gắn được. Hầu hết những biến động hiện nay ở Việt Nam, nhất là ở miền Bắc, đều do chính những cán bộ cộng sản về hưu tạo ra, những người không còn chức quyền, không có đặc quyền đặc lợi, và trong nhiều trường hợp, nhất là ở nông thôn, đang bị cưỡng quyền áp bức.

Trong khi đó thì cuộc cách mạng thông tin điện tử toàn cầu đang ngày càng thông lưu biên giới giữa Việt Nam với thế giới, giữa người dân trong nước với cộng đồng người Việt hải ngoại. Việt Nam đang hòa nhập vào dòng tiến hóa chung của thế giới và nhân loại.

[...] Trào lưu tự do tiến bộ của nhân loại sẽ ùa vào đất nước Việt quét tan đi không khí chính trị, văn hóa lạc hậu đầy ô nhiễm hiện nay, khơi dậy sức sống tiềm ẩn của toàn dân Việt. Một mặt trận

mới đã bắt đầu với hai trận tuyến ngày càng rõ nét: một bên là thiểu số cộng sản cầm quyền, lạc hậu, bất lực, bảo thủ và độc đoán; một bên là toàn dân Việt cả trong nước lẫn hải ngoại với khát vọng tự do hạnh phúc và tiến bộ. Trong giai đoạn cuối cùng này những người Việt tự do bất kể đang ở đâu, trong nước hay hải ngoại, trong đoàn thể chính trị, tôn giáo, văn hóa, thông tin nào đều có chung hai công việc cần làm.

Một là đẩy nhanh quá trình thông lưu Việt Nam với thế giới, thông lưu người dân trong nước với hải ngoại, chủ động nối kết toàn dân Việt lại thành một đại khối dân tộc trên mọi mặt từ kinh tế thương mại tới văn hóa, thông tin, giáo dục và chính trị để hình thành trận tuyến dân tộc, từ đó tách biệt thiểu số cộng sản đang cầm quyền ra khỏi đại khối dân tộc.

Hai là đẩy nhanh cuộc vận động ngoại giao quốc tế theo chiều hướng tách biệt tập đoàn cầm quyền hiện nay ra khỏi công luận quốc tế về mặt đạo lý và lương tâm nhân loại, tiến lên thách thức tính hợp pháp của tập đoàn cầm quyền hiện tại, và sau cùng đưa ra trước cộng đồng quốc tế giải pháp không cộng sản cho một nước Việt Nam tự do, hòa bình, ổn định và tiến bộ.

Hai công việc này liên quan mật thiết với nhau. Không có một trận tuyến toàn dân Việt làm nền tảng chính nghĩa trong sáng cho cuộc vận động quốc tế thì cuộc vận động quốc tế chỉ là một hình thức ngoại giao cầu cạnh xin xỏ làm tổn thương tới danh dự dân tộc và không tạo được uy tín cho giải pháp Việt Nam tự do. Đồng thời nối kết toàn dân Việt trong nước với hải ngoại không được thực hiện trong bối cảnh đại gia đình thế giới toàn nhân loại tiến bộ, sẽ không tạo được sức mạnh cho người dân trong nước, đồng thời không làm nổi bật được tính chất bảo thủ, lạc hậu và đóng còi của tập đoàn thiểu số cầm quyền hiện nay, và do đó không tách biệt được họ ra khỏi đại khối dân tộc, và ra khỏi công luận quốc tế. Vận động quốc tế phải nhằm lấy lại danh dự và uy tín cho dân tộc, và tranh thủ được sự đồng tình quốc tế cho một giải pháp không cộng sản để khai thông bế tắc hiện nay của dân tộc.

Đoàn Viết Hoạt

Thư của bác sĩ Nguyễn Đan Quế

gửi đại hội Mạng lưới Nhân Quyền Việt Nam
(tổ chức vào ngày 6 tháng 10 năm 2000)

Việt Nam ngày 25 tháng 9 năm 2000

Kính thưa quý vị,

Bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục bị thế giới lên án vì vi phạm nhân quyền. Hà Nội chối : họ cho là bên ngoài can thiệp vào nội bộ Việt Nam.

Nhân quyền là những giá trị phổ quát bất khả phân mà mọi người trên khắp thế giới có quyền thụ hưởng. Chính phủ và các dân tộc khác có quyền lên tiếng bênh vực nhân quyền, vượt các biên giới địa lý, văn hóa, chủng tộc. Làm sao có thể phủ nhận chân lý đó ?

Vậy muốn chống thì nên rút ra khỏi Liên Hiệp Quốc, nếu còn chút liêm sỉ.

Bị áp lực tứ phía : trong nước, ngoài nước, quốc tế và trên mọi mặt từ kinh tế, văn hóa, chính trị, cũng như từ sự phá sản của chủ nghĩa cộng sản trên toàn cầu, đến bị các nước đàn anh bỏ rơi bơ vơ.

Từ anh hùng tự phong đến bị cả dân tộc phỉ nhổ, bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đang thay đổi chiến thuật để đối phó với phong trào đòi nhân quyền bằng cách : một mặt đầu dụ, mặt khác tập trung vào những điểm nóng có nguy cơ bùng nổ vì vấn đề vi phạm nhân quyền tại Việt Nam.

Cách họ làm là :

- 1 - Nói lòng kiểm soát kinh tế, chấp nhận dần dần thị trường tự do, khiến người dân có cảm tưởng tương đối sống thoải mái hơn mấy chục năm trong chiến tranh, mặc dầu còn rất nhiều khó khăn về kinh tế và công ăn việc làm.
- 2 - Không trải rộng công an để theo dõi "điện" (tức là quần chúng) mà tập trung lực lượng chỉ phối "điểm", qua lũng đoạn lãnh đạo các tổ chức hoặc tôn giáo, như : thành lập các giáo hội quốc doanh Phật Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, thành lập công đoàn Đảng, nông hội Đảng để khống chế nhân dân. Nhưng nhân dân vẫn nổi dậy như vụ Thái Bình, Nam

Định, Đồng Tháp và đồng bào Thượng tán công công an ở Đắc Lắc, v.v.

Hoặc chúng cô lập, bịt miệng và trấn áp những nhà hoạt động cho nhân quyền và tôn giáo. Làm sao ít gây kinh động trong nhân dân, giới hạn tối đa thiệt hại uy tín trên trường quốc tế như mới đây :

* không cấp chiếu khán cho Thượng Tọa Thích Thái Hòa đi dự Hội Nghị Hòa Bình và Tôn Giáo của Liên Hiệp Quốc.

* hay lấy đất của tu viện làm khu giải trí ở Huế.

* hoặc mang một số tín đồ Hòa Hảo ra tòa, v.v.

3 - Độc quyền thông tin để độc quyền chính trị: vi phạm nhân quyền quy mô lớn nhất ở Việt Nam vẫn là việc bộ chính trị nắm hết trong tay truyền thông đại chúng như: truyền thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản, v.v... nhằm điều kiện hóa con người: nghi, nói và làm theo ý đồ của nhóm 19 tên phản động bộ chính trị, cầm đầu là Lê Khả Phiêu, mà an toàn, không sợ bị chỉ trích hay tố cáo.

Song song với những thủ đoạn trên, chúng ra sức tô vẽ bộ mặt hề dân chủ qua bầu cử giả hiệu và rao bán những chiếu bài mà chúng gọi là "dân chủ tập trung" trong cơ sở Đảng các cấp, kêu gọi ban phát dân chủ cho dân và ngày đêm ra rả trên những phương tiện truyền thông đại chúng, nhằm đánh lừa dư luận trong nước và quốc tế.

Tình hình trong và ngoài nước sẽ biến động mạnh trong những ngày tới, nhất là sau khi Thương ước Mỹ-Việt được thi hành. Thực vậy, cộng sản đang phải rời sở trường quân sự để bước vào sở đoản làm kinh tế, trong khi đó những lực lượng đấu tranh cho Việt Nam từ sở đoản không có bạo lực đang tiến vào sân với sở trường của mình và với những phát triển mới.

Thế cộng sản tiêu dần vì chủ nghĩa phá sản, và lực của chúng trong thị trường tự do, tỏ rõ bất tòng tâm. Ngược lại, thế quần chúng chống đối tăng nhanh,

vì hướng mới mang lại quyền lợi cho mọi người, để sức mạnh được cộng lại nhân thêm, vì điều hành xã hội lọt vào tay những người giỏi ngoài Đảng. "Hồng hơn chuyên" bị đẩy sang lề, nhìn lịch sử tiến tới.

Dân chủ hóa Việt Nam, một khi rào cản được dẹp bỏ, sẽ lớn mạnh, trong khi bộ chính trị xung khắc loại trừ nhau.

Bước quyết định đang tới.

Cho nên trong nước, chúng ta vận động quần chúng nhảy lên nắm lấy thẩm quyền kinh tế văn hóa về tay mình, làm biến đổi hẳn hạ tầng. Hạ tầng mới sẽ quyết định thượng tầng phù hợp.

Và ngoài nước, đây là lúc người Việt hải ngoại, nay có lợi thế thông thương, trực tiếp tham gia vào cuộc chiến đấu chung, đòi bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam phải : khi mở rộng phát triển thương mại với Mỹ không thể không tôn trọng nhân quyền, đặc biệt là tự do tín ngưỡng, tự do báo chí và quyền người lao động.

Chúng tôi xin đề nghị :

1 - Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng vận động các tổ chức đấu tranh cho nhân quyền trên thế giới, quốc hội và chính phủ các nước dân chủ như Mỹ, Liên hiệp Âu Châu, Gia Nã Đại, Úc, v.v..., đòi nhân quyền và dân chủ cho Việt Nam, cụ thể là khai thác tối đa chuyển viếng thăm sắp tới của tổng thống Mỹ. Và trên mặt trận kinh tế, thuyết phục những nhà đầu tư Mỹ và Tổng Công đoàn Lao công Mỹ AFL-CIO, nêu điều kiện phải có tự do báo chí và không được vi phạm quyền công nhân như : thành lập nghiệp đoàn tư, quyền đình công và thương thuyết tập thể, lương tối thiểu, an toàn lao động, bình đẳng giới tính, không sử dụng lao động trẻ em, với quan tâm thích đáng về môi trường, v. v.

Chúng tôi tin rằng hợp tác giữa chủ và thợ nhằm thăng tiến quyền lợi công nhân sẽ làm gia tăng sức sản xuất bởi cạnh tranh của chính các xí nghiệp.

2 - Theo hiệp ước mới ký, Việt Nam phải bảo đảm cơ hội đầu tư đồng đều cho công nhân Việt Nam cũng như tự nhân ngoại quốc. Chúng ta cổ vũ hợp tác giữa công ty tư Việt Nam và công ty tư ngoại quốc nhằm biến khu vực tư nhân thành chủ yếu trong nền kinh tế

quốc dân.

3 - Để thực thi nghiêm chỉnh thương ước, chúng ta vận động dư luận, nhất là những nhà lập pháp Hoa Kỳ, các nước Âu châu, Gia Nã Đại, Úc, v. v., đòi thành lập một ủy ban giám sát Mỹ-Việt trong đó bao gồm những nhà hoạt động cho nhân quyền Việt Nam. Những lực lượng đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ tại Việt Nam sắp có thuận lợi, do các điều khoản trong Hiệp ước Mỹ-Việt và các luật lệ của các tổ chức thế giới như WTO mà Việt Nam sẽ gia nhập. Nhưng không bao giờ chúng ta được mất cảnh giác trước các lơo leo của bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam.

Để giúp chuyển biến hòa bình sang dân chủ, trọng tâm vấn đề là :

A) Tách hẳn Đảng Cộng sản ra khỏi chính quyền, dẹp bỏ tất cả mọi hoạt động của đảng ủy cơ quan các cấp, các ngành.

B) Quốc hội Việt Nam, cơ quan quyền lực cao nhất, dù chỉ là hình thức, nhưng trên nguyên tắc, vì là đại diện cho cử tri của mình, nên có tư cách pháp lý để soạn thảo một văn kiện cho giai đoạn chuyển tiếp. Đó là luật bầu cử công bằng tự do, có giám sát quốc tế.

C) Phối hợp trong ngoài với sự ủng hộ mạnh mẽ của xu thế dân chủ đang dâng cao trên thế giới, nhân dân ta quyết liệt đưa chính quyền Việt Nam vào thế phải tổ chức bầu cử quốc hội lập hiến. Quốc hội mới sẽ quyết định thể chế mới và nhà nước mới, đáp ứng đúng nguyện vọng và quyền lợi của nhân dân hai miền Nam Bắc, và phù hợp với tình hình mới của thế giới.

Xin trân trọng kính chào quý vị và mong rằng Mạng lưới Nhân Quyền phát huy được sức mạnh thông tin ghê gớm của Internet trong việc vận động cho nhân quyền Việt Nam, vượt mọi bức tường lửa khi kinh tế tài chánh và dịch vụ bắt buộc phải mở rộng của.

Bác sĩ **Nguyễn Đan Quế**
Cao trào Nhân bản
Hội viên Ân xá Quốc tế
Giải thưởng Nhân Quyền
Raoul Wallenberg
Giải thưởng Nhân Quyền
Robert F. Kennedy

Thông cáo báo chí của

Mạng Lưới Dân Chủ

Paris, ngày 06-10-2000

Trong hai ngày 30-09 và 01-10 vừa qua, sáu trong số chín tổ chức và cơ quan báo chí thành viên sáng lập Mạng Lưới Dân Chủ (MLDC) đã gặp nhau tại Paris nhằm thắt chặt quan hệ, cụ thể hóa sự hợp tác đồng thời cùng nhau thảo luận hai đề tài: " Thế nào là dân chủ, làm sao nhận diện dân chủ, yếu tính của dân chủ là gì? " và " Tìm hiểu Hiệp ước thương mại Việt-Mỹ, tác dụng trên tiến trình dân chủ hóa VN ".

Sau năm tháng cùng nhau xây dựng MLDC, đây là lần đầu tiên các tổ chức và cơ quan báo chí đã trao đổi một cách trực tiếp, bộc trực, tạo sự cảm thông, thân thiện nhằm chung vai sát cánh trong công cuộc dân chủ hóa đất nước. Một số đồng thuận về hoạt động sẽ được triển khai trong những tháng sắp tới.

Cuộc hội thảo lấy chất lượng là chính đã tạo nên nhiều phán khởi. Nhiều ý kiến phong phú đã được nêu lên. Sự phong phú này phát xuất từ thực tế là MLDC gồm nhiều tổ chức, cơ quan báo chí khác nhau, đến từ nhiều địa phương khác nhau, lâu nay hoạt động riêng lẻ với trọng tâm riêng biệt.

Dân chủ đã được thể hiện, xuyên suốt trong hai ngày làm việc qua cố gắng tìm đồng thuận, kính trọng sự khác biệt và không khí hòa nhã giữa mọi người.

MLDC không phải là một tổ chức chính trị. Từ nhận định rằng các cá nhân, tổ chức, cơ quan báo chí đấu tranh cho dân chủ cần chung vai sát cánh với nhau hơn nữa, MLDC được thành lập như một kết hợp thoáng, mở. MLDC giữ vai trò xúc tác, hỗ trợ và phối hợp nhằm tạo thêm một khởi sắc cho công cuộc đấu tranh chung vì lương tâm con người.

Tham gia MLDC chỉ cần đồng ý với quy chế của MLDC. Liên lạc về địa chỉ email dd-mldc-owner@egroups.com

Ban điều hợp MLDC

Đảng Cộng Sản phải bỏ độc quyền chính trị

Nguyễn Mạnh Sơn

LTS. Ông Nguyễn Mạnh Sơn, kỹ sư cơ khí, là một đảng viên cộng sản về hưu, hiện đang sinh hoạt chi bộ đảng tại Hải Phòng. Bài tham luận này nhằm đóng góp vào cuộc thảo luận các văn kiện trình Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam, dự trù nhóm họp vào tháng 3 năm 2001. Đây là bài phát biểu mạnh dạn và rõ rệt nhất từ trước đến nay trong các đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam: ông Nguyễn Mạnh Sơn đề nghị bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, bỏ điều 4 hiến pháp, chấp nhận đa nguyên đa đảng, thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; ông cũng đề nghị đổi tên đảng và đổi tên nước.

Sau đây là nguyên văn bài tham luận đọc trước Đại hội Đảng bộ phường Phan Bội Châu (lần thứ VIII), quận Hồng Bàng, Hải Phòng, được tổ chức từ ngày 31-8 đến ngày 1-9-2000. Đề tựa là của tòa soạn.

Kính thưa các vị đại biểu,
Kính thưa đại hội,

Tôi hoàn toàn nhất trí về những nguy cơ mà dự thảo văn kiện đại hội, Đảng toàn quốc lần thứ IX trình bày. Nhưng điều quan trọng là tìm ra nguyên nhân và có những biện pháp hữu hiệu đẩy lùi các nguy cơ ấy. Tôi xin tham luận về hai nguy cơ: tụt hậu và tham nhũng.

I. Về nguy cơ tụt hậu

Đây là một nguy cơ có thật. Nếu lấy thu nhập bình quân đầu người/năm để đánh giá, thì nước ta vẫn là một trong mười ba nước đói nghèo nhất thế giới. Theo cách tính của Liên Hiệp Quốc, những nước thu nhập bình quân 360 đôla/đầu người/năm là nước đói nghèo. Nước ta bình quân mới hơn 200 đôla/đầu người/năm.

Cứ coi như ta thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế-xã hội năm 2001-2010 để đến năm 2010 GDP tăng gấp đôi so với năm 2000. Và coi như ta thực hiện thắng lợi tỷ lệ giảm dân số từ 1,53% (2000) xuống còn 1,23% (2005) và đến năm 2010 còn 1,1-1,2%. Tính đến đầu năm 2000 dân số nước ta đạt 77.182.000 người, đến năm 2010 sẽ hơn 88 triệu (theo kế hoạch). Vì thu nhập của ta bình quân đạt trên 360 đôla/đầu người/năm vào năm 2010, như vậy là cho dù ta có thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010, nước ta vẫn là nước còn đói nghèo.

Chỉ tiêu về trẻ em suy dinh dưỡng càng minh chứng cho điều đó: tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 35-36% hiện nay giảm xuống 20-25% đến năm 2010 còn 15-20%. Có nhiều nguyên nhân để trẻ em suy dinh dưỡng, nhưng một nguyên nhân rất quan trọng là bố mẹ chúng còn đói nghèo.

Với nhịp độ tăng trưởng kinh tế hiện nay người ta tính rằng phải 7 năm nữa ta mới bằng Phi-lip-pin; 16 năm nữa mới bằng In-đô-nê-xia và 105 năm nữa mới bằng Ma-lay-xia. Đâu là nguyên nhân của sự tụt hậu? Chắc chắn là thể chế của chúng ta là không tốt.

Tôi xin góp thêm hai nguyên nhân của cái chưa tốt trong thể chế:

1. Bộ máy cầm quyền quá cồng kềnh, kém hiệu lực

Ngoài bộ máy chính quyền, ta còn có bộ máy của Đảng với đầy đủ ban bộ như chính quyền và bộ máy các đoàn thể công đoàn, phụ nữ, đoàn thanh niên, mặt trận v.v...

Ông Hoàng Hữu Nhân khi còn sống có nói: "Bộ máy cầm quyền mà sử dụng tới ba vạn chiếc xe con để chở các quan chức đi làm, đi chơi, đi nhà hàng, cộng với mười triệu viên chức ăn lương thì dân chịu sao nổi, thuế bao nhiêu cho vừa?". Theo ông Nguyễn Khắc Viện thì số viên chức của Thanh Hóa gấp hai lần số viên chức của toàn Đông Dương thời Pháp thuộc. Người ta tính GDP của nước Pháp lớn hơn 100 lần GDP của ta mà số người ăn lương của ta gấp mười lần số người ăn lương của nước Pháp! Đây là chứng minh về sự cồng kềnh. Còn về kém hiệu lực, tôi xin đưa hai dẫn chứng:

- Việc lớn: an toàn giao thông. Chắc chắn ta đứng đầu thế giới về tai nạn giao thông. Ta đã nhận thức được điều này nên năm 1996 ta đã có Nghị định 36/CP về công tác an toàn giao thông. Liên tục trong nhiều năm, ta ra quân hết đợt 1, đợt 2, đợt 3... Thôi thì trống giông cờ mỏ, xe máy, xe ô tô rầm rập cổ vũ khắp các thành phố, thị xã trên toàn quốc. Nhưng từ 1996 đến sáu tháng đầu năm 2000 tai nạn giao thông không ngừng tăng. Hàng năm có khoảng 7.000 người chết và trên

23.000 người bị thương, có nhiều người chết sau đó hoặc tàn phế suốt đời. Số người chết và bị thương này còn lớn hơn số người chết và bị thương trong thảm họa động đất ở Kô-bê Nhật Bản, và cũng lớn hơn cuộc oanh kích của NATO xuống Cô-xô-vô và Nam Tư năm trước. Chưa thấy một quan chức nào chịu trách nhiệm về thảm họa này.

- Việc nhỏ: trả lại một ngôi nhà cho một công dân. Đó là việc khiếu nại để được đòi lại ngôi nhà số 34 phố Hoàng Diệu (Hà Nội) của gia đình ông Trịnh Văn Bô, đảng viên (đã mất) và bà Hoàng Thị Minh Hồ (năm nay bà Hồ 86 tuổi). Năm 1945, Đảng ta cướp chính quyền, ngân sách hầu như rỗng không. Ông bà Bô đã ủng hộ chính quyền cách mạng từ buổi trũng nước hàng triệu đồng Đông Dương và 5.147 lạng vàng (tương đương 193,5 kg vàng). Ngôi nhà 48 Hàng Ngang nói Bác Hồ viết bản "Tuyên ngôn độc lập" bất hủ cũng của ông bà Bô giao cho cách mạng. Bác Hồ đã nói: "Cô chú là ân nhân của Đảng, của dân tộc". Còn ngôi nhà 34 phố Hoàng Diệu là ông bà Bô cho cách mạng mượn. Các vị lãnh đạo đã chỉ thị phải trả lại ngôi nhà này cho bà Bô. Trong sáu năm từ 1994 đến tháng 9-1999, qua các chỉ thị của các vị Phạm Văn Đồng, Lê Đức Anh, Võ Chí Công, Lê Quang Đạo, Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Phạm Thế Duyệt..., ngôi nhà 34 Hoàng Diệu vẫn chưa trả về cho chủ của nó. Chuyện nghe tưởng như phi lý nhưng có thật. Đài, báo đều đưa tin. Người ta nghi ngờ về sự kém hiệu lực của sự lãnh đạo một phần và còn nghi ngờ ở sự kém thật thà trong các chỉ thị của lãnh đạo.

2. Chúng ta chưa có tự do, dân chủ thực sự

Mọi người đều biết rằng tự do là quy

luật của tiến hóa, là tiền đề của phát triển. Xã hội sẽ không phát triển nếu thiếu tự do, dân chủ. Tự do cùng còn là khát vọng của con người. Bác Hồ nói: "Độc lập mà dân không được tự do, không được hạnh phúc, thì độc lập không có nghĩa lý gì". Chính vì lẽ đó điều 4 trong Hiến Pháp năm 1946 của ta và điều 69 trong Hiến Pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam viết: "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin, có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật".

Ai bảo ta không có quyền tự do báo chí? Ta hiện có 600 tờ báo trong cả nước. Nhớ lại còn thời cố Tổng bí thư Lê Duẩn về thăm một số hợp tác xã nông nghiệp của Kiến Thụy. Người ta thả cua xuống lạch, mượn lợn của các gia đình thả vào chuồng của hợp tác xã; đưa bàn ghế, tủ giường trang trí cho gia đình thương binh (nơi đ/c Lê Duẩn đến thăm). Phóng viên báo chí biết cả, nhưng đều chụp ảnh, đưa tin tuyên truyền rùm beng về thắng lợi của các hợp tác xã quy mô lớn, và đời sống ngày càng được nâng cao của nhân dân.

Lại nhớ lại vụ Thái Bình năm trước, nghiêm trọng như vậy mà có báo chí nào viết bài phát hiện để Trung ương kịp thời giải quyết. Lại nhớ đến các vụ án dệt Nam Định, Tàn Trường Sanh, Epcơ Minh Phụng..., trước đó báo chí đều đăng bài ca ngợi về sự sáng suốt vì lợi ích của công nhân, của các vị lãnh đạo của các cơ sở này. Tìm một tờ báo dám nói thẳng, nói thật vì một đường lối không hợp quy luật khách quan, không có lợi cho dân, cho nước, dám bênh vực những công dân bị bắt oan, xử oan chỉ vì có những chính kiến khác với chính kiến chính thống... thật là hiếm vậy.

Đến nay có thể khẳng định một xã hội nếu không có báo chí tư nhân và xuất bản tư nhân, xã hội đó không thể gọi là dân chủ được và người dân cũng không thể có tự do được (mặc dù chỉ là tự do tương đối). Tháng 1-1998, trong bài nói của ông Hữu Thọ, trưởng ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương Đảng với tiêu đề: "Nghị quyết Trung ương 4 một nghị quyết rất quan trọng về kinh tế trong thời kỳ đổi mới" có đoạn: "...Ba là: Quyền làm chủ của nhân dân không được phát huy. Khẩu hiệu: "dân biết-dân bàn-dân làm-dân kiểm tra" được nêu lên từ Đại hội VI năm 1986 đến nay là 11 năm mà chưa được cụ thể hóa. Dân được biết thì

được biết cái gì. Dân được bàn thì được bàn cái gì. Dân làm có lẽ là rõ, còn dân kiểm tra thì kiểm tra cái gì, kiểm tra ai, kiểm tra theo cơ chế nào. Sau 11 năm khẩu hiệu ấy đến nay về cơ bản vẫn nguyên là khẩu hiệu, chưa có một cơ chế thực hiện. Chưa có cơ chế dân chủ thì dân chưa được làm chủ...".

Thưa ông Hữu Thọ có cơ chế để dân làm chủ đấy, chỉ cần ta thực hiện đúng điều 69 trong Hiến pháp là ta có thể thực hiện đúng quyền tự do dân chủ của nhân dân rồi. Thiếu tự do, dân chủ cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu của tệ tham nhũng, cửa quyền, ức hiếp quần chúng và làm tăng cái bất công trong xã hội.

Ngoài quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, một thể chế dân chủ phải thực hiện tự do trong bầu cử. Cơ quan quyền lực phải do dân bầu ra một cách tự do và trực tiếp, và định kỳ phải đem ra bầu lại. Trong hệ thống pháp trị ấy, các đảng phái, các tôn giáo, các đoàn thể đều là những tập hợp của công dân, nằm ở phía dân, chỉ "lãnh đạo" trong nội bộ đoàn thể mình, không thể nằm ở phía "lãnh đạo" của xã hội được. Lãnh đạo của xã hội chỉ có thể là các cơ quan quyền lực do toàn dân bầu ra. Nhân dân không thể trao vận mệnh của mình cho một tổ chức mà nhân dân không khống chế được. Đảng Cộng sản Việt Nam được Hiến pháp công nhận là Đảng cầm quyền, như vậy xã hội chúng ta không thể trở thành một xã hội pháp trị được. Về lâu dài không thích nghi được với công nghiệp hóa và kinh tế thị trường, và nhân dân không thể có quyền tự do dân chủ thực sự được.

II. Về nguy cơ tham nhũng

Đây không còn là nguy cơ, nạn tham nhũng đang trở thành thảm họa cho toàn dân tộc. Nó xảy ra ở tất cả các cấp, các ngành ở mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội từ địa phương đến trung ương... Nạn tham nhũng là hệ quả tất yếu của hình thái kinh tế-xã hội mà hạ tầng là kinh tế thị trường và thượng tầng là xã hội chủ nghĩa. Nạn tham nhũng phát triển đồng thời với sự phát triển của "diễn biến hòa bình" cho tới khi phá vỡ cơ chế đã sản sinh ra nó.

Để chứng minh nhận định này, tôi xin phép trở về vấn đề có tính chất cốt lõi: "nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin". Cách đây năm năm, trong hội nghị chi bộ để tham gia đóng

góp ý kiến cho Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, tôi đã có bài phát biểu đề cập: Đảng ta lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin đi. Hôm nay tôi vẫn bảo lưu ý kiến này.

Công bằng mà nói, trong chủ nghĩa Mác-Lênin ta còn có thể vận dụng được phần "duy vật biện chứng". Đây là phần Mác-Lênin phát triển bổ sung các quan điểm của các triết gia trước Mác. Còn nền tảng tư tưởng của Mác đã thể hiện trong phần "duy vật lịch sử", "kinh tế chính trị học", "chủ nghĩa xã hội khoa học" thì chứa đựng rất nhiều yếu tố không tưởng, siêu hình, duy tâm và không khoa học.

Lấy học thuyết đấu tranh giai cấp của Mác làm ví dụ. Mác cho đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp. Mác và Ăng-ghe-nơ viết: "Trong gần 40 năm, chúng ta đã nhấn mạnh vào đấu tranh giai cấp, coi đó là động lực trực tiếp của lịch sử, đặc biệt là nhấn mạnh vào cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, coi đó là đòn bẩy vĩ đại của cuộc cách mạng xã hội hiện đại". Mác coi sự đối lập giữa giai cấp bị trị và thống trị là mối quan hệ thù địch về bản chất, phải đấu tranh một mất một còn, không thể điều hòa, khoan nhượng (Ăng-ghe-nơ còn nhấn mạnh rằng điều này thì "bọn dân chủ tiểu tư sản không bao giờ có thể hiểu được!").

Thật ra trong xã hội có giai cấp, thống trị và bị trị chỉ là hai cực đối lập tất yếu thường xuyên của mọi cấu trúc xã hội, vừa tương khắc, vừa tương sinh một cách biện chứng không bên nào có quyền dùng vũ lực đẩy bên kia ra khỏi cộng đồng thống nhất ấy. Không được thủ tiêu đấu tranh, thậm chí phải đấu tranh ác liệt, nhưng rốt cuộc vẫn phải đi trên một phương án dung hòa, trong đó có quyền lợi mỗi bên và lợi ích xã hội.

Ngày nay khi ta xem phim Đông Chu Liệt Quốc. Nhận thấy phương thức sản xuất nô lệ không mang lại hiệu quả, các chủ nô có đầu óc tiên tiến đã chủ động bàn với nô lệ của mình chia ruộng đất còn hoang hóa để nô lệ chủ động canh tác và nộp tô theo mức độ mà hai bên đều có lợi, nhờ đó mà năng suất lao động tăng lên rõ rệt. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự tan rã của chế độ nô lệ. Nhà nước phong kiến ra đời đầu có bằng cuộc đấu tranh một mất một còn của nô lệ chống chủ nô như Mác nói.

Cùng như vậy cuộc cách mạng tư sản Pháp, cuối cùng là ngày phá ngục Bastille 14-7-1789. Xóa bỏ chế độ phong kiến của nước Pháp thiết lập nền cộng hòa cũng do giai cấp tư sản lãnh đạo (bộ phận cấp trên của chế độ phong kiến, các thương nhân, các nhà tư sản mới) động viên thêm lực lượng dân chủ có nông dân, thợ thuyền tham gia. Cũng không phải là cuộc đấu tranh một mất một còn của hai giai cấp đối lập nhau trong xã hội phong kiến là nông dân và địa chủ.

Giai cấp tư sản đã được hình thành trên 200 năm. Và mọi người đều thấy nó rất hùng mạnh. Nó đâu có rã chết như Mác và Lênin nhận định. Công nhân các nước tư bản đều sống hòa thuận với nhà tư bản và mọi thành phần giai cấp khác trong xã hội. Họ không thấy họ phải có sứ mạng lịch sử là "đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản" để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, dân chủ hơn một triệu lần xã hội tư bản, đó là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản như Mác dự tính.

Còn điều này mới là quan trọng mà Mác không dự tính đến là: đấu tranh giai cấp không phải là động lực phát triển trong xã hội có giai cấp. Đấu tranh giai cấp là cuộc đấu tranh giữa những người đang sống cùng thời, là những "quan hệ ngang" cùng tức là quan hệ trên trục không gian. Cuộc đấu tranh này không biểu hiện cho sự tiến hóa.

Ta đã thừa nhận rằng sự thắng thua trong tiến hóa là sự thắng thua về năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, mà năng suất và chất lượng phụ thuộc vào quy trình công nghệ, tức là phụ thuộc vào trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ tổ chức quản lý, tức là trình độ của trí tuệ. Vậy thì "sự thi đua trí tuệ" hay "đấu tranh trí tuệ" mới là động lực của sự phát triển, chứ không phải sự đấu tranh giai cấp. Sự thắng thua về trí tuệ quyết định trình độ cả một nền sản xuất mới là mới "quan hệ dọc" quan hệ tiến hóa. Còn hiện tượng đấu tranh giai cấp chỉ có tác dụng giải quyết sự công bằng trước mắt tức thuộc "quan hệ ngang" có thể có ảnh hưởng thúc đẩy đối với sự phát triển, nhưng không phải là động lực trực tiếp quyết định sự phát triển, thậm chí có khi nó làm hại cho sự phát triển. Chỉ có sự tích lũy và gia tăng không ngừng của trí tuệ, chỉ có sự cạnh tranh, cọ sát của trí tuệ mới làm cho xã hội trở nên văn minh hơn.

Chỉ cần nhận thức chính xác một

điều ấy thôi thì mọi chuyện đều thay đổi hết. Đã là trí tuệ thì phải kế thừa, tích lũy, tiên tiến chứ không thể dùng đột biến cách mạng để xóa bỏ thay thế. Phải là hoạt động của những đầu óc cá nhân hoặc sự hài hòa rộng mở với nhân loại chứ không phải vấn đề giai cấp, không phải là sự đối kháng giữa hai phe. Phải ở mặt trận kinh tế, sản xuất, văn hóa chứ không ở nơi chính trị tư tưởng và chớp thời cơ giành chính quyền (chuyện đánh giặc cứu nước lại là chuyện khác). Phải là sự đấu tranh lâu dài để ngày càng công bằng hơn chứ không phải phớt bỏ cái phương thức sản xuất công nghiệp đang làm cho sản xuất phát triển. Phải thực hiện dân chủ tự do để làm xuất hiện và chọn lọc các sản phẩm sáng tạo của trí tuệ chứ không phải dùng chuyên chính công nông để xếp đặt mọi việc của xã hội trong lòng bàn tay. Như vậy là đã rõ, học thuyết đấu tranh giai cấp, nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin không có giá trị hiện hữu.

Ngày nay, thì mọi người đều được rõ, giai đoạn hùng mạnh nhất của Liên Xô dưới thời Brê-giơ-nhép năng suất lao động xã hội của Liên Xô chỉ bằng 1/25 của Mỹ, Đông Đức chỉ bằng 1/11 Tây Đức và đến hôm nay thu nhập bình quân đầu người của Bắc Triều Tiên chỉ bằng 1/56 của Nam Triều Tiên. Sự sụp đổ của các thể chế xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu rồi ở Liên Xô, "thành trì cách mạng thế giới", là một bằng chứng hiển nhiên về sự phá sản của một học thuyết đã lỗi thời và không khoa học: "chủ nghĩa Mác-Lênin", là sự trừng phạt khắc nghiệt, lạnh lùng của qui luật đối với con người bất chấp mọi thiện ý. Ở Việt Nam, ta vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin trong cuộc đấu tranh giai cấp thời "cải cách ruộng đất" đã tiêu diệt hơn hai vạn cán bộ, đảng viên và nhân dân, những người có thời Bác Hồ còn coi là ân nhân của cách mạng, những người đã cùng cả dân tộc làm nên cuộc kháng chiến chống Pháp lừng lẫy địa cầu. Và nổi đau, sự phi lý là con ác mộng kinh hoàng nhất mà dân tộc ta phải hứng chịu từ suốt lịch sử dựng nước và giữ nước. Từ năm 1960 đến 1985 vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, và từ 1975 đến 1985 áp dụng trong cả nước, làm cả Việt Nam ta đã nếm những thất bại, vì ta đã tự trời mình. Nhờ có sự sụp đổ của Liên Xô, đến Đại hội VI năm 1986 ta mới tự "cởi trói" và

tự "cứu mình". Và nhờ đó từng bước ta thoát ra được cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị và có bước tiến bộ như hiện nay.

*

* *

Tôi đã trình bày xong lý do vì sao Đảng ta không cần lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng. Bây giờ tôi xin trở lại nguy cơ tham nhũng. Đành rằng tham nhũng là biểu hiện thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức có quyền. Ta thử đi sâu phân tích xem tham nhũng vì sao phát triển để trở thành nguy cơ. Mọi người đều dễ dàng thống nhất là muốn nhân dân có hạnh phúc, xã hội phát triển thì chỉ có một con đường là công nghiệp hóa và kinh tế thị trường.

Còn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì đây là sự vận dụng "sáng tạo" của Đảng ta. Một hình thái kinh tế xã hội mà hạ tầng là kinh tế thị trường và thượng tầng là xã hội chủ nghĩa thì cùng một lúc xã hội chịu sự chi phối của hai cơ chế ngược nhau, lúc nào cũng chi "rinh" để phủ định nhau, và nếu biết kết hợp với nhau thì còn nguy hiểm hơn. Người dân nghèo thấp cổ bé họng sẽ bị cả hai cơ chế ràng buộc. Kẻ có quyền, có tiền sẽ lợi dụng được cả hai cơ chế để chơi trò "bật tung" hoặc trò "út tim", lúc núp dưới cơ chế này, lúc núp dưới cơ chế kia, không luật pháp nào trị nổi. Sự phân hóa giàu nghèo, sự hình thành giai cấp tư sản, nạn thất nghiệp và bóc lột lao động làm thuê..., nghĩa là tất cả những cái mà "Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học" muốn tránh thì chúng ta lại đang lù lù tiến đến mặc dù ta không muốn công nhận. Người lao động nghèo sẽ có cảm giác mình là đầu thú đã yếu lại bị "trọng tài" giữ tay (!). Đang đi đến tình trạng người đứng ra đại diện cho công nhân lại là người của phía chủ (đây là chủ thực sự, còn công nhân chỉ là chủ danh nghĩa). Cuộc cách mạng bị đánh tráo và giai cấp vô sản tay trắng là giai cấp bị phản bội trước tiên.

Điều rất đúng qui luật biện chứng là khi chúng ta định dùng chuyên chính vô sản để đánh tư bản mà không đánh được thì con người lại dùng ngay chuyên chính vô sản làm phương tiện để tránh qua cửa ải tự do cạnh tranh mà để thành tư bản. Một thứ tư bản lưu manh và bệnh hoạn.

Điều này đã giải thích vì sao chỉ sau 15 năm đổi mới, các vị lãnh đạo từ địa

phương đến trung ương lại giàu lên đến như vậy. Một chi tiết thú vị là trong dịp Tết Nguyên Đán năm Canh Thìn vừa qua, ông Tô Huy Đức mới được tiến cử về làm Bí thư Thành ủy Hải Phòng, tuy còn lạ nước lạ cái, chưa quen thân nhiều với các quan chức địa phương nhưng cũng được các vị đến "mừng tuổi", tổng số tiền lên đến 700 triệu đồng. Ông Tô Huy Đức đã tỏ ra liêm khiết và nộp số tiền trên vào công quỹ. Giá mà ta tổ chức được một cuộc đến thăm tư thất của các vị Bí thư, Chủ tịch từ cơ sở đến Trung ương thì mới thấy hết được cái tinh thần cách mạng kiên trì đến cùng chủ nghĩa cộng sản của các vị lãnh đạo.

Cho dù ban đầu anh không có tư tưởng tham nhũng, nhưng nếu anh được đặt vào vị trí "thơm" thì "lộc" do vị trí của anh đem lại cũng làm cho anh nhanh chóng giàu có. Cuộc cạnh tranh để có một chỗ ngồi "thơm" này trở thành quyết liệt và sôi động. Không như ở các nước tư bản là phải lấy lòng dân, phải trình bày được các mục tiêu phấn đấu có lợi cho quốc kế, dân sinh, những chương trình hành động nếu như được trúng cử. Phải giữ mình để mọi người thấy mình là mình trong sạch... Tức phải thể hiện được mình là người tài đức, còn ở ta xã hội dân chủ gấp triệu lần xã hội tư bản thì dân không là cái "đỉnh" gì cả. Điều quan trọng là phải lọt vào các cặp mắt xanh của các Ban Tổ chức Huyện ủy, Quận ủy, Thành ủy, Ban Tổ chức Trung ương. Lọt được vào cặp mắt xanh của các đồng chí Bí thư... Quả mừng tuổi cho tân Bí thư Thành ủy vào Tết Canh Thìn cho ta thấy rõ điều này.

Như vậy cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là miếng đất màu mỡ, nuôi dưỡng tham nhũng phát triển. Cơ chế này sẽ phát sinh mâu thuẫn nội bộ ngày càng gay gắt, song song với một quá trình "điển biến hòa bình". Cái ruột kinh tế thị trường ngày một lớn mạnh sẽ làm rách cái vỏ định hướng xã hội chủ nghĩa (tồn tại xã hội quyết định ý thức tư tưởng). Chỉ đến lúc đó kinh tế xã hội nước ta mới hòa chung với kinh tế xã hội thế giới. Và vì những cản trở của cái vỏ xã hội chủ nghĩa, chắc chắn rằng tốc độ phát triển của ta là rất chậm so với bước tiến chung của nhân loại. Nhưng đến được thời điểm đó có thể còn rất lâu, cũng có thể là đã gần. Ta hãy trở về với thực tại để phân tích thêm

cái cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hậu quả về "văn hóa xã hội" do cơ chế này sinh ra còn đáng ngại hơn nữa. Vì khi "vỏ một đảng, ruột một nẻo" thì dấu mục đích có thiện chí đến đâu về biện pháp đó vẫn là sự nói dối, nguy trang. Và khi nói dối lại nằm ở trong quốc sách thì tác hại của nó với xã hội không thể lường hết được. Trong quốc nội cũng như trên diễn đàn nhân loại, những tiếng nói nhân bản tiên tiến và trí tuệ đích thực sẵn sàng bị hy sinh bởi nó thường vi phạm đến sự an toàn của "quốc sách" nguy hiểm, nguy trang ấy. Ta khó trở nên một dân tộc văn minh, được những người có nhân cách kính trọng.

Khi xã hội đã "vỏ một khác, ruột một khác" thì mỗi con người, trong những quan hệ cha con, mẹ con, đồng chí, bè bạn... cũng sẽ "vỏ một khác, ruột một khác"! Cái giá quá đắt để mua sự yên ổn và sự sinh tồn ấy con cháu chúng ta đang phải trả và sẽ còn phải trả. Đây là nỗi nhục lớn nhất, điều bất hạnh lớn nhất mà con cháu chúng ta sẽ phải gánh chịu. Trước lịch sử, con người dân tộc mình sẽ là kẻ thua trận.

Kính thưa đại hội,

Tôi tin rằng hầu hết cán bộ trung cao cấp của Đảng ta và một bộ phận không nhỏ đảng viên tuy trình độ văn hóa còn thấp và hạn chế lý luận chính trị nhưng đều nhận thức được tính không tưởng, không khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin. Tuy nhiên họ hiện nay có thể còn lo ngại ở hai điều:

- "Bỏ chủ nghĩa thì loạn ngay".

- "Bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin là phản lại con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn".

Tôi cho rằng hoàn toàn không phải như vậy. Mọi người đều biết rằng trên con đường tìm đường cứu nước, trong các cuộc thảo luận thành lập Đệ tam Quốc tế ở Pháp, ngày 17-7-1920, Bác được đọc sơ thảo "Luận cương những vấn đề dân tộc thuộc địa của Lenin". Đây chính là cái Bác cần và Bác đã tán thành Quốc Tế Ba (vì Quốc Tế Hai và cả Quốc Tế Hai Rưỡi không đề cập đến vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa). Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ là phương tiện để Bác Hồ thực hiện cuộc đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc mình.

Ở các thập kỷ 50-60 trong hoàn cảnh đấu tranh quyết liệt giữa hai phe Xã hội

Chủ nghĩa và Tư bản Chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới để giải quyết vấn đề "ai thắng ai". Trước mâu thuẫn gay gắt trong nội bộ các đảng cộng sản và công nhân, mà đỉnh cao là mâu thuẫn giữa hai đảng cộng sản Liên Xô và Trung Quốc (cãi nhau công khai trên báo, đài chán rồi dân, quân đội trên biên giới đánh nhau), dường như Bác Hồ đã nhận rõ bản chất của vấn đề chủ nghĩa. Nhưng phải khôn khéo chèo lái để tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của cả Liên Xô và Trung Quốc (đây là hai nước ủng hộ vật chất có tính chất quyết định cho Việt Nam để sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của ta thắng lợi). Đây là vấn đề rất tinh tế, nhạy cảm. Nhưng nguyện ước của Bác Hồ đã kín đáo thể hiện trong Di chúc. Trong Di chúc Bác Hồ không đề cập đến việc xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hoặc sẽ tiến lên xã hội chủ nghĩa (mặc dù miền Bắc lúc đó đã bước vào năm thứ 9 của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa). Điều cuối cùng của Người là mong muốn toàn Đảng, toàn Dân đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, hòa bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.

Như vậy là đã rõ. Đối với Bác Hồ, không có chủ nghĩa nào là mục đích mà chỉ là phương tiện, còn mục đích đấu tranh suốt đời của Bác phải là dân tộc-độc lập, dân quyền-tự do, dân sinh-hạnh phúc. Như vậy từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, một ý thức hệ độc tôn, ngoại lai, không còn thích hợp với đất nước và thời đại là một tất yếu để có thể tăng cường sự đoàn kết dân tộc (cả đồng bào trong nước và kiều bào ta hiện đang sinh sống ở nước ngoài) xóa bỏ hận thù góp sức chung lòng đưa đất nước phát triển, là điều kiện thuận lợi để hòa nhập vào thế giới chung, thoát khỏi sự o ép của tư bản nước ngoài.

Duy trì chủ nghĩa Mác-Lênin tất yếu để ra các quyền lực biệt phái, chuyên chính, kỳ thị, ý thức hệ không có khả năng thực hiện đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn xây dựng đất nước, không có khả năng xây dựng một xã hội dân chủ pháp trị lành mạnh. Cho nên trong giai đoạn lịch sử này nếu ta còn kiên trì đến cùng chủ nghĩa Mác-Lênin, kiên trì đến cùng chủ nghĩa cộng sản, thì ai cũng hiểu rằng đó chỉ là sự mượn học thuyết để làm công cụ để giữ quyền lực độc tôn và lợi ích riêng, và như vậy thì không thể là người yêu nước chân chính được. Bỏ chủ

nghĩa Mác-Lênin sẽ không hề xảy ra có loạn như có người lo sợ. Một dân tộc đã nêu cao chân lý "không có gì quý hơn độc lập tự do" thì dân tộc ấy nhất định phải tìm được cách để đến với Độc lập và Tự do đích thực.

Đảng có thể trở về trong lòng dân tộc mà không cần dựa vào một "chủ nghĩa" tiền định nào cả. Tình hình thế giới ngày nay đã cho phép làm điều đó. Và như thế Đảng ta mới tìm lại được thực sự trong lòng dân tộc, làm cho nước nhà yên ổn và phát triển, mới xứng đáng là Đảng được Bác Hồ sáng lập và rèn luyện. Đảng ta mới thật là vĩ đại.

Tôi xin kiến nghị mấy điểm:

1. Đảng ta lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng (bỏ chủ nghĩa Mác-Lê nin đi).

2. Đổi tên Đảng (không lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam).

3. Đổi lại tên Nước, trở về với tên Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (không lấy tên Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam).

(Những kiến nghị này tôi đã trình bày tại Đại hội Chi bộ cách đây năm năm. Tôi tiếp tục bảo lưu ý kiến này).

4. Thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí. Cho báo chí tư nhân và xuất bản tư nhân hoạt động

5. Bỏ điều 4 Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, xác định Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo nhà nước, lãnh đạo xã hội. Vì điều 4 này mặc nhiên thừa nhận cơ quan quyền lực cao nhất của xã hội là Quốc hội do toàn dân bầu ra sẽ không có thực quyền. Và do đó nước ta sẽ không thể là một nước có dân chủ thực sự.

Kính thưa đại hội,

Thời gian không cho phép tôi được trình bày cặn kẽ một số nội dung về nhận thức lý luận. Có một vài suy nghĩ và kiến nghị mong được đóng góp trong cuộc thảo luận các văn kiện trình Đại hội IX của Đảng. Có điều gì sai sót xin được lượng thứ. Xin chân thành cảm ơn sự chú ý theo dõi của quý vị đại biểu.

Nguyễn Mạnh Sơn

(cán bộ hưu trí)

Phó bí thư chi bộ Hoàng Hoa Thám 1

Đảng bộ phường Phan Bội Châu

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mưa ơi sao buồn quá

Tường Năng Tiến

Mưa chiều nay như lệ khóc phần đất quê hương tù đầy...

(Mưa Sài Gòn Mưa Hà Nội; Phạm Đình Chương và Hoàng Anh Tuấn)

"*Bạn tôi, ông Khó Tính, lúc còn ở Sài Gòn vốn làm nghề mô phạm. Kể cả trường công lẫn trường tư, sĩ tử theo học kinh nghĩa có đến mấy nghìn. Gặp lúc can qua, học trò thì đông mà chả mấy ai hiển đạt: cứ học nửa chừng lại bị gọi đi lính, ba phần chết tiết mất hai. Số còn lại trở về chống gậy, đi xe lăn. Thầy trò nhìn nhau ghen ngào chửi thề những câu tục tĩu..."*

"*Khi cộng sản từ Bắc tiến vào Nam, xe tăng vừa ịch đến sát cửa đình Độc Lập thì ông Khó Tính quyết định dắt vợ công con xuống tàu lánh xa bạo ngược. Cuối cùng trời giạt đến Mỹ. Đất lạ quê người, tiếng Anh ăn đong, kinh nghĩa nói không ai hiểu..."*

"*Từ ngày xa nhà, tính tình lại càng khó chịu hơn. Mặt mày hầm hầm, mồm lúc nào cũng lẩm nhẩm nói chuyện một mình. Chiều chiều đứng chống nạnh bắt con tập võ ta. Đứa đi quyền, đứa dang chân đứng tấn. Người bản xứ cho là lạ, tò mò rủ nhau nhìn trộm qua hàng rào như đi xem xiếc. Ban đêm bắt con học Việt sử. Đứa nào không thuộc bài thì co giò mà đá, đến nỗi bị cảnh sát còng cả tay."*

"*Càng cay đắng, càng chửi, càng chê. Chê người gì mà nhiều lông lá, chê nhà chọc trời nhìn thêm mỗi mắt, có ngày động đất nó đổ xuống đầu cho mà khốn. Lại chửi trời nhiều hơn, chửi tục hơn, gọi trời là thằng không kiêng nể gì nữa..."*

"*Bạn khen biển, ông chê lạnh, tầm cóc suồng bằng Long Hải, Vũng Tàu. Bạn khen núi, ông biu môi: "Tôi lấy làm ngờ về cái thẩm mỹ của anh. Núi trọc thế này so sao được gót chân Đại Lãnh?"*

"*Bạn ngượng, không còn dám mở mồm*

khen điều gì. Bụng bảo dạ: "Bọn Đông Dương ta khổi đứa bị bệnh tâm thần". Có ý thương xót mà lui tới thăm viếng nhiều hơn..."

"*Một hôm nhận được bao trà từ Việt Nam gửi sang, bạn thân ái mời ông khó tính đến. Nước đun xủi tăm, trà trút vào bình, chủ khách ân cần đối ẩm.*

Được đôi tuần, bạn lên tiếng hỏi:

- "Trà uống được không?"

Ông Khó Tính:

- "Cùng được. Nhưng thua Đồ Hữu".

Bạn cười dòn:

- "Bố ơi! Chính hiệu trà Đồ Hữu Bảo Lộc vừa gửi sang."

Ông Khó Tính:

- "Thảo nào. Có điều cái nước máy chất quá!"

Bạn chòm lên:

- "Biết tính bố thích trà Bảo Lộc, phải hứng nước mưa pha trà đây. Không phải nước máy đâu."

Ông Khó Tính tuột giầy gãi nách ngáp:

- "Nước mưa ở Mỹ, uống vào đắng cả mồm!"

Câu chuyện mà bạn vừa đọc, có tiểu tựa là "Ông Khó Tính", được trích dẫn từ tác phẩm Ngọn Cỏ Bông của văn sĩ kiêm thi sĩ Nguyễn Bá Trạc. Tôi may mắn có chút giao tình (dù nhạt) với Nguyễn quân, một người rất mực tài hoa, và uyên bác. Ông am tường hầu hết mọi lãnh vực khoa học. Riêng ngành môi sinh thì (dường như) có phần hơi... kém sút!

Ông Khó Tính trong chuyện kể vừa rồi không phải là một nhân vật hư cấu. Tôi cùng đã, đôi lần, được hân hạnh hầu chuyện cùng ông. Nhân sinh quan và vũ trụ quan của ông Khó Tính ra sao, phận kẻ hậu sinh, tôi tuyệt nhiên không dám lạm bàn nhưng nhận xét rằng "nước mưa

ở Mỹ uống vào đắng cả mồm" - theo thiên ý - thì vô cùng chính xác.

Tôi bắt chước cổ nhân, ăn nói cầu kỳ chút đỉnh như thế cho ra vẻ mình cũng là người khiêm tốn; sự thực, nước mưa ở Mỹ uống ngang phè hay đắng cả mồm là một sự kiện khách quan chứ chả dính dáng gì đến "tôn ý" hoặc "thiên ý" của bất cứ ai.

Những hoá chất như sulfur dioxide, nitrogen oxides ... từ chất đốt như xăng dầu than củi trong không khí, khi gặp môi trường không khí ẩm thấp sẽ góp phần tạo thành mưa hay tuyết với nồng độ acid cao - có thể làm ô nhiễm nước uống, hư hại nhà cửa, mùa màng và ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhiều sinh vật - là một tiến trình tự nhiên.

Khói xe, khói nhà máy phun tùm lum ở Mỹ vẫn được coi là nguyên nhân chính tạo ra nồng độ acid cao trong nước mưa. Uống vào đắng cả mồm là phải. Ông Khó Tính - dù thực sự đúng là một người không dễ tính chẳng nữa - nói như thế thì có sai sót, oan ức chỗ nào đâu mà danh gia họ Nguyễn che miệng chum chim cười. Đã thế, còn dám xa gần ám chỉ rằng tinh thần ông ta "hoi" bất ổn.

Đã lâu, tôi không có dịp gặp lại ông Khó Tính. Sáng nay, tình cờ đọc lại một tờ báo cũ - Việt Báo USA, ấn bản Bắc California, số ra ngày 15 tháng 10 năm 98 - thấy loan tin mưa acid ở Việt Nam mỗi lúc một thường hơn, và nồng độ acid cũng cao hơn, đến độ có thể làm chết cá ở ao hồ... bỗng trạnh nhớ đến "có nhân" - với đôi chút quan hoài và rất nhiều... ái ngại.

Bài báo (viết theo bản tin của AP) cũng có trích dẫn lời một nhân viên thuộc Trung Tâm Khí Tượng Phía Nam, bà Nguyễn Kim Lan, cho rằng nguyên do chính của hiện tượng này là việc lạm dụng phân bón và thuốc trừ sâu, cùng với khói thải của nhà máy ở Việt Nam và từ những lân bang.

Ừa, chớ nhà máy nào ở xứ mình mà hoạt động dữ dội vậy kia? Không chừng mấy mỏ than ở Quảng Ninh lắm à? Mà đâu có lẽ, mỗi năm rồi, theo tường thuật của

Jonathan Birchall (từ Cẩm Phả) thì vì không tìm được thị trường tiêu thụ nên nhà nước đã cho ba ngàn thợ mỏ về vườn để đuổi gà cho vợ, nếu họ có vợ, có vườn và có gà để đuổi. Cũng như tất cả những công nhân vô sản khác trên toàn thế giới, những người thợ mỏ ở Cẩm Phả và Hòn Gay đều có vợ nhưng không có vườn (đùng nói chi gà).

Trước tình cảnh này, đã có phụ nữ tính đến chuyện "bán thân nuôi chồng" nhưng e ngại... không có người mua (She would even consider selling her body, but says: "No one would take me." Climbing Out Of A Deep Dark Hole." Time Asia, 2 August 1999, vol. 154, no. 4). Khai thác mỏ than thì mới sợ ô nhiễm môi sinh, chứ khai thác tình dục thì mây mưa kiểu này đâu có tạo thành acid mà lo hư hại mùa màng và chết cá.

Hay là nhà máy thép Thái Nguyên chăng? Sau 1975 thì cả nước đều rõ là cái nhà máy thỏ tả này chỉ thực sự hoạt động (bằng mồm) và đạt thành tích trên đài hay trên báo. Truyền thống này, chắc chắn, vẫn còn được giữ vững cho đến ngày nay. Bằng chứng là nhân dân cả nước vẫn đều đều mua từ cây kim, đến cái đinh, nếu chưa dành dụm đủ tiền để mua xe đạp - được nhập cảng (lậu) từ Thái Lan hay Trung Cộng.

Như vậy, không lẽ khói thải tùm lum lại từ những cơ xưởng kỹ nghệ của những lân bang cỡ như Miên Quốc hay Lào Quốc? Người Lào, dù đã vượt quá độ từ tư bản chủ nghĩa sang xã hội chủ nghĩa từ lâu, nghe đâu, vẫn còn đi xe bò lòng vòng trong thành phố và cười voi dạo chơi tà tà ở trong rừng. Còn người Miên, cách đây chưa lâu, còn có thể (nhân danh chủ nghĩa cộng sản) giết hàng triệu người bằng cuộc chim hay chày vồ gì đó. Đời sống của nhân dân ở hai nước xã hội chủ nghĩa láng giềng, cũng như ở nước ta, đâu mấy ai đụng chạm hay dính dáng gì tới máy móc mà có khói, ngoại trừ những lúc nướng khoai.

Vậy thì khói thải ở đâu ra? Lửa phải có ở chỗ nào mới được chớ? Không có lửa sao có khói? Tôi thực lòng không dám nghi ngờ độ khả tín và khả xác của nguồn tin từ tờ Việt Báo USA; tuy

nhien, vì chút bồn chồn lo lắng nên loay hoay vào "internet" truy tìm phần tin tức của AP để mong được hiểu biết sự việc rõ ràng hơn. Tôi không kiếm ra được bài báo dẫn thượng nhưng (chả may) lại thu lượm được nhiều sự kiện phiền lòng khác về tình trạng mưa acid ở Việt Nam.

Qua địa chỉ "web site" của South East Asian Science Policy Advisory Network (<http://www.icsea.or.id/sea-span/0998/TP0909L2.htm>) tôi đọc được một bài báo ngắn của ông Nguyễn Hiệp - người mà tôi đoán là một chuyên gia hiện đang định cư tại Úc - có tựa là "Transboundary Sulfur Pollution và Vietnam". Ông Nguyễn Hiệp đã bày tỏ sự quan ngại rằng ở Đông Nam Á có những quốc gia chỉ tạo ra những lượng lưu huỳnh rất nhỏ nhưng lại phải chịu nhận sự tích tụ của loại hoá chất này rất lớn từ những lân bang hoặc ngay cả từ những quốc gia xa xôi khác. Việt Nam và Nepal là hai (receptor) "nạn nhân" điển hình trong vùng về tệ trạng này.

Tài liệu ông Hiệp trích dẫn cho thấy Trung Cộng là nước đứng thứ nhì thế giới về lượng thải sulfur, và hơn 60 phần trăm số lượng hoá chất này - từ cơ xưởng kỹ nghệ của họ - đã theo gió rơi rớt và tích tụ ở nước Việt (R. Arndt, G. Carmichael, J. Roorda - Seasonal source-receptor relationship in Asia, Journal of Atmospheric Environment, Vol. 32, No.8, 1998, pp. 1397-1406).

Thảo nào, giới chức Việt Nam, bà Nguyễn Kim Lan nào đó đã có vẻ ấp úng khi nói là nguyên do mưa acid một phần là do khói thải từ những nước lân bang nhưng không nói rõ từ đâu. Bà sợ làm mất lòng người anh em cộng sản láng giềng, dù Việt Nam (từ lâu nay) đã trở thành cái thùng rác chứa đựng 60 phần trăm lượng hoá chất ô nhiễm của Trung Cộng - một quốc gia có lượng thải lưu huỳnh cao thứ nhì thế giới!

Thái độ nhùn nhặn thái quá và khó hiểu này, phần nào, có thể giải thích được nếu biết rằng sự ô nhiễm môi sinh ở Việt Nam hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến đời sống của giai cấp cầm quyền. Họ có dư phương tiện để tránh hết những điều bất tiện. Giai cấp bị trị, nhất là những

người ở thôn quê, không có cái may mắn xa xỉ đó. Xin đơn cử một thí dụ, một thí dụ rất nhỏ mà tôi tình cờ biết được khi đọc một "web site" khác.

Hiện tại ở làng Thi Lai, thuộc quận Duy Vinh, tỉnh Quảng Nam có 152 gia đình (tổng cộng 750 người) đang cần... nước uống! Theo tường thuật của ông Võ Thịnh, dân làng phải gánh nước từ những giếng nước chưa bị ô nhiễm, cách nhà nhiều cây số (There are no cars, motorbikes or even bicycles, so these people walk, many kilometers, sometimes in more than 100-degree heat, to get the water they need to survive). Công sức này, cũng theo nhận xét của ông Võ Thịnh, nên để dành cho việc đồng áng hay chăn nuôi thì dân chúng sẽ đỡ đói hơn!

Chớ ông Võ Thịnh là ai vậy? Một giới chức địa phương chăng? Không phải đâu. Ông ta là một kỹ sư thủy lực hiện đang làm việc ở thành phố Oakland, tiểu bang California (based water district East Bay Municipal Utility District). Cùng với phu nhân, bà Sandra Harris, ông Võ Thịnh đang hoạt động thiện nguyện cho "East Meets West Foundation". Cơ sở này đã thực hiện được cả chục chương trình mang lại nước uống cho những người dân quê thiếu nước ở Việt Nam, như trường hợp của dân làng Thi Lai.

Dự án đào giếng nước sạch cho dân làng Thi Lai (hay Thị Lại?) tốn kém 3.400 Mỹ Kim, và ông Võ Thịnh cùng phu nhân - bà Sandra Harris - đã đi... xin để có được số tiền này! (Once we verified the need for the system, we forged ahead to raise the necessary \$3,400 from our families, friends and East Bay Municipal Utility District employee donations (<http://www.vas-dc.org/Voices/v5n4/thilai.htm>)).

Khi móc túi lấy tiền ủng hộ dự án nước uống cho làng Thị Lại, có lẽ, ít ai nhớ rằng Việt Nam là nước đứng hàng nhất nhì thế giới về lượng gạo xuất cảng trong những năm liên tiếp vừa qua. Thành quả mang lại là nhiều tỉ Mỹ Kim ngoại tệ, và hậu quả là sự ô nhiễm môi sinh với mưa acid và nước bị nhiễm độc

vì sự lạm dụng phân bón hoá học và thuốc trừ sâu - như đã được xác nhận bởi Nha Khí Tượng Việt Nam, qua bài báo đã dẫn. Không biết tiền bán gạo rơi vào túi ai nhưng nước mưa bị ô nhiễm thì rơi vào làng Thị Lại, và những nơi khốn cùng tương tự.

Tôi viết những giòng chữ này cũng vào một ngày mưa, khi California đang bước khê vào Thu. Sáng trời đã bắt đầu se se lạnh, và lát phất mấy hạt mưa bay. Mưa không đủ làm ướt đất, và chắc cũng chỉ vừa đủ để làm nhạt được chén nước

mắm của những o bán bánh bèo gánh ở quê nhà. Mưa ơi, sao ít thế!

Quê hương tôi ở vùng nhiệt đới, nơi đây mỗi năm chỉ có hai mùa: mưa và nắng. Vũ độ hàng năm tính hào phóng theo đơn vị mét (mètre), nghĩa là cả trăm "inches". Cũng chính nơi đây là xuất xứ của câu tục ngữ "hiền như một ngậm nước mưa". Vậy mà, sau nửa thế kỷ đói ăn, đồng bào tôi - đã đến lúc - phải ngửa tay đi xin luôn... nước uống. Mưa ơi, sao khổ vậy!

Tường Năng Tiến

Mạng lưới dân chủ

Địa chỉ liên lạc của một số tạp chí thành viên

Cánh én

do Tổ chức Dân Chủ Việt Nam chủ trương và thực hiện.
Địa chỉ liên lạc: Phạm Hoàng RUEMANN STR 61/1 - St
80804 MUNCHEN - Deutschland. E-mail: phamce@aol.com
Tel/Fax: (49) 08936100727

Dân Chủ và Phát Triển

Tạp chí chính trị, kinh tế và văn hóa
do Hiệp Hội Dân Chủ và Phát Triển Việt Nam chủ trương và phát hành.
10 DM (5 Euro) mỗi số. Ngoài Âu Châu: 8 USD
Địa chỉ liên lạc: Hiệp Hội Dân Chủ và Phát Triển Việt Nam
POSTFACH 1123 D59562 WARSTEIN Deutschland. E-mail:
DCvaPT@aol.com

Diễn Đàn Việt Nam

Nguyệt san thông tin, chính trị, văn học, nghệ thuật
do Nhóm Khởi Hành chủ trương và thực hiện.
Địa chỉ liên lạc: Vietnam-Forum POSTFACH 810706
81907 MUNCHEN Deutschland. E-mail: VNFORUM@aol.com

Sinh Hoạt Cộng Đồng

Chủ trương: Tổ chức Việt Nam Tự Do
Giá báo mỗi năm 11 số: 30DM (16 Euro) Đức, Âu Châu.
25 USD các nơi khác. Gửi bằng máy bay 35 USD
Địa chỉ liên lạc: CARLOS-GRETHE-WEG 2
70192 STUTTGART
Deutschland. E-mail: shcd2000@gmx.de

Thông Luận

Tạp chí thông tin và nghị luận
do Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên chủ trương
Web: <http://www.thongluan.org>
Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số. Giá báo một năm: 200 FF
Ngân phiếu xin đề: VIETNAM FRATERNITE
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận, 7 RUE BOULEAU CARREAU
77600 BUSSY SAINT GEORGES - France

Bỏ điều bốn Hiến pháp ?

Nguyễn Văn Huy

Từ 1996 trở lại đây, những người đối lập trong nước phổ biến nhiều văn thư, kiến nghị, bài viết đòi bỏ Điều 4 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992. Đòi hỏi này được cộng đồng người Việt hải ngoại hưởng ứng nồng nhiệt. Bỏ Điều 4 Hiến pháp trở thành một phong trào đấu tranh thời sự của những người không chấp nhận chính quyền cộng sản cả trong lẫn ngoài nước. Cá nhân hay tổ chức đối lập nào không lên tiếng đòi bỏ Điều 4 thường bị chụp mũ là chấp nhận vai trò lãnh đạo độc tôn của đảng cộng sản.

Sự thật như thế nào ? Đi sâu vào lý luận, vấn đề không giản dị như nhiều người lầm tưởng.

Điều 4 nói gì ?

Điều 4 của Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 nói rằng: "Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật".

Theo định nghĩa trên, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Nhà nước ở đây gồm bộ máy cầm quyền (quốc hội, chính phủ, chủ tịch nước, các chính quyền trung ương và địa phương, các tòa án và viện kiểm sát). Xã hội là tất cả những gì liên quan tới sinh hoạt vật chất và tinh thần của người dân. Như vậy Đảng Cộng sản Việt Nam được Hiến pháp dành cho quyền lãnh đạo tuyệt đối trên toàn đất nước và đứng trên mọi định chế. Với điều này, Hiến pháp 1992 công khai xác nhận tính chất đảng trị của chế độ.

Bỏ Điều 4 Hiến pháp 1992 là bỏ tính chất đảng trị đó. Những người đối lập trong nước cho rằng vai trò lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã chấm dứt, đến

lúc phải nhường chỗ cho những lực lượng khác vai trò xây dựng và hội nhập đất nước vào tiến trình dân chủ hóa chung đang diễn ra trên toàn thế giới.

Bằng cách nào ? Những người đối lập trong nước đề cao vai trò của Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất của xã hội do toàn dân bầu ra như Điều 83 của Hiến pháp đã quy định. Chiến lược đấu tranh của những người này là đòi thực hiện đúng đắn các quyền công dân như quyền tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền được thông tin, hội họp, lập hội và biểu tình, các quyền về tự do tín ngưỡng và dân sự đã ghi trong Hiến pháp (các Điều 68, 68, 69 và 70).

Đây là một thái độ can đảm rất đáng được tôn vinh. Nhưng phủ nhận quyền lãnh đạo tuyệt đối của đảng cộng sản, phục hồi vai trò chính trị của Quốc hội, thực hiện các quyền công dân thôi cũng chưa đủ, nhiều người còn đi xa hơn đòi bỏ cả những quy chiếu về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác-Lênin.

Đồng tình với những người đối lập, một số cán bộ cộng sản lão thành cho rằng mục tiêu đấu tranh lâu dài của Việt Nam là tăng cường đoàn kết dân tộc, chỉ có tư tưởng Hồ Chí Minh mới đủ sức thu phục lòng người vì chủ nghĩa xã hội là một ý thức hệ ngoại lai, một phương tiện xây dựng đất nước ngày nay không còn thích hợp. Tư tưởng Hồ Chí Minh, theo họ, là tinh thần dân tộc ("không có gì quý hơn độc lập tự do"), do đó muốn tồn tại lâu dài đảng cộng sản phải ở trong lòng dân tộc chứ không ở trên dân tộc và dân tộc không chỉ có riêng một mình đảng cộng sản, v.v...

Trong cuộc tranh cãi đòi bỏ Điều 4, nhiều đề nghị khác được nêu ra như đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Lao Động và nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thành nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, v.v...

Thấy gì qua những đòi hỏi này ? Trước hết phải tìm hiểu nội dung của Hiến pháp 1992 để có một nhận định chính chắn.

Nội dung Hiến pháp 1992

Hiến pháp 1992, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 15-4-1992, gồm 12 chương, 147 điều. Nội dung không có gì thay đổi so với ba bản hiến pháp đã có trước (1946, 1959 và 1980), nghĩa là vẫn lấy ý thức hệ cộng sản làm tư tưởng chỉ đạo, vẫn xác nhận đảng cộng sản là lực lượng lãnh đạo trên toàn xã hội. Chỉ cách sử dụng ngôn từ có vài thay đổi nhằm che giấu bản chất độc tài của chế độ : các cụm từ "chuyên chính vô sản" được thay bằng "dân chủ tập trung", "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội" được thay bằng "xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Một vài ý khác được thêm vào là "tư tưởng Hồ Chí Minh", "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" và "doanh nghiệp có vốn nước ngoài không bị quốc hữu hóa".

Mục đích ra đời của Hiến pháp 1992 được ghi trong "Lời nói đầu" là thể chế hóa mối quan hệ biện chứng giữa "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý" nhằm "xây dựng đất nước từ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Đây là một văn bản luật pháp đồng bộ, hai yếu tố đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa bao trùm lên cả 147 điều khoản của Hiến pháp, từ Chương I đến Chương XII. Nếu chấp nhận thì phải chấp nhận hết, nếu bác bỏ thì bác bỏ hết. Không thể bỏ điều này, giữ điều kia một cách tùy thích.

Ngay trong "Lời nói đầu" (529 chữ), hai phần ba dùng để tăng bốc công lao của Đảng Cộng sản Việt Nam và tỏ rõ quyết tâm lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Một phần mười nội dung còn lại (53 chữ) nhắc đến công lao dựng nước và giữ nước của người Việt Nam. Theo cách diễn đạt của lời nói đầu này, nước Việt Nam chỉ thực sự xuất hiện từ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930.

Trong 14 điều của Chương I nói về chế độ chính trị, chỉ 6 điều (các Điều 2, 6, 7, 8, 11 và 12) không quy chiếu đến

chủ nghĩa xã hội nhưng luôn kèm theo hai chữ Tổ quốc và Nhà nước. Tổ quốc và Nhà nước phải hiểu là Tổ quốc và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Điều 2 định nghĩa Nhà nước như sau: "Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức". "Nhân dân" ở đây phải hiểu là những người theo chủ nghĩa cộng sản chứ không phải là dân chúng theo nghĩa thông thường, "nền tảng" là quyền lãnh đạo và "giai cấp công nhân" là đảng cộng sản, với những hàm ý này "Nhà nước" chỉ là công cụ cầm quyền của đảng cộng sản mà thôi. Về Tổ quốc, Điều 13 nói: "Mọi âm mưu và hành động... chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đều bị nghiêm trị". Tổ quốc Việt Nam ở đây phải hiểu là Tổ quốc của những người Việt Nam theo chủ nghĩa xã hội, tổ quốc này không có chỗ đứng cho những ai không chấp nhận chủ nghĩa đó.

Về sinh hoạt chính trị, Điều 6 xác nhận bản chất chuyên chế của chế độ: "Quốc hội, Hội đồng Nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ". "Tập trung dân chủ" là một cách diễn tả khác của cụm từ "chuyên chính vô sản", nghĩa là không chia quyền với ai hết ngoài đảng cộng sản.

Qua các ghi nhận trên, nếu chỉ bỏ riêng Điều 4 của Hiến pháp 1992 không thôi có thể xây dựng dân chủ được không? Hoàn toàn không. Và nếu bỏ hết các quy chiếu liên quan đến Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong Chương I cũng không thể có sinh hoạt dân chủ vì còn hai định chế khác không trực thuộc Nhà nước là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Công đoàn, hai công cụ được lập ra để duy trì và bảo vệ quyền lợi của đảng cộng sản.

Điều 9 định nghĩa: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước

chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và luật pháp, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức Nhà nước...".

Điều 10 nói: "Công đoàn là tổ chức chính trị-xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động cùng với cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội chăm lo và bảo vệ quyền lợi của cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động khác; tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia kiểm tra và giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, giáo dục cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động khác xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Nhiệm vụ chính của hai định chế này là để kiểm soát lý lịch và hạnh kiểm của công dân; mọi sinh hoạt chính trị dân cử (ứng cử, bầu cử, học tập chính trị) đều phải thông qua sự duyệt xét gặt gao của Mặt trận Tổ quốc và nhiệm vụ đầu tiên của Công đoàn là theo dõi hạnh kiểm chứ không phải để nâng đỡ đời sống của công nhân, viên chức trong các cơ sở kinh tế và phi kinh tế.

Như vậy, trong Chương I, không thể chỉ bỏ riêng Điều 4 mà chấp nhận các điều còn lại vì tất cả sinh hoạt chính trị đều đặt dưới quyền lãnh đạo trực tiếp hay gián tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Không thể ngụy biện rằng Việt Nam ngày nay không còn gì là xã hội chủ nghĩa vì toàn xã hội, kể cả Đảng Cộng sản Việt Nam, đang tham gia kinh tế thị trường và chạy theo lợi nhuận, như vậy chỉ cần loại bỏ vai trò lãnh đạo độc tôn của đảng cộng sản ở Chương I là có sinh hoạt dân chủ. Bóng dáng Đảng Cộng sản và Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam không những bao trùm tất cả các điều trong Chương I mà còn trong tất cả các điều của những chương sau.

Toàn bộ 15 điều khoản trong Chương II về chế độ kinh tế dùng để củng cố vai trò lãnh đạo độc tôn của Đảng và Nhà nước trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chương này xác nhận tính chất chỉ huy của Nhà nước trong sinh hoạt kinh tế dù cách hành văn có khác đi. Điều 15 nói rằng: "Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế

thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng". Chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể ở đây phải hiểu là Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, làm chủ toàn bộ tài sản của quốc gia.

Về quyền sở hữu thật sự, tức quyền sở hữu đất đai, người dân chẳng có gì cả vì "đất đai, rừng núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi ở vùng biển, thềm lục địa và vùng trời, phần vốn và tài sản do Nhà nước đầu tư vào các xí nghiệp, công trình thuộc các ngành và lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật, ngoại giao, quốc phòng, an ninh cùng các tài sản khác mà pháp luật quy định là của Nhà nước, đều thuộc sở hữu toàn dân" (Điều 17).

Việt Nam là một quốc gia nông nghiệp, 80% dân chúng sống nhờ vào đất để cấy cấy, trồng trọt, chăn nuôi..., 20% còn lại sống trong những trung tâm đô thị, tức phải dựa vào đất để xây nhà dựng cửa, lập cơ sở kinh doanh, sản xuất. Toàn bộ các loại đất đai này thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, khi Nhà nước đổi ý (vì lợi ích quốc gia) hay không thích ai muốn thu hồi lại đất (địa điểm tốt, đất đai màu mỡ; thành phần giàu có hay bị kết tội phản động) thì những gì có trên dưới mảnh đất đó, gọi là tài sản hợp pháp của cá nhân, coi như mất cho dù có được bồi thường. Hiến pháp 1992 định nghĩa tài sản cá nhân đó như sau: "Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức không bị quốc hữu hóa. Trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của cá nhân hoặc tổ chức theo thời giá thị trường. Thủ tục trưng mua, trưng dụng do luật định" (Điều 23).

Như chưa đủ coi thường người dân, Điều 21 nói thêm: "Kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân được chọn hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, được thành lập doanh nghiệp không bị hạn chế về quy mô hoạt động trong những ngành, nghề có lợi cho quốc kế dân sinh. Kinh

tế gia đình được khuyến khích phát triển". Thế nào là có lợi cho quốc kế dân sinh? Tại sao kinh tế gia đình chỉ được khuyến khích trong khi "kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển, nhất là trong những ngành và lĩnh vực then chốt, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân" (Điều 19) và "doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không bị quốc hữu hóa. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư về nước" (Điều 25)? Rõ ràng là có kỳ thị trong sinh hoạt kinh tế, đời sống hàng ngày người dân không có trọng lượng nào trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Toàn bộ nội dung 15 điều của Chương II về chế độ kinh tế không thể chấp nhận được.

Về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, toàn bộ nội dung 14 điều của Chương III dành cho Nhà nước trọn quyền chỉ đạo. "Nhà nước thống nhất quản lý sự nghiệp văn hóa. Nghiêm cấm truyền bá tư tưởng và văn hóa phản động, đồi trụy; bài trừ mê tín, hủ tục" (Điều 30). Như chưa rõ, Điều 31 xác định thêm: "Nhà nước tạo điều kiện để công dân phát triển toàn diện, giáo dục ý thức công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, giữ thuần phong mỹ tục, xây dựng gia đình có văn hóa, hạnh phúc, có tinh thần yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa, có tinh thần quốc tế chân chính, hữu nghị và hợp tác với các dân tộc trên thế giới" (Điều 31). Chấp nhận được không, yêu nước và yêu chế độ xã hội chủ nghĩa phải song hành với nhau? Văn hóa dân tộc có chỗ đứng nào trong Hiến pháp này?

Về giáo dục, Điều 36 nói: "...Các đoàn thể nhân dân, trước hết là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế, gia đình cùng nhà trường có trách nhiệm giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng". Gia đình, nhà trường và các tổ chức kinh tế-xã hội giáo dục trẻ em thì còn hiểu được, còn các đoàn thể nhân dân (các "hội yêu nước") và Đoàn Thanh niên Cộng sản thì giáo dục cái gì nếu không phải để tuyên truyền và đoàn ngũ hóa thanh thiếu niên phục vụ cho quyền lợi của đảng cộng sản?

Trong Chương IV, ngay tiêu đề: "Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" chứng tỏ quyết tâm của chế độ là

bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa mà thôi, Tổ quốc Việt Nam chân chính không có. Nội dung 5 điều của chương này quy định trách nhiệm và nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang (quân đội, công an) là "Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân..." (Điều 44). Như chưa đủ, Điều 45 nhấn mạnh: "Các lực lượng vũ trang nhân dân phải tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân, có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành quả của cách mạng, cùng toàn dân xây dựng đất nước".

Phần tiếp theo nói về các quyền chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội của công dân, nội dung 34 điều của Chương V ("quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân") được lấy từ các công ước quốc tế về các quyền con người. Theo chương này, là người Việt Nam thì phải có "ý thức công dân và lý tưởng xã hội chủ nghĩa" (Điều 66).

Trong tất cả các điều khoản nói về quyền và nghĩa vụ của công dân, điều nào lúc nào cũng thông thêm một câu "theo luật định". Thế nào là luật định? Điều này rất là bí hiểm. Cách hành xử luật pháp do đó hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng và trình độ của người cầm cân nảy mực do Đảng và Nhà nước chỉ định (thẩm phán, công an, cán bộ chức năng) chứ không ở nội dung của luật pháp. Ai cũng biết mục tiêu đầu tiên luật pháp tại Việt Nam là để bảo vệ và củng cố quyền lợi của những người đại diện chế độ (Đảng và Nhà nước) chứ phải để bảo vệ người dân. Điều 76 răn đe: "Công dân phải trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất". Thế nào là phản bội Tổ quốc và Tổ quốc nào? Có phải là giết hại đồng bào, làm hao kiệt tài sản quốc gia hay phục vụ cho quyền lợi của ngoại bang là phản bội Tổ quốc không? Nếu đúng vậy thì Đảng Cộng sản Việt Nam nên ngay từ bây giờ tìm người bào chữa cho mình trước vành móng ngựa vì hồ sơ phạm tội của đảng cộng sản đối với dân tộc Việt Nam không mong đâu.

Các chương sau (Chương VI, VII, VIII, IX, X và XII) nói về các định chế

tổ chức chính trị: quốc hội, chủ tịch nước, chính phủ, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân, hiệu lực và sửa đổi Hiến pháp. Nếu bỏ hết mọi diễn đạt liên quan tới các cụm từ "chủ nghĩa xã hội", "Mặt trận Tổ quốc", "Tổng Liên đoàn Lao động" và những tổ chức "nhân dân" thì nội dung 54 điều của năm chương này có thể chấp nhận được vì tính kỹ thuật, tất cả mô tả cách thức điều hành và tổ chức chính phủ như mọi quốc gia khác. Chỉ có vấn đề trung ương tập quyền hay địa phương tản quyền cần được tranh cãi thêm để tìm đồng thuận.

Chỉ riêng 5 điều của Chương XI nói về quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, thủ đô và ngày quốc khánh thôi cũng đủ gây một phong trào tranh cãi sôi nổi trên cả nước và trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Bao nhiêu trong số những người chủ trương hay ủng hộ bỏ Điều 4 Hiến pháp chấp nhận nội dung chương này?

Nên có thái độ nào?

Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 là một trong bốn hiến pháp còn lại trên thế giới quy chiếu về chủ nghĩa xã hội và dành cho đảng cộng sản vai trò lãnh đạo toàn xã hội, do đó chỉ có giá trị với những người làm ra nó và sống nhờ nó.

Đối với những người đối lập dân chủ, toàn bộ nội dung của Hiến pháp 1992 không thể chấp nhận, phải bỏ hết và viết lại chứ không riêng gì Điều 4.

Vấn đề là dân chủ hóa đất nước bằng cách nào, với hay không với Đảng Cộng sản Việt Nam?

Những người đối lập trong nước muốn thực hiện dân chủ với đảng cộng sản, họ chỉ yêu cầu bỏ Điều 4 và tăng cường vai trò của Quốc hội. Chắc chắn đây không phải là lập trường chung của những tổ chức đấu tranh đối lập với chính quyền Hà Nội trong cộng đồng người Việt hải ngoại.

Trong bối cảnh này, chúng ta một mặt ủng hộ tinh thần đấu tranh của những người đối lập trong nước, mặt khác phải đưa ra một dự án chính trị dân chủ đủ sức thuyết phục để tiến trình dân chủ hóa đất nước được sự hưởng ứng của toàn dân và sự chuyên chở của thời đại.

Nguyễn Văn Huy

Thập nhị sứ quân

Nguyễn Gia Kiểng

Đinh Bộ Lĩnh, tức vua Đinh Tiên Hoàng, được coi là một trong những đại anh hùng của nước ta vì đã có công dẹp mười hai sứ quân và qui đất nước về một mối. Sự nghiệp của ông gây ấn tượng mạnh đến độ ngày nay khi tiếng Việt đã phát triển nhiều rồi chúng ta vẫn còn nhắc tới giai đoạn trước nhà Đinh bằng cụm từ "thập nhị sứ quân" thay vì "mười hai sứ quân". Hơn thế nữa, "thập nhị sứ quân" đã trở thành một thành ngữ để chỉ nguy cơ đất nước bị tan rã thành nhiều mảnh. Nó như một tai họa ám ảnh chúng ta.

Mỗi dân tộc thường có những nhân vật có sức thu hút đặc biệt, ngôn ngữ phương Tây ngày nay nói là họ có charisma. Sức thu hút đó có tác dụng làm cho nhân vật được đề cao hơn công lao thực sự của mình, và đem lại cho những hành động của vị ấy một dấu ấn tâm lý sâu đậm.

Huyền thoại của Đinh Bộ Lĩnh là đã tỏ ra anh hùng và độc đáo ngay từ thời thơ ấu. Ông mồ côi cha từ nhỏ, ở với chú và chằn trâu cho chú, ông bắt những đứa trẻ chằn trâu khác tôn mình làm mình chủ, bắt chúng làm kiệu rước mình như vua, tổ chức chúng thành quân đội lấy lau làm cờ rồi đi đánh nhau với trẻ con các làng khác. Có lần thắng trận, ông giết trâu của chú khao quân. Nếu chỉ có thế thì Đinh Bộ Lĩnh chỉ là một đứa trẻ ngộ nghịch và vô giáo dục, nhưng sau này Đinh Bộ Lĩnh diệt các sứ quân, gồm thu đất nước và lên làm vua nên những hành động ngang ngược của ông thời thơ ấu được coi là biểu hiệu của chí lớn. Đinh Bộ Lĩnh trở thành thần tượng của thiếu nhi Việt Nam. Tội nghiệp cho thiếu nhi Việt Nam, một mặt người ta dạy chúng ngưỡng mộ Đinh Bộ Lĩnh nhưng, mặt khác, nếu chúng thực sự làm những gì Đinh Bộ Lĩnh đã làm (ăn hiếp bè bạn, lập đảng đánh nhau, phá tài sản) thì chắc chắn chúng sẽ bị ăn đòn, mà ăn đòn không oan chút nào vì thực ra đó chỉ là hành động của một đứa trẻ hư hỏng.

Một lần nữa chúng ta thấy rõ sự nghèo nàn về tư tưởng của người Việt. Chúng ta không suy luận và phê phán mà chỉ biết tăng bốc kẻ thắng. Kẻ nào đã

thành công và trở thành chúa tể thì những hành động của kẻ đó, dù xằng bậy đến đâu cũng được bào chữa và đánh bóng để đưa lên làm mẫu mực cho thời đại và cho đời sau. Chúng ta viết sử một cách không đúng đắn và chúng ta cũng đọc sử một cách không đúng đắn.

Bài hát *Hoa Lư* mà các thầy cô tôi dạy tôi ở trường tiểu học bắt đầu bằng câu: "Ta cùng nhau đi thăm nơi Hùng xưa..." và kết thúc bằng câu ca tụng Đinh Bộ Lĩnh là "đấng anh hùng vì nước quên mình". Thực ra Đinh Bộ Lĩnh chẳng bao giờ quên mình cả. Trái lại ông luôn luôn chỉ biết có mình thôi. Ông bất chấp tất cả, ông chỉ biết tham vọng quyền lực và thú vui của riêng mình thôi. Lúc nhỏ ông ở với chú, lập băng đảng đánh lộn và phá tài sản của chú. Lớn lên ông đi làm giặc rất sớm vì theo sử chép ông theo sứ quân Trần Lâm, được Trần Lâm tin dùng gả con gái cho, rồi lên thay Trần Lâm làm sứ quân khi Trần Lâm chết, sau đó rời bản doanh từ Thái Bình về Hoa Lư, vậy mà năm 951, mới 26 tuổi, ông đã lừng lẫy ở Hoa Lư đến nỗi hai ông vua nhà Ngô (Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn, con Ngô Quyền) phải thân chinh đi đánh mà không được. Đúng là một tay anh chị, lúc bé thì du côn, lớn lên đi làm giặc. Và việc làm giặc chống nhà Ngô này là hoàn toàn vô đạo vì anh em nhà Ngô rất chính đáng, cha họ là Ngô Quyền có công đánh bại quân xâm lược Nam Hán, chính thức xác nhận nền độc lập dân tộc, hai anh em Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn đều là những người nhân nghĩa. Nhưng Đinh Bộ Lĩnh táo bạo và đánh trận giỏi. Nhờ vậy ông đã diệt được mọi sứ quân và cả nhà Ngô, gồm thu lãnh thổ nước ta rồi lên ngôi hoàng đế. Sử sách ca tụng Đinh Bộ Lĩnh có công dẹp loạn sứ quân mà quên rằng chính ông cũng gây ra loạn sứ quân.

Nhiều người cho rằng việc xưng đế của Đinh Bộ Lĩnh, tức vua Đinh Tiên Hoàng, tương đương với một tuyên ngôn độc lập. Trên thực tế nước ta đã dần dần hình thành trong hơn mười thế kỷ Bắc thuộc. Nhờ những đóng góp về dân số và văn hóa từ phương Bắc và những cố gắng khai mở của các quan cai trị nặng tình

với quê hương mới như Nhâm Diên và Sĩ Nhiếp, một xã hội văn minh mới đã dần dần hình thành tại đồng bằng sông Hồng. Vách núi hiểm trở ngăn cách đã khiến sự đi lại giữa Giao Châu và Trung Quốc còn khó khăn hơn đường biển. Xã hội Giao Châu ngày càng phát triển và ngày càng khác với xã hội Trung Quốc. Giao Châu là một xã hội Phật Giáo trong khi Trung Quốc là một xã hội Khổng Giáo. Sự thống trị của Trung Quốc yếu dần đi, để rồi tới một lúc không còn duy trì được nữa. Năm 906, giường máy cai trị của Trung Quốc tại Giao Châu tự nó sụp đổ. Trung Quốc loạn lạc, quan cai trị bỏ về nước, người Giao Châu tôn một hào kiệt bản xứ là Khúc Thừa Dụ lên thay, chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc và mở đầu kỷ nguyên tự chủ.

Cần lưu ý là nền độc lập của nước ta đã đến một cách tự nhiên như là sự chín muồi của tiến trình hình thành của một xã hội mới chứ không phải do ý chí muốn độc lập và chống lại Trung Quốc. Ba đời họ Khúc (Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ) và cả Dương Đình Nghệ sau đó, dù tự lập nên và chống với quân xâm lăng phương Bắc vẫn chỉ xưng là tiết độ sứ, một chức quan do Trung Quốc lập ra để cai trị Giao Châu. Ý thức quốc gia của chúng ta tiến chậm hơn thực tại xã hội, địa lý và nhân văn.

Ngô Quyền sau khi thắng được quân Nam Hán đã xưng vương, chính thức xác nhận nền độc lập. Hành động có ý nghĩa lịch sử trọng đại này hình như đã không được ghi nhận một cách phấn khởi, nên ngay sau khi Ngô Quyền qua đời hào kiệt khắp nơi đã thi nhau xưng hùng xưng bá. Sự triệt thoái của Trung Quốc đã tạo ra một khoảng trống quyền lực tại Giao Châu cho các thủ lãnh địa phương. Đinh Bộ Lĩnh là một trong những thủ lãnh này. Việc ông nổi loạn chỉ là do tham vọng cá nhân chứ không phải là để chống lại một chính quyền bất chính. Đinh Bộ Lĩnh đã thắng được không phải vì có chính nghĩa, trái lại ông đã chống lại một chính quyền rất có chính nghĩa, mà chỉ vì ông đánh trận giỏi. Việc ông xưng đế cũng chỉ nằm trong một tiến trình độc lập tự nhiên sau họ Khúc, họ Dương và họ Ngô mà thôi.

Nhưng nếu Đinh Bộ Lĩnh là một tướng giỏi thì Đinh Tiên Hoàng lại chỉ là một ông vua tồi và bạo ngược. Ông không làm được điều gì ích quốc lợi dân

trong mười ba năm cầm quyền (967-980). Ông bày ra những trò góm ghiec: lập vạc dầu để luộc người, dựng cột đồng nung đỏ để nướng người, nuôi hổ báo để xé xác phạm nhân, chặt chân tay, cắt tai mũi, v.v... Ông cùng hoang dâm vô độ, bỏ con trưởng lập con thứ một cách bất công để đến nỗi các con ông giết nhau. Cuối cùng ông bị phản thần giết chết giữa lúc đang say rượu nằm ngủ.

Đinh Tiên Hoàng là người đầu tiên đem sự hung bạo vào chính trị nước ta, trước đó xã hội ta là một xã hội Phật Giáo lấy sự hiền hòa làm nền tảng. Ông cùng là người khởi xướng ra một cách ứng xử chính trị mới, đó là dùng nội chiến để tiêu diệt lẫn nhau thay vì giải quyết những quan hệ quyền lực qua thỏa hiệp và hợp tác. Nước Việt Nam vừa tự chủ, như một đứa trẻ sơ sinh, đã bị tiêm những độc tố kinh khủng.

Đinh Tiên Hoàng, một cách vô tình, cũng còn khai sinh ra một chủ trương chính trị khác tại Việt Nam, đó là quan điểm nhà nước tập trung và toàn quyền. Việc ông gôm thâu các sứ quân khác đã được tôn vinh triệt để, đã khiến sự tập trung mọi quyền lực quốc gia về một mối thành một lẽ dĩ nhiên trong tâm lý tập thể của chúng ta, và đã khai sinh ra cả một phân xạ tập trung mà các diễn biến lịch sử sau này tăng cường thêm. Họ Trịnh đã coi việc cát quân đánh họ Nguyễn ở phương Nam là giải pháp duy nhất. Nguyễn Huệ cát quân diệt họ Trịnh và đánh cả ông anh là Nguyễn Nhạc. Hồ Chí Minh và đảng cộng sản quyết tâm đánh gục chế độ Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam cho dù "sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhiều thành phố có thể bị tiêu diệt". Gần đây khi nhóm Thông Luận đưa ra chủ trương tản quyền và địa phương tự quản (không nên sợ những từ ngữ, đó quả thực là một chủ trương gần giống với một chế độ liên bang) thì ngay trong nội bộ đã có những tiếng nói rất thành thực bày tỏ mối lo đất nước bị đưa vào tình trạng "thập nhị sứ quân", nghĩa là tan rã.

Nhưng có những "hiển nhiên" không đúng chút nào nếu ta quan sát và suy luận một cách bình tình.

Trung Quốc từ lúc hình thành đã tiến những bước vĩ đại cả về kỹ thuật lẫn tư tưởng cho đến thời Đông Chu Liệt Quốc dưới chế độ phong kiến tản quyền, và đã

dắm chân tại chỗ trong hơn hai ngàn năm sau, từ nhà Tần trở đi, dưới chế độ quân chủ tập trung. Hoa Kỳ đã chỉ biết có chế độ liên bang và đã trở thành cường quốc hùng mạnh nhất thế giới chỉ sau một trăm năm lập quốc. Cộng Hòa Liên Bang Đức đã hơn hẳn các nước châu Âu khác. Liên Bang Xô Viết đã thất bại nhưng nó chỉ là một liên bang giả hiệu, mọi quyền hành, kể cả quyền sinh sát tùy tiện, tập trung vào một điện Kremlin. Nước Pháp tập trung đang vùng vẫy từ nhiều thập niên để tản quyền.

Chế độ tản quyền hơn hẳn chế độ tập quyền. Không phải là một ngẫu nhiên, mà nó đang là phương thức mà mọi quốc gia hướng tới. Điều cần được đặc biệt lưu ý là nó cũng là giải pháp cho những quốc gia tự hậu và thiếu dân chủ.

Trước hết nó là một đảm bảo cho dân chủ. Các vùng tự quản dĩ nhiên không thể có chế độ độc tài vì thẩm quyền của chính quyền địa phương chỉ là điều hành các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội trong khuôn khổ của luật pháp quốc gia. Ngược lại, chính quyền trung ương cũng không thể độc tài vì phần lớn sinh hoạt quốc gia nằm trong tay các chính quyền vùng hay tiểu bang. Trung ương và địa phương kiểm soát lẫn nhau với kết quả sau cùng là mọi bên đều phải khiêm tốn và chừng mực. Một chính quyền địa phương tồi dở không thể cấm đoán bầu cử tự do và cũng không thể gian lận bầu cử mà không bị chính quyền trung ương chế tài tức khắc. Ngược lại, một chính quyền trung ương không được nhân dân tín nhiệm cũng chắc chắn bị thay thế vì không thể khống chế được dân chúng, dân chúng tùy thuộc các chính quyền vùng nhiều hơn chính quyền trung ương. Sinh hoạt chính trị chỉ có thể là dân chủ. Hơn nữa mọi âm mưu đảo chính đều vô vọng. Một viên tướng nếu điên rồ đảo chính và lật đổ được chính quyền trung ương sẽ bị bỏ tay sau đó trước các chính quyền địa phương tự trị và sẽ may mắn lắm nếu tìm được máy bay để kịp thời tẩu thoát.

Tản quyền đem dân chủ tới mọi nơi và mọi người qua các cuộc tranh luận và tranh cử địa phương. Trong một nước chưa có truyền thống dân chủ, một chính quyền tập trung ngay cả có thiện chí cũng có thể chỉ thực hiện được dân chủ đối với một thiểu số trí thức ở thủ đô.

Tản quyền có lợi cho mọi sinh hoạt, đặc biệt là những sinh hoạt kinh tế. Nó

tránh được những đường dây hành chánh dài và phức tạp, tiết kiệm được thì giờ và phí tổn; nó kích thích văn hóa và báo chí địa phương, nó cho phép mỗi địa phương chọn lựa phương thức sinh hoạt phù hợp nhất với đặc tính và điều kiện của mình, đồng thời lấy những quyết định nhanh chóng. Các vùng nghèo khó sẽ có được một chính quyền riêng dành tất cả ưu tư cho vùng thay vì phải chờ đợi, và thường thường bị quên lãng, ở một chính quyền trung ương bận rộn với những vấn đề dồn dập của những vùng đã phát triển và hoạt động mạnh, như chúng ta đã thấy hiện nay chính quyền Việt Nam dành hết thì giờ giải quyết những vấn đề của Sài Gòn và Hà Nội. Không ai báo động một cách thành tâm và chính xác những khó khăn của một vùng bằng chính quyền vùng. Một chính quyền địa phương tự quản vừa có khả năng tự giải quyết một số khó khăn, vừa có khả năng động viên cử tri vùng làm áp lực buộc chính quyền trung ương phải quan tâm đến những khó khăn ngoài tầm tay của chính quyền vùng.

Tản quyền đóng góp một cách quyết định vào sự ổn định của quốc gia. Nó khoanh vùng nhiều vấn đề và tránh cho quốc gia nhiều khủng hoảng đáng lẽ chỉ xảy ra trong một vùng, đối với chính quyền vùng. Hơn nữa, nó còn giúp cho quốc gia có thể thực hiện những cải tổ lớn mà không rơi vào hỗn loạn.

Tôi sinh sống nhiều năm tại Pháp để nhận xét điều đó. Nước Pháp có một tổ chức giáo dục mà mọi người đều nhận định là lỗi thời và cần cải tổ, nhưng hệ chính phủ nào cải tổ giáo dục là sẽ bị đánh đổ nhanh chóng, lý do là vì cải tổ nào cũng đụng chạm tới quyền lợi của một loại người và bị chống đối. Người ta có thể đồng ý trên 90% những biện pháp cải tổ nhưng bất mãn với 10% còn lại và như thế là đủ để xuống đường phản đối. Điều nhứt nhối là đòi hỏi của số 10% không đồng ý lại thay đổi tùy thành phần, sửa đổi để vừa ý thành phần này thì lại gây phẫn nộ thêm cho nhiều thành phần khác. Nguyên nhân là chính quyền Pháp tập trung, hệ thống giáo dục áp dụng cho cả nước, cho nên mọi kế hoạch cải tổ đều bị phải được cả nước chấp nhận trong khi các vùng và các thành phần xã hội có những quyền lợi khác nhau. Vấn đề cải tổ giáo dục vẫn còn nguyên vẹn dù đã làm gầy đổ sự nghiệp của nhiều vị thủ tướng (kể cả đương kim

tổng thống Jacques Chirac lúc ông còn là thủ tướng, may mà sau một thời gian ông gượng dậy được). Chúng ta hãy tưởng tượng tình hình sẽ ra sao nếu nước Pháp là một nước tản quyền thay vì tập trung? Vấn đề cải tổ giáo dục sẽ thuộc quyền của các chính quyền địa phương thay vì thuộc chính quyền trung ương và sẽ thực hiện tại từng địa phương, ở những thời điểm khác nhau, thay vì cùng một lúc trên cả nước. Các phản đối cải tổ nếu có, cũng sẽ chỉ ở mức độ địa phương và chính quyền địa phương sẽ được sự hỗ trợ của đại đa số dư luận trong nước (vì 90% những biện pháp cải tổ là đúng và những người ngoài vùng sẽ chỉ nhìn thấy sự đúng đắn của kế hoạch cải tổ chứ không bị đụng chạm về quyền lợi), các phản đối sẽ giảm hẳn đi cường độ. Tóm lại, cùng lắm sẽ chỉ có xung đột nhỏ ở cấp địa phương mà thôi, cuộc cải tổ sẽ thực hiện được, sẽ được lấy làm mẫu mực cho các vùng khác. Nhưng thực ra có tất cả mọi triển vọng là sẽ không có xung đột nào cả, bởi vì nguyên nhân đưa tới nhu cầu cải tổ lớn chính là vì hệ thống giáo dục tập trung quá kèn cồng (Pháp có tới hơn một triệu công chức riêng trong ngành giáo dục) nên khó cải tổ, do đó nhiều điều đáng lẽ phải sửa đổi đã không được sửa đổi, dần dần tích lũy lại thành quá lớn và đòi hỏi một cải tổ sâu rộng. Tương tự như vấn đề giáo dục, nước Pháp còn ba cuộc cải tổ lớn nữa cần phải làm là nông nghiệp, hệ thống an sinh xã hội và hệ thống vận chuyển công cộng. Ba vấn đề cùng một lý do hiện hữu: tập trung, và cùng một lý do bế tắc: tập trung.

Trong một nước tản quyền, phần lớn những vấn đề kinh tế, xã hội đặt ra ở từng địa phương và ở những thời điểm khác nhau. Mỗi địa phương là một thí điểm cho một sáng kiến giải quyết và là một kinh nghiệm cho các địa phương khác. Tổ chức tản quyền như vậy giúp quốc gia tiến tới trong sự ổn định.

Một ưu điểm vô cùng quan trọng khác của tản quyền là nó làm giảm bớt xung đột đảng phái, bảo đảm hòa hợp dân tộc và văn minh hóa sinh hoạt chính trị. Một chính đảng có thể cầm quyền ở cấp trung ương nhưng lại là đối lập trong nhiều vùng. Ngược lại các đảng đối lập có thể cầm quyền ở một số địa phương. Xung khắc chính quyền - đối lập sẽ bớt hẳn sự gay gắt. Trong hoàn cảnh hiện

nay của Việt Nam, tản quyền giúp chúng ta chấm dứt tâm lý tồi tệ "được làm vua (và lộng hành), thua làm giặc (và phá hoại)". Đó là một giải đáp cho yêu cầu hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Tản quyền còn một đóng góp quan trọng khác, đó là bảo đảm một chính quyền trung ương tài giỏi, vì tất nhiên đa số những người cầm quyền ở cấp trung ương đều đã trải qua giai đoạn đầu của sự nghiệp chính trị trong các chính quyền vùng và khả năng đã được kiểm chứng.

Tản quyền cũng là một trong những thành tố căn bản của dân chủ đa nguyên, nó cho phép các khuynh hướng chính trị, các sắc tộc và tôn giáo thiểu số có được một trọng lượng đáng kể tại những vùng mà họ hiện diện đông đảo, do đó nó làm dịu bớt những tâm trạng bất mãn và những ý đồ ly khai.

Tóm lại, tản quyền có tất cả mọi phúc lợi. Nhưng muốn tản quyền có nội dung và tác dụng mong muốn của nó, tản quyền phải hội đủ hai điều kiện: một là mỗi vùng phải có khả năng tồn tại và phát triển được, hai là tản quyền không khuyến khích những ý đồ ly khai.

Điều kiện thứ nhất đòi hỏi mỗi vùng phải có diện tích, dân số, tài nguyên hay điều kiện địa lý tương đối đủ. Nước ta hiện có gần 80 triệu dân (hy vọng là dân số rồi sẽ ổn định ở mức 100 triệu), chúng ta có thể chia làm thành từ mười đến mười lăm vùng (và tại sao không mười hai?), mỗi vùng với dân số từ năm tới mười triệu người. Để tránh những phiền toái về hộ tịch, mỗi vùng sẽ là sự kết hợp của một số tỉnh hiện nay. Các vùng sẽ có một nghị viện, một chính quyền dân cử và một guồng máy hành chính riêng. Ở đơn vị tỉnh, ta có thể hình dung một hội đồng tỉnh do dân bầu ra và một tỉnh trưởng xuất phát từ hội đồng tỉnh, trong khi guồng máy hành chính vẫn là một bộ phận của guồng máy hành chính vùng.

Điều kiện thứ hai đòi hỏi giới hạn rõ ràng thẩm quyền của chính quyền vùng. Các vùng di nhiên không được quyền có quân đội, số cảnh sát vùng cũng phải nằm trong một tỷ lệ nào đó so với số cảnh sát trung ương có mặt trong vùng, thí dụ 1-1; luật pháp của vùng không được mâu thuẫn với luật pháp trung ương. Các vùng không có tiền tệ riêng, không được có đại diện ngoại giao, không được ký hiệp ước với nước ngoài, không được làm chủ các công ty có mục đích kinh

doanh, không được tổ chức những cuộc trưng cầu dân ý có nội dung chính trị. Các vùng cũng không được ký kết các hiệp ước với nhau. Với tất cả những giới hạn trên đây chúng ta không cần lo ngại một âm mưu ly khai nào; ngược lại, những giới hạn này không hề làm suy giảm thẩm quyền văn hóa, kinh tế và xã hội nào của vùng.

Hiện nay đất nước ta tuy thống nhất về mặt hành chính nhưng vẫn còn rất chia rẽ trong lòng người, chia rẽ vì quá khứ chính trị, chia rẽ về tôn giáo, sắc tộc, v.v... nhưng nặng nề nhất là chia rẽ Bắc-Nam. Với sự phân vùng và tản quyền như trên, mỗi chia rẽ Bắc-Nam sẽ không còn nữa, bởi vì sẽ không còn miền Bắc, miền Nam mà sẽ chỉ còn vùng này và vùng nọ. Các sắc tộc ít người sẽ có trọng lượng lớn tại các vùng thượng du miền Bắc và cao nguyên miền Trung, đồng bào gốc Khmer sẽ có tiếng nói đáng kể ở miền Tây Nam phần. Các tín đồ Cao Đài, Hòa Hảo sẽ có một chỗ đứng quan trọng ở các tỉnh Tây Ninh và Long Xuyên. Tinh thần địa phương là bước đầu của tinh thần quốc gia dân tộc nếu được phép phát huy một cách tự nhiên. Khi các địa phương được phát triển tự nhiên, họ sẽ không còn cảm thấy muốn ly khai nữa. Và lại, đà tiến hóa của thế giới hiện nay là kết hợp chứ không phải ly khai. Các nước châu Âu đang kết hợp thành Liên Hiệp Châu Âu, các nước Bắc Mỹ và Nam Mỹ cũng đang cố gắng kết hợp thành khối. Cộng đồng nào, địa phương nào cũng muốn được hội nhập trong một thực thể lớn hơn. Trừ khi nhà nước là xiềng xích, bạo ngược, khống chế và bóc lột, không ai muốn ly khai. Chúng ta nên sợ độc tài, bạo ngược chứ không nên sợ tản quyền. Âm ảnh "thập nhị sứ quân" không còn lý do tồn tại.

Trong một cuộc thảo luận có người bạn đã chất vấn tôi: "Lòng người đã phân hóa như thế này, anh còn đòi tản quyền để chia cắt lãnh thổ, anh muốn đổ dầu vào lửa hay sao?". Tôi đã trả lời: "Không, tản quyền không làm đất nước tan vỡ, trái lại nó khiến cho đất nước được quản trị một cách hợp lý hơn và thông minh hơn, nó góp phần hòa giải người Việt với đất nước mình vì nó xoa dịu những bức bối. Tản quyền không phải là đổ dầu vào lửa mà là đem nước chữa cháy".

Nguyễn Gia Kiểng

Quan hệ biện chứng giữa phát triển và dân chủ

Võ Nhân Trí

(Tiếp theo Thông Luận số 141, tháng 10-2000)

Về chính trị

a) Nói tới chính trị thì trước tiên phải nói tới ĐCSVN và hệ tư tưởng chính trị của nó. Như ai cũng biết hệ tư tưởng đó là chủ nghĩa Mác-Lê-Mao (CNMLM). Và từ đại hội lần thứ 7 (tháng 6-1991) ĐCSVN thêm vào đó "tư tưởng Hồ Chí Minh" để có chút ít bản sắc dân tộc sau khi chủ nghĩa Mác-Lê đã tan rã ở Liên Xô cũ và Đông Âu. Chúng tôi không muốn bàn đến vấn đề này ở đây vì đã phân tích nó ở chỗ khác rồi (Võ Nhân Trí, "Tư tưởng Hồ Chí Minh" có mâu thuẫn gì với chính sách "đổi mới" không?, Đảng Cộng sản trước thực trạng Việt Nam, nxb Đường mới, Paris, 1994, tr. 63-94). Ở đây chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh một điều là, khác với một số người thường nói, CNMLM chưa biến chất ở VN; ngược lại, nó vẫn hành động trong thực tế, dù rằng nó có một vài biến đổi so với trước: ví dụ "vai trò lãnh đạo" của ĐCSVN đối với nhà nước (quốc hội, chính phủ, tòa án), đối với các tổ chức xã hội (Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản, v.v., trong lãnh vực báo chí, xuất bản, văn hóa, v.v.... "Chuyên chính vô sản", một khái niệm do Mác sản sinh ra và được Lênin áp dụng triệt để cùng đang được áp dụng hàng ngày đối với các phần tử đấu tranh đòi tự do dân chủ và nhân quyền, đòi tự do tín ngưỡng - kể cả đối với các bậc đảng viên lão thành. Do đó, theo thiên ý, không thể nói chủ nghĩa MLM không còn nữa; nó chỉ biến dạng một phần nào đó thôi, và điều đáng tiếc là các mặt xấu nhất của nó vẫn còn đang tồn tại, cả trong lãnh vực chính trị lẫn kinh tế. Vừa rồi, nhân dịp kỷ niệm ngày 25 năm thống nhất đất nước, một số báo chí và đài phát thanh nước ngoài cũng nhấn mạnh là, dù có "đổi mới" gần 14 năm nay, hệ tư tưởng Mác-Lê vẫn đè nặng lên xã hội Việt Nam trong lãnh vực kinh tế chính trị (Nguyễn Ngọc Hiệp, *Thông Luận*, tháng 1-2000, tr. 18) [1]. Dù đã bị soi mòn phần nào, nhưng nó vẫn còn được sử dụng như là một phương tiện để bám lấy chính quyền.

b) Về "vai trò lãnh đạo" của ĐCSVN thì chúng tôi thấy, trước cùng như sau, "đổi mới", về cơ bản, không có gì thay đổi. Vẫn

độc đảng, và trong mấy năm nay ĐCSVN còn hô hào rùm beng là phải chống đa nguyên, đa đảng thêm nữa. Nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự đã từng nói rằng: "*Độc đảng dân tới độc quyền, độc tài, độc ác*" (Tiêu Dao Bảo Cự, *Nửa đời nhìn Lại*, nxb Thế kỷ, Hoa Kỳ, 1994, tr.333). Trong một bài viết gần đây, ông Trần Độ đã nêu ra 6 hiện tượng tiêu cực do chế độ một đảng duy nhất cầm quyền sinh ra, trong đó có 3 hiện tượng quan trọng như sau:

"- *chủ quan, duy ý chí và quan liêu trong xác định chủ trương đường lối.*
- *đảng dễ áp đặt ý chí của mình với nhà nước và xã hội; sắp đặt người của đảng vào các cơ quan nhà nước và các đoàn thể xã hội; tự đặt mình trên nhà nước và pháp luật [...]*
- *các đảng viên có chức quyền đã sa vào đặc quyền đặc lợi, tham nhũng, cửa quyền, gây phiền hà cho dân*" (Trần Độ, *Diễn đàn*, tháng 7-2000, tr. 14)

Đây là "*sự thật đang diễn ra [...] nói lên tình trạng phản dân chủ*" (ibid) trong một chế độ độc đảng. Tuy vậy, ĐCSVN vẫn yêu cầu giới lý luận chính thống "*phải tìm ra cái lý luận nói rằng đảng lãnh đạo độc tôn [nhưng] vẫn dân chủ được!*" (ibid). Nguyên tắc "tập trung dân chủ" vẫn được áp dụng hiện nay trong đảng và nhà nước cộng sản (ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Lần thứ tám*, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 142).

c) Về tập đoàn lãnh đạo của ĐCSVN thì thật là khôi hài khi họ khẳng định "*bản chất giai cấp công nhân của Đảng*" (ĐCSVN, *Văn kiện đại hội đại biểu lần thứ tám*, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 139) khi ai cũng thấy là trong giới lãnh đạo không có bóng dáng một công nhân nào cả; ngược lại, người ta chỉ thấy hiện diện của một "*giai cấp [lãnh đạo] mới*" (theo danh từ của Djilas) đang bị mafia hóa nghiêm trọng (*Việt Nam Dân chủ*, tháng 3-2000, tr. 14). Ông Trần Độ [2], anh Nguyễn Thanh Giang (*Thông Luận*, tháng 4-1998, tr. 12-13), nhà văn Dương Thu Hương (*Diễn đàn*, tháng 6-1999, tr. 8-9) và một số nhà quan sát ngoại quốc (Gabriel Kolko, *Vietnam Anatomy of Peace*, s.d.d tr.58, 150, 153) đã nói

hiều về "tư sản đồ" rồi cho nên chúng tôi miễn đi vào chi tiết ở đây. Chỉ cần nhấn mạnh là, theo một nguồn tin trong nước, hiện nay ở Việt Nam có đảng viên là triệu phú, thậm chí là tỷ phú nữa (tính theo Mỹ kim). Một trong những lý do mà họ làm giàu nhanh chóng là tham nhũng và buôn lậu. Ai cũng biết là khu vực kinh tế quốc doanh là mảnh đất béo bở nhất cho tham nhũng (*Diễn Đàn*, tháng 4-1996, tr. 9). Lê dĩ nhiên là chỉ có ai có quyền lực nhất thì mới có thể tham nhũng, có quyền to thì tham nhũng to, có quyền nhỏ thì tham nhũng nhỏ.

"*Một nguồn gốc quan trọng của tệ nạn tham nhũng là có sự lạm dụng quyền lực*", ông Trần Độ nhận xét như vậy. Và ông nói tiếp: "*Những sự lạm dụng quyền lực này xuất phát từ một thể chế quyền lực không có cơ chế kiểm hãm và giám sát và thể chế đó lại là con đẻ của... hệ thống chính trị do đảng lãnh đạo tuyệt đối toàn diện... Thể chế đó tạo điều kiện cho người ta tự do dùng thủ đoạn để tìm kiếm quyền lực, và khi tìm được rồi thì tự do và tùy tiện dùng để mưu lợi và làm giàu*" (*Diễn Đàn*, tháng 7-2000, tr. 13).

Bắt đầu từ tháng 5-1999, ông Lê Khả Phiêu đã chủ trương một đợt "*phê bình và tự phê bình*" để chống tham nhũng, và đợt này sẽ kéo dài tới 2 năm. Nhưng một năm đã qua rồi mà chúng ta không thấy kết quả gì đáng khích lệ cả! Và không thể hy vọng gì là giữa năm tới "quốc nạn" này sẽ được thanh toán; ngược lại, có nhiều khả năng nó sẽ tăng lên "một cách tinh vi hơn" là đáng khác! Bởi vì, như ông Trần Độ đã nhấn mạnh "*những người có quyền lực là những người không chống được tham nhũng, và chỉ có dung túng tham nhũng mà thôi [...]* Chỉ có một cuộc sống xã hội thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ cơ bản của người dân thì xã hội đó mới chống được tham nhũng" (*Diễn Đàn*, tháng 6-1999, tr. 15). Thật vậy, chỉ có một chế độ thật sự dân chủ trong đó có đảng đối lập, báo chí đối lập, tòa án độc lập với đảng và nhà nước mới có thể chống tham nhũng một cách hữu hiệu được.

d) Về tài sản của ĐCSVN thì, theo một ủy viên của Phòng Thương mại Mỹ-Việt, toàn bộ tài sản của nó lên tới 20 tỷ Mỹ kim trong năm 1996, tức là tương đương với TSPTH của Việt Nam năm 1995 (20,5 tỷ Mỹ kim); và "*có thể ĐCSVN là đảng giàu nhất thế giới*" (*Le Point*, Paris, 21-9-1996, tr. 27). Cùng theo nguồn tin này, có 100 đảng viên có tài sản lên tới 300 triệu Mỹ kim/người năm 1996 (ibid).

Theo anh Bùi Tín thì ban kinh tài của ĐCSVN với hàng nghìn cán bộ là "công cụ mafia của Đảng"; nó có chín phó ban chuyên kinh doanh về ngoại tệ, vũ khí, ma túy, doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp của đảng, đất đai, nhà cửa và biệt thự (Bùi Tín, *L'Express*, Paris, 11-05-2000, tr.51, *Máy mù thế kỷ*, nxb Đà nguyên, Hoa Kỳ, 1998, tr. 243, 255). Các nhà quan sát ngoại quốc cho rằng sở dĩ từ giữa những năm 90 trở đi, ĐCSVN tìm cách đầu tư trong nhiều lãnh vực - từ tiệm cơm cho tới ngân hàng - là vì muốn xây dựng một cơ sở tài chính vững mạnh để làm nền tảng cho sự thống trị của nó trong đời sống chính trị tương lai của đất nước (*Asia 1995 Yearbook*, Hongkong, tr. 221). (Vì vậy, trong thời kỳ hậu cộng sản, các chính trị gia dân chủ phải nhớ tới yếu tố quan trọng này).

Một điểm cần lưu ý nữa là trong điều 46 của điều lệ của ĐCSVN (do đại hội 8 thông qua) có ghi rõ là một trong những nguồn tài chính của ĐCSVN là "ngân sách nhà nước" (*Tạp chí cộng sản*, số 13, 1996, tr. 37). Do đó cho nên không nên lấy gì làm lạ khi ta thấy ĐCSVN điem nhiệm lấy tiền của ngân sách nhà nước (tức là tài sản của toàn dân) để chi cho các tổ chức của đảng và phụ thuộc vào đảng. Hơn nữa, như báo chí đã tiết lộ "mức chi ngân sách của cơ quan đảng là bằng 1,5 đến 2 lần các cơ quan hành chính". Sự lợi dụng ngân sách nhà nước để phục vụ quyền lợi của ĐCSVN giải thích tại sao vấn đề tài chính quốc gia được coi như là một vấn đề tối mật, ở Việt Nam cũng như ở các nước cộng sản khác; và các đại biểu quốc hội cho đến nay, cũng không thể biết rõ một cách chi tiết và chính xác các số liệu tuyệt đối của ngân sách nhà nước. Tại quốc hội người ta thường đưa ra vài tỷ lệ tổng quát mà thôi, tỷ lệ này gộp chung với tỷ lệ kia thành ra vô ý nghĩa để có thể phân tích trong thực tế. Vừa rồi, tại hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam họp tại Đà Lạt (tháng 6-2000), ông Andrew Steer, giám đốc Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam tỏ vẻ hài lòng về sự minh bạch hóa (70%) tài chính của Việt Nam (Agence France Presse, 23-6-2000), nhưng có lẽ ông không biết rằng các số liệu này không có thật cả đâu !

Có đảng viên ở trong nước cho rằng không phải vì có điều 4 trong hiến pháp 1992 và có công an và bộ đội mà có thể áp đặt vai trò lãnh đạo của ĐCSVN được. Họ nói : "Muốn đóng được vai trò đó thì ĐCSVN cần phải có thêm 2 yếu tố nữa, đó là đảng phải trong sạch và đường lối phải

đúng đắn" (*Thông Luận*, 12-1999, tr. 15).

e) Về tư cách của đảng viên, chúng tôi xin nhường lời cho một đảng viên cao cấp. Ông này có nhận xét như sau : "Tệ quan liêu, tham nhũng đang làm biến chất một bộ phận [không nhỏ] cán bộ đảng viên. Đáng lưu ý là hiện nay [tức là sau một năm đợt phê và tự phê chống tham nhũng] tình trạng này còn diễn biến ra phổ biến hơn, tình vi hơn, nghiêm trọng hơn [chúng tôi nhấn mạnh], nhất là tình trạng suy thoái về đạo đức lối sống [...] Biểu hiện và tác hại của những đảng viên yếu kém... là lợi dụng chức quyền, vị trí công việc để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, sách nhiễu, ức hiếp nhân dân, gia trưởng, độc đoán [...] thiếu tinh thần trách nhiệm" (Bùi Ngọc Thanh, *Tạp chí cộng sản*, số 3, tháng 2-2000, tr. 23). Thêm vào đó còn có "bệnh kiêu ngạo (tức làm phách theo cách nói trong Nam) cộng sản" nữa; và nó là khá phổ biến (Nhân Đảng, *Tạp chí cộng sản*, số 5, tháng 3-1998, tr. 51). Còn Tổng bí thư Lê Khả Phiêu thì cũng thừa nhận rằng : "Đáng chú ý nhất là có cả một số cán bộ, đảng viên cao cấp...vi phạm luật pháp nhà nước,...làm việc cầm chừng, [...] chỉ lo vun vén cá nhân, tham nhũng, hối lộ, đặc quyền, đặc lợi [...] cơ hội, luồn lách, chỉ coi trọng lợi ích vật chất mà xem nhẹ giá trị tinh thần [...] xa dân, quan liêu [...] hống hách, sách nhiễu, không tôn trọng nhân dân [...] Một bộ phận cán bộ, đảng viên xa hoa, phung phí tiền của, bỏ mặc tài sản của công mất mát, hư hỏng [chúng tôi nhấn mạnh]" (Lê Khả Phiêu, *Tạp chí cộng sản*, số 11 6-1999, tr.5). Ông Phiêu cũng còn thừa nhận là : "có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về [...] đạo đức lối sống" (ibid). Về vấn đề này thì có hai hiện tượng đáng chú ý gần đây :

1- Theo cục trưởng Cục Phòng chống Tệ nạn Xã hội thì tình trạng mãi dâm ở Việt Nam ngày càng leo thang mà ta thấy trong số khách mua dâm đó có đến 68-70% là cán bộ, đảng viên kể cả cán bộ thi hành luật pháp, tức là những "con người mới XHCN" đóng vai trò chủ đạo trong lĩnh vực này ! Ngoài ra, trong số người sử dụng bằng cấp giả lan tràn ở trong nước thì đa số cũng thuộc về cán bộ, đảng viên ! Thế mà ông Phiêu dám tuyên bố một cách trơ trẽn gần đây (tháng 5-2000) rằng "đảng ta là đạo đức" (*Tạp chí cộng sản*, số 11, tháng 6-2000, tr. 10) ! (Xin miễn bình luận !)

2- Để có thể đóng "vai trò lãnh đạo" còn một yếu tố cần thiết nữa là chủ trương,

đường lối của ĐCSVN phải đúng đắn, ít nhất nửa không phạm phải sai lầm nghiêm trọng. Nhưng trong thực tế, như ông Trần Độ đã nhận xét : "ĐCSVN đã phạm những khuyết điểm và sai lầm [...] mang tai họa cho toàn dân tộc, tàn phá số phận của hàng vạn gia đình và hàng triệu con người" (*Diễn đàn*, tháng 7-2000, tr. 13). Có những sự việc mà ĐCSVN gọi là "sai lầm" nhưng vì mức độ trầm trọng của nó, quy mô rộng lớn, và thời gian kéo dài của nó, như "sai lầm của cải cách ruộng đất" ở miền Bắc trong những năm 50 chẳng hạn, thì không thể gọi là "sai lầm" được mà phải gọi là "tội ác" mới đúng (Vô Nhân Trí, *Vietnam's Economic Policy Since 1975*, sdd, tr. 3). Còn có những sai lầm mà ĐCS vẫn lơ đi, không công khai tuyên bố là sai lầm.

f) Về mặt chính trị, ông Trần Độ (*Diễn đàn*, tháng 7-2000, tr. 13) và một số nhà lý khai khác đã kê khai ra một số sai lầm rồi tuy chưa đủ; nhưng chúng tôi không muốn bàn thêm về vấn đề này ở đây. Về mặt kinh tế thì sai lầm về "cải tạo XHCN" đối với giai cấp tư sản, hợp tác hóa nông nghiệp, xóa bỏ kinh tế nhiều thành phần, xây dựng công nghiệp nặng, thì ĐCSVN cũng đã thừa nhận một phần rồi (Nguyễn Đức Bình, *Tạp chí cộng sản*, số 4, tháng 2-2000, tr. 17). Riêng về chúng tôi, chúng tôi chỉ muốn đặt một câu hỏi đơn giản như sau : tại sao ĐCS vẫn rêu rao đường lối "đổi mới" kinh tế là đúng đắn mà sau 25 năm thống nhất đất nước, với tài nguyên thiên nhiên khá phong phú, nhân dân lao động cần cù mà kinh tế Việt Nam XHCN vẫn là một trong mười nước nghèo nhất thế giới, với GNP (gọi tắt tiếng Anh của "tổng sản phẩm quốc gia") đầu người là 320 Mỹ kim hiện nay trong lúc đó thì GNP đầu người của Thái Lan là 1.949 Mỹ kim, Malaixia là 3.248 Mỹ kim, Xingapo là 22.710 Mỹ kim (*Asia Week*, 23-06-2000, tr.57). Và tại sao thu nhập đầu người của Việt Nam chỉ đứng vào hạng thứ 180 trên tổng số 210 quốc gia trên thế giới theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 1999 (*The World Bank, World Development Report 1999-2000 : Entering the 21st Century*, 9-1999, Washington DC), trong khi đó thì một số quốc gia, khởi đầu là chậm tiến như nước ta, nhưng trong vòng 20-25 năm hoặc ngắn hơn đã thành công trong việc phát triển kinh tế nhờ chọn chiến lược tự do kinh tế và áp dụng kỹ thuật quản lý tương xứng như Đài Loan, Xingapo, Nam Triều Tiên, Mã Lai, Thổ Nhĩ Kỳ, Mexico, v.v ?

Tap chí Kinh tế Viễn Đông đã nhận xét rằng chính phủ Việt Nam đã chiến thắng trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, nhưng đã thất bại trong việc xây dựng kinh tế trong hòa bình (*Far Eastern Economic Review*, 4-5-2000, tr. 8). Tuy vậy, ĐCSVN vẫn tiếp tục dùng gần 80 triệu dân làm vật thí nghiệm theo đường lối kinh tế của Trung Quốc mà không có gì bảo đảm là nó thành công cả. Đó là một tội lỗi rất lớn của ĐCSVN trước tòa án lịch sử ! Thánh Augustin đã từng nói : "Lỗi lầm là bản chất của con người. Ngoan cố là lỗi lầm của quý sử" !

g) Hệ quả tất yếu của độc đảng - ở Việt Nam cũng như ở các nước cộng sản khác - là sự thiết lập chuyên chính vô sản (CCVS) để duy trì cái gọi là "ổn định". Vì trong Hiến pháp 1992 ĐCSVN không còn dùng biệt ngữ CCVS nữa cho nên nhiều người cho rằng ở Việt Nam không còn CCVS nữa. Chúng tôi đã bác bỏ luận điệu đó từ lâu rồi (Vô Nhân Trí, *Thế kỷ 21*, tháng 8-1992, tr. 6-8). Gần đây, ông Nguyễn Duy Quý, ủy viên trung ương đảng và giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân dân Quốc gia (Hà Nội) đã nhắc lại rằng : "Thế chế nhà nước [...] đã được tạo dựng từ tháng 8-1945 [...] nay chuyển sang thực hiện chức năng của chuyên chính vô sản, là cơ quan quyền lực thực hiện chế độ làm chủ của nhân dân lao động. Đó là thế chế nhà nước [...] của dân, do dân và vì dân" (*Tap chí cộng sản*, tháng 4-2000, tr. 7).

Trong thực tế, nhà nước này là của đảng, do đảng (nặng ra) và vì đảng (công cụ của đảng để cai trị dân) mà thôi. Điều chú ý ở đây là ông Quý cho ta thấy rõ CCVS được đổi mới thành "nhà nước của dân, do dân và vì dân" và trong tài liệu chính thức của ĐCSVN nó còn là đồng nghĩa với cụm từ "dân chủ XHCN" nữa. Trong thực tế, ai cũng biết CCVS là chuyên chính của đảng mà thôi (ở Việt Nam cũng như ở các nước cộng sản khác); nói chính xác hơn, CCVS về thực chất chỉ là chuyên chính của tập đoàn lãnh đạo của đảng mà thôi.

Nên nhớ rằng khi đảng và người cộng sản nói tới dân chủ (như "mở rộng dân chủ, phát huy dân chủ", v.v) thì chúng ta phải hiểu rằng đó là khái niệm "dân chủ XHCN" mà họ thường đối lập với khái niệm "dân chủ tư sản" và họ còn phê phán "dân chủ tư sản" là loại dân chủ mà ở đó người ta "đòi thực hiện nhân quyền và dân chủ kiểu tư sản, đòi phi chính trị hóa bộ máy nhà nước, đòi đa nguyên, đa đảng

nhằm tước bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng" (ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Lần thứ tám*, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 75), và đối với ĐCSVN điều đó là điều tối kỵ !

Cùng cần nhắc lại là mục đích cơ bản của đổi mới chính trị từ 1986 đến nay chỉ là xây dựng nền "dân chủ XHCN" mà thôi. Báo cáo của đại hội đảng lần thứ 8 đã ghi rõ : "Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa" (ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Lần thứ tám*, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 44 và 71). Gần đây, thông báo của hội nghị trung ương lần thứ 9 (tháng 4-2000) cũng nhắc lại là phải "tiếp tục sự nghiệp đổi mới [...] mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa" (*Tap chí cộng sản*, số 9, tháng 5-2000, tr. 3).

h) ĐCSVN thường hay nhấn mạnh là phải "tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng đối với nhà nước" (ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Lần thứ tám*, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 45 và 149). Về sự lãnh đạo đó, ông Trần Độ viết như sau : "Một đảng độc tôn, độc quyền, chuyên chế để ra một nhà nước kèng càng, quan liêu, năng lực kém. Đảng ra sức [...] nhào nặn cái nhà nước này trong tay (kể cả quốc hội và chính phủ)" (*Điện đàm*, tháng 7-2000, tr. 12). Theo chúng tôi thì phải thêm : kể cả tòa án tối cao nữa. Nói một cách khác, trước cũng như sau "đổi mới", ĐCSVN vẫn nhào nặn một cách tùy tiện cả lập pháp, hành pháp và tư pháp. Bởi vì đối với đảng không có phân lập giữa ba ngành này mà chỉ "có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp mà thôi" (ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Lần thứ tám*, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 45) ; và tất cả ba ngành phải hoạt động dưới sự lãnh đạo thống nhất của đảng. Và cái "hệ thống chính trị không dân chủ này" theo ông Trần Độ "không có một cơ chế hãm nào, không có sự giám sát nào của nhân dân vì quyền tự do ngôn luận bị hạn chế khắc nghiệt, nên lạm quyền dẫn đến lạm quyền là tất yếu" (*Điện đàm*, tháng 7-2000, tr. 12). Còn về phần "nhà nước XHCN" thì dù nó "tự xưng là của nhân dân, nhưng sự thực bộ máy nhà nước ít khi tôn trọng ý kiến của dân, nó thường tách khỏi nhân dân và coi nhân dân là đối tượng cai trị của mình... [chúng tôi nhấn mạnh]. Dân chẳng có quyền mà cũng

chẳng có phương tiện gì để thực hiện quyền của mình" (*Điện đàm*, tháng 7-2000, tr. 15). Dân chỉ có quyền tuân lệnh của đảng, nhà nước và quyền ủng hộ hoặc ca ngợi đường lối "sáng suốt, tài tình" của Đảng mà thôi ! mà ai dám cả gan đòi dân chủ, đa nguyên, đòi các quyền tự do dân chủ và nhân quyền thì hãy coi chừng !

Việt Nam bị ủy hội nhân quyền của Liên Hiệp Quốc lên án hồi tháng 4-2000 tại Genève là một trong 9 nước vi phạm một cách có hệ thống nhân quyền (Trần Thanh Hiệp, *Thông Luận*, 5-2000, tr.20-22). Hồi cuối năm 1998, ông Abdelfattah Amor, trong một báo cáo đặc biệt, đã nêu lên vấn đề vi phạm này rồi (Commission des droits de l'homme, 55ème session, *Droits civils et politiques notamment : intolérance religieuse*, ONU, Commission économique et sociale, Distribution générale E/CN4/1999/58/AD 2, 29-12-1999). Ở đây, chúng tôi chỉ muốn bình luận về lý luận nhân quyền của ông Lê Khả Phiêu - mà báo chí Pháp gọi là "Pinochet" của Việt Nam (*Le Nouvel Observateur*, Pháp, 1 au 7-6-2000). Trong bài diễn văn bế mạc hội nghị trung ương lần thứ 7 (tháng 8-99) ông Phiêu tuyên bố như sau : "Mọi luận điệu tuyên truyền về [...] nhân quyền cao hơn chủ quyền, đa nguyên đa đảng [...] v.v. đều là đối trá, lừa bịp".

Để thấy rõ ai đối trá, lừa bịp nhân dân, chúng ta hãy nhắc lại hai sự kiện sau đây :

1- Trong hiến pháp 1992 của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có điều 50 ghi rõ các nhân quyền phải được tôn trọng; và điều 69 nói rõ là công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do thành lập các hiệp hội, tự do biểu tình; và điều 70 thì khẳng định công dân có quyền tự do tín ngưỡng, v.v. (République socialiste du Vietnam, *Constitution de 1992*, ELE, Hanoi, 1992).

2- Từ năm 1982, Việt Nam đã ký vào Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (1996) thì lẽ dĩ nhiên Việt Nam phải có bản phận thi hành công ước đó một cách chu đáo, và Việt Nam không thể viện bất cứ một lý do nào (như tính đặc thù, hoàn cảnh Việt Nam, hoặc lấy cớ xâm phạm chủ quyền, v.v.) để trốn tránh nghĩa vụ của mình. Đó là chưa nói đến khi gia nhập LHQ (1977), Việt Nam đã làm thủ tục cam kết tôn trọng hiến chương của LHQ để được đại hội đồng LHQ thụ nhận làm hội viên và do đó Việt Nam phải tôn trọng Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân

Quyền, một nghị quyết của LHQ.

Về vấn đề Việt Nam thường hay dựa vào chủ quyền để biện minh cho các vi phạm nhân quyền thì xin nhắc lại lời tuyên bố của ông Boutros-Ghali (lúc đó là Tổng thư ký của LHQ) trước Hội nghị nhân quyền ở Wien (năm 1993): "*Vấn đề hành động quốc tế cần phải đặt ra khi các quốc gia vi phạm những nguyên tắc cơ bản (về các quyền con người - VNT) đã được ghi trong Hiến chương LHQ*" (Nguyễn Thanh Giang, *Thông Luận*, tháng 11-1999, tr. 22-23).

Dựa trên hai tài liệu nói trên, chúng ta có quyền đặt câu hỏi: "Ai dối trá, lừa bịp nhân dân trong vấn đề này?" Câu trả lời chỉ có thể là: "Chính ông Phiêu (và tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN) là kẻ đại dối trá, đại lừa bịp nhân dân chứ không phải là các người đấu tranh đòi nhân quyền, bởi vì các ông cộng sản đều nói một đàng làm một nẻo (như thường lệ!)"

i) Về quan hệ biện chứng giữa phát triển và dân chủ, giữa kinh tế và chính trị

Nhìn chung, trong gần 14 năm qua chúng ta thấy về mặt kinh tế có cỗi trội một phần tuy là nửa vời mà thôi; nhưng về mặt chính trị thì cơ bản ta thấy hệ thống chính trị (đảng và nhà nước) vẫn bị đông lạnh. Vì thế cho nên sau một số năm tăng trưởng kinh tế khá nhanh, tốc độ tăng trưởng giảm dần, và mức thấp nhất là năm 1999. Đó là vì từ năm 1997, công cuộc đổi mới kinh tế, vốn đã nửa vời rồi lại dậm chân tại chỗ vì nó chạm phải một chướng ngại vật có tính cách chính trị - tư tưởng của ĐCSVN; do đó, kinh tế bị khựng lại. Đây là một hiện tượng minh họa rõ ràng quan hệ biện chứng giữa chính trị và kinh tế: chính trị kìm hãm kinh tế. Do đó, cần có một "đợt phá khẩu" về mặt chính trị để khai thông trở lại con đường phát triển kinh tế và giúp nó tiến xa hơn nữa.

Một số ký giả nước ngoài am hiểu tình hình Việt Nam cũng có nhận xét tương tự (Jeremy Grant, *Financial Times*, London, 17-04-1998 và Nayan Chanda, *Far Eastern Economic Review*, 4-5-2000).

Về lý thuyết thì có nhiều tài liệu nghiên cứu về sự quan hệ gắn bó giữa tiến bộ kinh tế và tiến bộ dân chủ. Năm 1992, nhà kinh tế học John F. Helliwell cho rằng tự do dân chủ và nhân quyền là điều kiện cần thiết để nâng cao mức sống người dân, đưa đất nước tiến lên phồn vinh. Về dài hạn, tự do dân chủ nâng cao văn hóa, giáo dục, đầu tư, và do đó gián tiếp giúp kinh tế phát triển (John F. Helliwell,

Empirical Linkages Between Democracy and Economic Growth, Working Paper no. 4066, National Bureau of Research, Cambridge, 1992).

Năm 1994, có ba nhà kinh tế học viết một bài dài trong tuần báo *The Economist* tựa đề là "*Dân chủ và tăng trưởng*", và họ đã kết luận rằng: "*Nền dân chủ củng cố tự do kinh tế, và do đó trở thành nền tảng của sự tăng trưởng*" (*The Economist*, 27-8 đến 2-9-1994).

Gần đây nhất, giáo sư Amartya Sen, giải thưởng Nobel kinh tế năm 1998, cũng nhấn mạnh rằng: "*Có những nhà bác học đưa ra nhiều bằng chứng cho thấy rằng quyền công dân và các quyền chính trị khác [như quyền tự do dân chủ] có tác động tích cực với sự phát triển kinh tế*" (Amartya Sen, *Le Monde*, Paris, 28-10-1998). Và tại Tokyo hồi tháng 2-1999, ông này còn đưa ra ba lý do để chứng minh rằng "*để phát triển kinh tế, dân chủ đóng vai trò quan trọng*" (Amartya Sen, trích theo *Thông Luận*, tháng 4-1999, tr. 27).

Nhiều nhà lãnh đạo trên thế giới như cố Tổng thống François Mitterand và ông tổng thống Nam Hàn Kim Đại Trung cũng có một quan điểm tương tự như vậy (trích theo *Thế kỷ 21*, tháng 4-1998, tr. 51).

Tuyên ngôn về Quyền được Phát triển (*Declaration on the Right to Development*) do đại hội đồng LHQ biểu quyết (4-12-1986) đã long trọng xác nhận một trong ba nguyên tắc thiết yếu là: việc không tôn trọng quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa là ngăn trở sự phát triển.

Trong năm nay, trong báo cáo hàng năm của UNDP, người ta cũng nhận thấy rằng nhân quyền là điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế, và quốc gia nào muốn có tăng trưởng bền vững phải tôn trọng nhân quyền và dân chủ (báo cáo của chương trình phát triển của LHQ, trích theo đài phát thanh RFI, 29-6-2000).

Bên phía các nước cộng sản có một nhà kinh tế học nổi tiếng (gốc Hungari) tên là Janos Kornai, và trong một quyển sách tổng kết kinh nghiệm xây dựng CNXH trên thế giới, ông cho rằng kinh nghiệm của các nước Đông Âu chứng tỏ cải cách chính trị (*politics*), chánh quyền (*power*), và tư tưởng (*ideology*) là điều kiện quyết định để mở đường cho các thay đổi cơ bản trong các lĩnh vực khác như kinh tế, xã hội, văn hóa, v.v. (Janos Kornai, *The Socialist System - The Political Economy of Communism*, Princeton University Press, New Jersey, 1992, tr.568) (chúng tôi nhấn mạnh - VNT).

Kinh nghiệm của các nước Đông Âu và Trung Âu cho thấy rằng những nước nào kiên quyết thay đổi một cách dứt khoát hệ thống chính trị cũ bằng một hệ thống chính trị mới như Ba Lan, Hungari, Cộng hòa Tiệp từ lúc khởi đầu đều thành công cả về mặt phát triển kinh tế lẫn tiến bộ dân chủ về mặt chính trị. Trái lại, các nước nào chỉ cải cách nửa vời về mặt chính trị và kinh tế thì không thành công cả về hai mặt. (Tập chí *Le Courier des pays de l'est*, 3 et 4-1998, La Documentation française, Paris 2000) [3].

Tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN có lẽ nên đi qua Warszawa, Budapest hay Praha để tham khảo kinh nghiệm của các bạn cũ ấy hơn là đi qua Bắc Kinh để học tập kinh nghiệm của Trung Quốc. Từ khi ông Lê Khả Phiêu lên làm tổng bí thư thì người ta thấy nhiều phái đoàn của ĐCSVN, chính phủ và các tổ chức xã hội liên tiếp đi qua Bắc Kinh để học tập kinh nghiệm xây dựng CNXH theo kiểu Đặng Tiểu Bình (Lê Khả Phiêu đã từng tuyên bố "*muốn học tập kinh nghiệm quý báu của việc xây dựng CNXH theo kiểu Trung Quốc*", *Vietnam Investment Review*, 7-3-1999). Việt Nam cũng mời các nhà học giả Trung Quốc qua Hà Nội để thuyết trình cho cán bộ nghe về kinh nghiệm của họ, và dịch nhiều sách của Trung Quốc bản về CNXH theo kiểu Trung Quốc. Theo chúng tôi nghĩ thì thay vì đi qua Bắc Kinh, các phái đoàn của Việt Nam nên đi qua Đài Bắc để học tập kinh nghiệm phát triển kinh tế thị trường theo tư bản chủ nghĩa thì tốt hơn!

Về tình hình Việt Nam, ông Trần Độ cũng đã nói nhiều lần là nếu không có cải cách chính trị, một cách mạnh mẽ thì cải cách kinh tế bị bế tắc, và ông này cũng nhấn mạnh là tự do dân chủ phải đi đôi với phát triển (*Thế kỷ 21*, tháng 3-1998, tr. 3-1998, tr. 9 và 26, *Thông Luận* tháng 4-2000, tr. 14).

Trong 14 năm qua do việc "đổi mới" kinh tế và chính sách được tiến hành với hai vận tốc khác nhau cho nên hố cách biệt giữa kinh tế và chính trị trở nên quá lớn. Các quyền tự do dân chủ cơ bản của nhân dân bị hạn chế hoặc/và bị vi phạm có hệ thống khiến kinh tế bị bế tắc và nước Việt Nam ngày càng bị tụt hậu so với các nước láng giềng. Do đó, chúng tôi thấy cần phải có một "đợt phá khẩu" về mặt chính trị nhằm dân chủ hóa đất nước (dân chủ đích thực, tức là phi XHCN). Và đó là điều kiện quyết định trong giai đoạn hiện nay để kinh tế nước nhà có thể vươn lên một cách bền vững và để có điều kiện thuận lợi hội

nhập vào tiến trình toàn cầu hóa, nhất là sau khi đã ký Thỏa ước Thương mại Mỹ-Việt. Nói một cách khác, cần đổi mới chính sách "đổi mới" nữa với hiện nay, một cuộc đổi mới thứ hai mạnh dạn hơn, kiên quyết hơn; và thực hiện với hai vận tốc, nhưng ngược lại trước đây: tức là tiến hành cải cách chính trị với tốc độ nhanh hơn và một cách cơ bản hơn cải cách kinh tế để bù đắp lại sự thiếu quân bình trong vòng 14 năm qua.

Theo thiên ý, những người dân chủ ở trong và ngoài nước cần đấu tranh cho những mục tiêu sau đây:

1- Những quyền tự do dân chủ cơ bản (chủ yếu hiện nay là đấu tranh cho tự do ngôn luận, báo chí và xuất bản, tự do thông tin, tự do tín ngưỡng...v.v) và nhân quyền như đã ghi trong Hiến pháp 1992 phải được thực hiện trong thực tế.

Chúng ta phải ý thức rằng đòi thực hiện các quyền tự do dân chủ và nhân quyền và đa đảng là đánh vào điểm yếu nhất của chế độ cộng sản (vì chế độ độc tài nào cũng coi dân chủ là kẻ thù không đội trời chung của mình cả). Do đó, chúng ta phải chờ đợi một sự phản kháng mãnh liệt của tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN (xem phần ứng vừa qua của ông Lê Khả Phiêu chẳng hạn). Vì vậy, phía chúng ta phải hết sức kiên trì trong việc gây áp lực tối đa và liên tục, cả trong lẫn ngoài nước để buộc ĐCSVN một ngày kia phải chấp nhận chuyển biến từ chuyên chính sang dân chủ. Chúng ta vẫn ý thức được rằng họ chỉ chấp nhận điều này khi tương quan lực lượng giữa họ với ta thay đổi một cách bất lợi cho họ mà thôi. Sẽ là một ảo tưởng nguy hiểm nếu ta trông chờ vào sự "biết điều" của họ! Điều cần nhắc lại ở đây là song song với yêu sách đòi dân chủ và nhân quyền, chúng ta ủng hộ tất cả những yêu sách khác của nhân dân (ví dụ: đòi cải thiện đời sống nhân dân, chủ yếu là nông dân, chống tham nhũng và buôn lậu, chống lại ức hiếp dân, cửa quyền, v.v.) nhưng đồng thời phải gắn liền các yêu sách đó với tự do dân chủ và nhân quyền, và trong quá trình đấu tranh đó tìm cách nâng cao dần trình độ giác ngộ chính trị của nhân dân.

2- Tách rời hoàn toàn đảng với nhà nước, cả về mặt chính trị (tức là phi chính trị hóa công an, quân đội, tòa án, cơ quan công quyền, v.v.) lẫn về mặt kinh tế và tài chính (ngăn cấm dùng ngân sách nhà nước để trả lương và cung cấp chi phí cho các tổ chức của đảng và các đoàn thể xã

hội - vệ tinh của đảng nữa).

3- Dân chủ đa đảng (số lượng chính đảng tùy thuộc vào thể thức bầu cử, nhưng cái quan trọng là ngoài ĐCSVN ra - mà chúng tôi không bác bỏ, theo "luật chơi" của dân chủ - phải có đảng đối lập. Nói một cách khác, sẽ có thay đổi điều 4 của hiến pháp 1992, và chủ nghĩa Mác-Lê sẽ không còn thống trị trên toàn xã hội nữa).

4- Bỏ nguyên tắc "tập trung dân chủ" như đã áp dụng từ bấy lâu nay. Tuy nhiên, mọi nghị quyết đều phải được biểu quyết theo đa số, nhưng thiểu số phải được tôn trọng vì thiểu số hôm nay có thể trở thành đa số ngày mai (theo nguyên tắc luân phiên).

5- Phân lập rõ ràng giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp.

6- Tạo điều kiện cho sự nảy nở một xã hội dân sự.

7- Bầu cử thật sự tự do (để đi đến một chế độ đại nghị sau này)

(Xin chú ý rằng đây không phải là một danh sách ưu tiên phải làm cái trước cái sau, mà là tùy theo diễn biến của thời cuộc, chúng ta đưa ra yêu sách này hoặc/ và yêu sách nọ trong một giai đoạn nhất định).

Nếu về mặt kinh tế chúng ta gây sức ép để đảng và nhà nước cộng sản thực hiện những đề nghị đã nêu trên (phần I) và về mặt chính trị những yêu sách vừa nói trên thì tới một mức độ nào đó chúng ta sẽ thấy lượng sẽ biến đổi dần thành chất, tức là sẽ xảy ra cái mà các nhà triết học của phép biện chứng (*dialectics*) gọi là một sự thay đổi về chất (*qualitative change*), có nghĩa là hệ thống chính trị, kinh tế hoàn toàn phi XHCN (hoặc phi cộng sản) thay đổi một cách hòa bình (trừ khi nào ĐCSVN chủ động dùng bạo lực để chống lại đa số nhân dân). Chúng tôi biết rằng ông Lê Khả Phiêu đã từng tuyên bố là ĐCSVN đổi mới nhưng quyết không đổi màu, tức là ĐCSVN sẽ không bao giờ "*đi chệch con đường tiến lên CNXH*" (*Tạp chí cộng sản*, tháng 2- 2000, tr. 5). Nhưng khi xảy ra sự thay đổi về chất như đã phân tích ở trên, thì dù muốn dù không, ông Phiêu (hoặc ông lãnh đạo nào khác) cũng không thể chống đỡ được, tức là phải "đổi màu", vì tương quan lực lượng đã ngã hẳn về phía dân chủ rồi (như chuyện xảy ra ở Đông Đức khi bức tường Bá Linh sụp đổ).

Sự chuyển tiếp này, ĐCSVN, bắt chước theo Trung Quốc, gọi là "*âm mưu diễn tiến hòa bình*". Đúng là có diễn tiến hòa bình từ một "chế độ toàn trị vào loại tệ hại nhất" (theo báo *L'Express*, Pháp, 20-04-

2000) sang một chế độ dân chủ thật sự, nhưng không thể gọi đó là "âm mưu" được. Bởi vì để thực hiện mục tiêu vừa nói đó, chúng tôi phải công khai kêu gọi thành lập một liên minh (hoạt mặt trận) dân chủ hết sức rộng rãi bao gồm tất cả các thành phần đấu tranh cho dân chủ đích thực, ở trong và ở ngoài nước, bất kể xu hướng chính trị trước đây, kể cả những người cộng sản ly khai, những cán bộ, đảng viên hiện đang công tác trong bộ máy đảng và nhà nước cộng sản đã giác ngộ. Năm 1995, trong một cuộc hội thảo ở Canberra (Úc) chúng tôi đã đề nghị ý kiến này rồi (Vô Nhân Trí, tham luận ở hội thảo về *Hậu quả 50 năm cầm quyền của tập đoàn cộng sản Hồ Chí Minh*, Sydney, 20-8-1995, *Tạp hợp Đồng tâm* ấn hành, tr. 53). Gần đây, nhóm Thông Luận ở Paris có đưa ra một *Tạp hợp Dân chủ Đa nguyên (Thông Luận)*, tháng 1-2000, tr. 3-4) và chúng tôi tán thành ngay.

Về chiến thuật để thực hiện liên minh hoặc mặt trận dân chủ nói trên, chúng tôi thiết tưởng nên học tập kinh nghiệm (thành công) của cộng sản, tức là:

a- Chỉ chia mũi nhọn vào một kẻ thù duy nhất chủ yếu trong giai đoạn hiện nay mà thôi (và lẽ dĩ nhiên, kẻ thù đó không ai khác hơn là ĐCSVN từ trung ương tới địa phương) và chỉ có họ mà thôi (không nên quơ đũa cả nắm!)

b- Một mặt thì đoàn kết và tập hợp tất cả ai có thể tập hợp được trên cơ sở một số điểm đã được thỏa thuận (nhưng không bắt buộc họ phải chấp nhận tất cả quan điểm của chúng ta, trước đây và sau này), mặt khác phải đấu tranh để chia rẽ hàng ngũ địch trên các lĩnh vực khác nhau (phương tiện thông tin đại chúng, internet, v.v.).

Để gây áp lực tối đa, chúng ta cần phải áp dụng chiến lược "bốn mũi giáp công" (hai trong hai ngoài).

1) Ở trong nước:

a- Chia rẽ nội bộ đảng và nhà nước cộng sản: ủng hộ những người ly khai, đối lập công khai hoặc tiềm tàng (cả về mặt tinh thần lẫn vật chất) để có nhiều Trần Độ, Hoàng Minh Chính, v.v. hơn nữa.

b- Ủng hộ và khuyến khích sự bất mãn của nông dân, trí thức, thanh niên và sinh viên, quần chúng, nói chung khi họ thấy Đảng nói một đằng làm một nẻo.

Hai mũi tấn công ở trong nước này là chủ lực có ý nghĩa quyết định, vì họ phải

TUẦN TỨC... THỜI SỰ...

đương đầu hằng ngày với bộ máy đàn áp ở trong nước và họ đang và sẽ là những người làm ra lịch sử.

1) Ở ngoài nước :

c- Ủng hộ các áp lực của các tổ chức tài chính quốc tế khi họ đặt điều kiện cần thiết để viện trợ ; yêu cầu họ không quên vấn đề dân quyền và nhân quyền khi thương thuyết buôn bán và viện trợ nhà nước Việt Nam.

d- Việt kiều phải nhiệt liệt yểm trợ các cuộc đấu tranh ở trong nước, cả vật chất lẫn tinh thần. Và điều kiện để làm việc này có hiệu quả là dù có nhiều đoàn thể khác nhau nhưng phải thống nhất hành động đấu tranh nhằm một số mục tiêu nhất định. Ngoài ra Việt kiều cần vận động các tổ chức quốc tế (như Amnesty International, v.v.) , báo chí, công luận ở nước mình đang cư trú ; vận động các chính phủ ở các nước mà chúng ta đang cư trú để khi tiếp xúc với Việt Nam, họ không quên dùng áp lực của họ để yêu cầu thực hiện tự do dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam.

Trong quá trình đấu tranh này, chúng ta cần hết sức kiên trì, nhưng cuối cùng chúng ta sẽ giành được thắng lợi vì ban lãnh đạo ĐCSVN không thể nào đi ngược mãi xu hướng không thể đảo ngược của khai niệm dân chủ trong thời đại này được (Jacques Attali, *Dictionnaire du 21ème siècle*, éd. Fayard, Paris, 1998, tr. 92) !

Võ Nhân Trí

Đọc thêm

- [1] *The Economist*, từ 8 đến 14-2000
Asia Week, 21-4-2000 và 24-4-2000
La Croix, 22-4-2000
Radio France International 21-4-2000
Arte 27-4-2000
- [2] *Diễn đàn*, tháng 5-1999, tr. 16
Dân chủ phát triển, tháng 5-1998, tr. 26, tháng 10-1998, tr. 10, 13, 38
Thế kỷ 21, tháng 3-1998, tr. 23-24, 27
- [3] *L'Europe centrale et orientale, dix ans de transformation, 1989-1999*, dưới sự chỉ đạo của Edith Lhomel, Etudes de la Documentation française, Paris, 2000
Le Post-communisme, F. Bafoil, éd. La Découverte, Paris, 2000
Europe de l'est, la transition économique, J. Sgard, éd. Flammarion, Paris, 2000
Thế kỷ 21, tháng 10-1998, tr. 25-26
Tạp chí cộng sản, tháng 8-1999, tr. 60-63

Khủng hoảng chính trị ở Đài Loan

Sau khi nhậm chức tổng thống Đài Loan ngày 20-5, ông Trần Thủy Biển bổ nhiệm tướng Đường Phi (Tang Fei), cựu bộ trưởng quốc phòng thuộc Quốc dân Đảng (QDD), làm viện trưởng viện hành pháp (thủ tướng). Chính phủ của ông gồm có 42 người trong đó có 14 người thuộc QDD. Dù không phải là một chính phủ liên hiệp, nhưng việc bổ nhiệm tướng Đường Phi là một mặt để trấn an Bắc Kinh vì ông tướng này không có xu hướng độc lập. Mặt khác là có thể kéo một số đại biểu QDD ở viện lập pháp ủng hộ chính phủ vì đảng của tổng thống Trần Thủy Biển là Dân Tiến Đảng (DTD) không có đa số ghế ở viện lập pháp (quốc hội). Sau 4 tháng cầm quyền, tướng Đường Phi xin từ chức ngày 3-10 và được phó thủ tướng Trương Tuấn Hùng (Zhang Jun Xiong hay Chang Chun Hsiung), người thuộc DTD và có xu hướng độc lập lên thay. Lý do chính thức từ chức được ông Đường Phi đưa ra là vấn đề sức khỏe của ông nhưng thực tế là một khủng hoảng chính trị.

Trước hết, ông Đường Phi không đồng ý với ông Trần Thủy Biển và DTD về việc ngừng chỉ xây cất nhà máy điện hạt nhân thứ tư mà chính phủ QDD trước đây cho xây cất và sắp hoàn thành. Ông Trần, dưới áp lực của một nhóm môi trường, đã hứa sẽ ngừng chỉ xây cất trong cương lĩnh chính trị lúc ra tranh cử tổng thống. Hai bộ trưởng kinh tế và tài chính ra mặt chống đối thủ tướng chính phủ trong khi đa số đại biểu DTD ở viện lập pháp hăm dọa sẽ không bỏ phiếu chấp thuận ngân sách. Cựu chủ tịch ông Thi Minh Đức và đương nhiệm chủ tịch DTD, ông Tạ Trương Đình cũng đã kích chính phủ. Việc ngừng chỉ xây cất nhà máy điện hạt nhân không những làm tổn hại đến 2,7 tỷ USD mà còn làm một số kỹ nghệ gia lo ngại vì sợ sẽ thiếu điện để sản xuất trong tương lai dù chính phủ mới đã hứa sẽ xây cất một nhà máy điện khác bằng nhiên liệu thiên nhiên.

Nhưng nguyên nhân sâu xa là vấn đề quan hệ với Bắc Kinh vẫn còn bị bế tắc mặc dù Đài Bắc đã tỏ ra nhiều thiện chí. Đài Bắc vừa cho phép người dân và hàng hóa của hai đảo Kim Môn và Mã

Tổ nằm bên cạnh tỉnh Hạ Môn có thể tiếp xúc trực tiếp mà không cần phải đi qua Hương Cảng như trước đây. Đài Bắc còn mở rộng cơ ta cho dân lục địa sang thăm du lịch và trong tương lai có thể cho phép định cư những người muốn sang Đài Loan tìm công ăn việc làm (Đài Bắc đang thiếu người). Đầu tư của Đài Loan ở lục địa trong tám tháng đầu năm nay đã tăng 146% so với chu kỳ năm trước và Đài Bắc không chống đối có đại diện mặt đích chính thức của Bắc Kinh ở đảo.

Về phương diện chính trị, ông Trần và tân thủ tướng kêu gọi Bắc Kinh tiếp tục đối thoại. Bộ trưởng quốc phòng Đài Loan, ông Ngũ Thế Văn tuyên bố sẵn sàng tiếp đón các tướng lãnh của Bắc Kinh như gương mẫu của Nam Bắc Triều Tiên. Người đặc trách vấn đề lục địa, bà Thái Anh Văn nhiều lần thỉnh mời ông Uông Đạo Hàm, chủ tịch Hiệp hội Bang giao giữa Hai Bờ Eo biển của Bắc Kinh, sang viếng thăm Đài Bắc nhưng ông này vẫn im hơi bất tiếng mặc dù bà Thái đã tuyên bố thuyết "lường quốc" của ông Lý Đăng Huy không còn có hiệu lực nữa. Bắc Kinh vẫn khư khư đòi Đài Bắc phải chấp nhận tiền đề "một nước Trung hoa duy nhất" rồi mới thương lượng sau. Trong khi đó, Bắc Kinh mời các lãnh tụ đối lập Tân Đảng, Thân Dân đảng, Quốc dân Đảng sang lục địa và đã có một số người đáp ứng. Ở Đài Bắc, tiểu tổ đặc trách quan hệ với lục địa do ông Lý Viễn Triết, giải thưởng Nobel về Hóa học, đứng đầu vẫn chờ đợi đối lập gửi đại diện để hoạt động. Tình trạng trở nên báo động đến nỗi ông Lý Quang Diệu, người "hiền" của Á châu đã tỏ ra bi quan sau chuyến đi của ông ở Đài Bắc vào trung tuần tháng 9 trong khi thị trường chứng khoán Đài Loan đã giảm đi 30% từ ngày ông Trần lên cầm quyền. Việc từ chức của ông Đường Phi nằm trong bối cảnh nói trên. Chính phủ mới chỉ có một vài người thay đổi đặc biệt là ông Lai Anh Chiếu (Lai In Jaw) thay ông Trương Tuấn Hùng ở chức vụ phó thủ tướng và ông Nhan Khánh Chương (Yen Ching Chang) thay ông Hứa Gia Đống làm bộ trưởng tài chính.

Nhân vật số hai bắc Triều Tiên được

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

mời ở toà Bạch Cung

Phó nguyên soái Triệu Minh Lục (Jo Myong Rock), nhân vật số 2 của chế độ Bắc Triều Tiên sang Hoa Kỳ ngày 10-10 được tổng thống Clinton tiếp đón ở toà Bạch Cung với tư cách đặc sứ của Kim Chính Nhật. Ông này còn được ngoại trưởng Madeleine Albright và tổng trưởng quốc phòng Mỹ William Cohen tiếp đón. Họ Triệu, năm nay 68 tuổi, chính thức là nhân vật số ba sau thủ lãnh Kim Chính Nhật và ông Kim Vinh Nam, chủ tịch quốc hội kiêm chủ tịch nước. Nhưng thực tế họ Triệu là nhân vật số hai vì ông là đệ nhất phó chủ tịch ủy ban quốc phòng trong một chế độ mà quân đội có hơn một triệu người. Đây là lần đầu tiên một nhân vật quan trọng của Bắc Triều Tiên đặt chân lên đất Mỹ sau chiến tranh Triều Tiên 1950-1953. Trước đó, bà Albright có gặp ông Bạch Nam Thuận, ngoại trưởng của xứ này ở Băng Cốc trong tháng 7 nhân dịp hội nghị của tổ chức Diễn đàn Khu vực Á châu (ARF). Hoa Kỳ vẫn xem Bắc Triều Tiên của Kim Chính Nhật là một xứ khủng bố cùng một số nước khác như I Răng, I Rắc, Li Bi và gần đây chỉ bỏ một phần cấm vận. Để tỏ ra thiện chí của mình, Bình Nhưỡng ký một hiệp định hợp tác chống khủng bố với Hoa Kỳ một tuần trước khi họ Triệu tới Mỹ. Tổng thống Clinton tuyên bố ông sẽ "lắng nghe" đặc sứ của Kim Chính Nhật và nói ông được khuyến khích bởi những cuộc giao tiếp đang tiến hành giữa hai miền Nam Bắc. Kết quả của các cuộc đàm phán với các nhà lãnh đạo Mỹ là bà Albright đi Bình Nhưỡng ngày 22-10-2000 để chuẩn bị chuyến đi có khả năng xảy ra của tổng thống Clinton ở xứ này. Ở Bình Nhưỡng, bà Albright đã gặp hai lần Kim Chính Nhật và một lần Triệu Minh Lục ; bà chỉ giao tiếp bằng điện thoại với ông Kim Vinh Nam và Bạch Nam Thuận. Trong khi đó, hội nghị Thượng đỉnh Âu-Á (ASEM) lần thứ ba (Liên hiệp Âu châu, bảy nước ASEAN, Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật) tiến hành ở Hán Thành trong trung tuần tháng 10 kêu gọi hai miền bình thường hoá quan hệ. Trong hai ngày, có thêm bốn nước Liên hiệp Âu châu là Anh, Đức, Tây Ban Nha và Hoà

Lan lên tiếng có ý định thiết lập quan hệ ngoại giao với Bình Nhưỡng trong khi Pháp, với tư cách chủ tịch luân phiên của Liên hiệp Âu châu, còn thận trọng. Tổng thống Chirac kêu gọi các bạn đồng minh Liên hiệp Âu châu hãy lưu ý đến tiến bộ của chương trình vũ khí hạt nhân và nhân quyền của Bình Nhưỡng, không nên hấp tấp vội vã. Một số nước Liên hiệp Âu châu đang "chạy đua" để công nhận Bình Nhưỡng vì họ lo ngại Hoa Kỳ của ông Clinton sẽ công nhận Bình Nhưỡng trước họ ! Bắc Kinh cũng lo ngại Kim Chính Nhật là một người không thể dự kiến. Trong quá khứ, ông này có lần tuyên bố Bắc Kinh đã theo chủ nghĩa xét lại và gần đây lại nói không chống đối sự có mặt của quân đội Mỹ ở Nam Hàn. Thừa cơ hội kỷ niệm 50 năm chiến tranh Triều Tiên, Bắc Kinh gửi Trì Hạo Điền, phó chủ tịch ban quân uỷ kiêm bộ trưởng bộ quốc phòng sang Bình Nhưỡng, một ngày trước khi bà Albright đến, để nhắc nhở họ Kim không nên đi quá xa với Hoà Thịnh Đốn. Giang Trạch Dân lại còn có ý định viếng thăm Bình Nhưỡng trong những ngày sắp tới, có thể trước chuyến viếng thăm có thể xảy ra của ông Clinton. Bắc Triều Tiên của Kim Chính Nhật thật có phúc!

Chỉ còn thiếu một bắt tay lịch sử giữa Clinton - Kim Chính Nhật thì bức tranh sẽ hoàn hảo!

Tổng thống Chirac công du Bắc Kinh

Sau khi tham dự hội nghị Âu - Á trong hai ngày ở Hán Thành, ông Chirac sang Trung Quốc để làm chủ tọa hội nghị Trung Quốc - Liên hiệp Âu Châu mà nước Pháp đang là chủ tịch luân phiên. Trước đó, ông Chirac đã công du trong bốn tiếng đồng hồ với tư cách tổng thống Pháp. Đây lần thứ hai ông Chirac viếng thăm chính thức Bắc Kinh, lần trước vào năm 1997 và cũng là một chuyến công du ngắn ngủi nhất của một tổng thống ! Lý do là Bắc Kinh rất bất mãn nước Pháp đã bán một vệ tinh quan sát cho Đài Loan trái với lời hứa của Paris đầu năm 1994 trước chuyến viếng thăm của thủ tướng cánh hữu Edouard Balladur. Bắc Kinh cho hủy bỏ những chuyến đi dự trừ ở các tỉnh và hạn chế

đón tiếp một cách tối thiểu ông Chirac. Phía Pháp thì lại nói vệ tinh quan sát do hãng Matra làm là một vệ tinh hoàn toàn dân sự mà Đài Loan đã đặt mua trong năm 1999 và sẽ hoàn tất vào năm 2003. Dù vậy, Bắc Kinh đã ra lệnh cho các nhà doanh thương của họ không được ký kết một hiệp định thương mại nào với Pháp. Trái với lần trước có nhiều hợp đồng với nhiều tỷ đô la Mỹ, ông Chirac lần này, nhờ có quan hệ tốt với ông Giang, chỉ được một vài hợp đồng nhỏ không đáng kể dù ông có mang theo một phái đoàn thương gia đông đảo. Điều an ủi cho ông Chirac là ông Giang Trạch Dân tiếp đón ông trước đó với tư cách cá nhân ở Dương Châu (Yang Zhou), quê hương của ông để trả lễ chuyến viếng thăm ở tư thất của ông Chirac cách đây một năm ở tỉnh Corrèze mà báo chí Pháp có dịp đả kích vì ông Chirac đã dành một nghi lễ quá đáng cho người đại diện của một nước không tôn trọng nhân quyền. Trong dịp này, người ta thấy ông Giang nhảy *valse* với phu nhân của ông Chirac. Thực ra, ông Giang không tiếp đón ông Chirac ở tư thất vì nhà của ông Giang đã bỏ trống từ nhiều năm. Từ khi lên cầm quyền ở Bắc Kinh, ông Giang chỉ về Dương Châu một vài lần. Ông Chirac cư ngụ nơi tư dinh dành cho khách quý của nhà nước.

Thêm vào đó, quan hệ giữa Trung quốc-E.U trong hồ sơ gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO) của Bắc Kinh còn đang gay gắt (chỉ có ông Chirac là rất lạc quan !). Liên hiệp Âu châu còn đòi hỏi nhiều cố gắng từ phía Bắc Kinh về lịch trình cấp phát môn bài về bảo hiểm và chính sách mở rộng vốn đầu tư cho nước ngoài để thoả mãn với hiến chương của tổ chức này trong khi Bắc Kinh nhất quyết muốn vào tổ chức này trước năm nay. Các nhà kinh doanh ngoại quốc trách móc chính quyền Bắc Kinh đang tìm mưu chước để hạn chế vốn đầu tư nước ngoài ở các xí nghiệp hiện đại bằng cách giao phó vốn cho các nhà tài phiệt Hương Cảng để đứng sau lưng "giật dây".

Bắc Kinh muốn vào một tổ chức quốc tế nhưng không muốn tôn trọng qui luật của nó !

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Bắc Kinh và Hà Nội trở lại thời kỳ môi hở răng lạnh ?

Từ khi quan hệ giữa hai nước trở nên bình thường năm 1991, các nhà lãnh đạo của hai nước thường lại vãng thăm viếng, đặc biệt là những chuyến đi Bắc Kinh của ông Đỗ Mười trong thời gian ông này làm tổng bí thư Đảng và gần đây của ông Lê Khả Phiêu trong tháng 2-1999. Về phía Bắc Kinh, ông Giang Trạch Dân, nhân vật số một của chế độ, lần đầu tiên chịu đặt chân sang viếng thăm Hà Nội vào tháng 11-1994, không kể những chuyến đi của những nhà lãnh đạo khác như Lý Bằng, Kiều Thạch, Chu Dung Cơ, Lý Thụy Hoàn, Hồ Cẩm Đào, Ủy Viện Hành v.v. Trong ba năm qua, những chuyến viếng thăm giữa hai nước được tăng cường ở các mức độ. *Tạp chí Kinh tế Viễn Đông* ra ngày 22-6-2000 ghi lại trong năm 1998 đã có 148 cuộc trao đổi chính thức trong đó có 52 cuộc từ cấp thứ trưởng trở lên. Năm 1999, những cuộc viếng thăm song phương của các nhân vật cao cấp lên đến 80 lần. Từ đầu năm 2000, không kể những chuyến đi "bí mật" của ông Lê Khả Phiêu sang gặp Giang Trạch Dân để trấn an ông này về chuyến viếng thăm của tổng trưởng quốc phòng Mỹ William Cohen và ý định của Hà Nội ký hiệp ước thương mại với Hoa Kỳ, người ta để ý đến những chuyến viếng thăm chính thức cao cấp của ông Nguyễn Di Niên, tân ngoại trưởng (tháng 2), ông Nông Đức Mạnh, chủ tịch quốc hội (tháng 4), ông Nguyễn Đức Bình, ủy viên bộ chính trị đặc trách ý thức hệ (tháng 6), ông Nguyễn Minh Triết, bí thư thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 7), bà Trương Mỹ Hoa, phó chủ tịch quốc hội (tháng 9), ông Phan Văn Khải, thủ tướng (từ 25 đến 28-9 theo người phát ngôn viên của bộ ngoại giao Bắc Kinh ông Tôn Ngọc Tỷ) và của tướng Lê Văn Dũng, tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam (23-10). Trong những chuyến đi này, có ba chuyến đi được các quan sát viên đặc biệt chú ý. Đó là các chuyến đi của Nguyễn Đức Bình, Phan Văn Khải và tướng Lê Văn Dũng. Chuyến đi của Nguyễn Đức Bình cùng với 16 viên chức lão thành, như theo *Tạp chí Kinh*

tế Viễn Đông đã dẫn, là để theo một "khóa học lý thuyết" trong hai ngày năm trong khuôn khổ chuẩn bị Đại hội sắp tới. Phái đoàn của ông Bình được ông Lý Thiết Ánh (Li Tie Ying), ủy viên bộ chính trị, chủ nhiệm ủy ban khoa học xã hội đón tiếp. Thủ tướng Phan Văn Khải đã viếng thăm Bắc Kinh cách đây đúng hai năm và được thủ tướng Chu Dung Cơ trả lễ ở Hà Nội đầu tháng 12-1999. Người ta chưa biết ông Khải sang Bắc Kinh lần này để làm gì? Còn chuyến đi của tướng Dũng, theo người đồng sự tướng Phó Toàn Hữu, là để xiết chặt quan hệ toàn diện trong lãnh vực quân sự.

Hà Nội hầu như đã quên "bài học" mà Bắc Kinh đã "giảng" trong năm 1979 và ngày nay muốn trở lại thời kỳ "môi hở răng lạnh" như Hoàng Văn Hoan đã đề xướng trước đây. Còn Bắc Kinh có đồng ý hay không là chuyện khác!

Nước Lào trong sự chờ đợi "đất bằng nổi sóng"

Xuất phát từ việc tất cả các nước đầu tư - ngoại trừ Thái Lan - đều rút tiền ra khỏi Lào, cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1997 đã đưa nước này tới bất ổn là tháng 10-1999, một cuộc biểu tình của phong trào sinh viên, thanh niên, giáo chức đã bùng nổ ở ngay giữa thủ đô Viên Chăn. Qua tháng giêng năm 2000, bắt đầu có giao chiến trở lại ở phía Bắc (Xiêng Khoảng, Cánh Đồng Chum); tháng ba, đột nhiên xuất hiện những cuộc đánh bom nhắm vào mục tiêu chính là các cơ sở của Việt Nam tại Lào; tháng bảy, lại thêm giao chiến ở phía Nam (Champassak). Nếu những hành động gây rối này là hình thức để công khai biểu lộ sự bất mãn của các lực lượng đối lập với chính quyền tại chức ở Lào, thì người ta có lý do để suy đoán rằng nhân dân Lào đang tìm đường dân chủ hóa đất nước của họ. Về điểm này, một nhân vật chính trị mới của Lào vừa đột xuất. Đó là Hoàng thân Savang Soulivong, cháu của Srisavang Vatthana, vị vua cuối cùng của Lào, năm 1975 đã bị chết thảm trong trại học tập của Lào cộng. Savang Soulivong hiện đang có mặt ở ngoài nước. Tháng

5 năm ngoài, ông được một đại hội chính trị họp tại Seattle, thuộc tiểu bang Washington của Mỹ, quy tụ khoảng 2000 người thuộc đủ mọi sắc tộc ở Lào, công cử đứng ra tìm một giải pháp hòa bình cho nước Lào. Từ đó, ông đã đi thăm nhiều nước để vận động cho giải pháp này và đã được các bộ ngoại giao Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Tân Tây Lan, Ca Na Đa, tiếp đón niềm nở, cũng như được sự ủng hộ tích cực của hoàng gia Cam Pu Chia và vua Bhumibol của Thái Lan. Do vậy, nhiều người nghĩ rằng, trong một tương lai không xa lắm, Hoàng thân Savang Soulivong có triển vọng sẽ giữ một vai trò hàng đầu và tình hình rối ren hiện nay ở Lào không là gì khác hơn những triệu chứng báo trước những thay đổi chính trị sắp xảy ra ở Lào theo chiều hướng dân chủ hóa. Theo Viện Quốc tế Nghiên cứu Chiến lược (tức International Institute of Strategic Studies) ở Luân Đôn thì giới lãnh đạo Lào hiện đang phải trực diện với một cuộc khủng hoảng nguy ngập nhất trong 25 năm họ cầm quyền, từ 1975 tới giờ. Giới lãnh đạo Lào chia năm xẻ bảy và một lãnh tụ thân Việt Nam là bộ trưởng Khamxay Souphannouvong, con của Hoàng thân Souphannouvong đã phải bỏ chạy. Ngoài ra, nguồn tin thân cận cộng đồng người Lào ở ngoài nước cho hay Ông Tiao Saisavath Visouthiphong, tổng thư ký Hội đồng Đại diện Người Lào Hải ngoại, một tổ chức do hoàng gia Lào khuyến khích dựng nên cách đây ba năm ở Seattle, tiểu bang Washington ở Mỹ, cho biết là tiếp theo cuộc gặp gỡ với bộ ngoại giao Pháp hôm 27-9-2000, Hoàng gia đã cho thành lập ở trong Hội đồng Đại diện một ủy ban mang tên Ủy ban Thương thuyết, có danh xưng bằng tiếng Pháp là "Comité pour les pourparlers éventuels de paix du Laos", nhằm tìm kiếm một giải pháp chung cho nước Lào. Vấn đề theo Viện Quốc tế Nghiên cứu Chiến lược, Lào có thể phải tính hẳn chuyện cải tổ triệt để hệ thống chính trị cứng rắn của mình để phản ánh được những thực tế kinh tế và chính trị của Lào trong lúc này. Một phái đoàn của hoàng gia Lào do hai hoàng thân Saurayavong Savang và Soulivong Savang mới đến thăm bộ ngoại giao

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Pháp ở Paris ngày 27-9-2000. Sau khi hai bên đã trao đổi về tình hình rất đáng quan tâm ở Lào trong lúc này, phía Hoàng gia đã nêu ra những vấn đề mà nhân dân Lào đang phải đương đầu, những lý do nội tại của tình hình đó và sự thiết yếu tái lập dân chủ ở Lào. Hai bên chia sẻ quan điểm rằng phải trừ liệu một giải pháp hòa bình cho Lào quốc vừa công nhận những thực tế hiện hữu vừa có chỗ cho tất cả các lực lượng chính trị cả ở trong lẫn ngoài nước.

Thứ đến, Lào là một nước hội viên của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á cho nên Lào tất phải được các nước nuôi mộng bá quyền ở trong vùng chiếu cố. Đặc biệt là hai nước Thái Lan và Trung Quốc. Chính quyền Lào vừa tố cáo Thái Lan có những tay vào nội bộ Lào, giúp súng ống vũ khí cho kháng chiến quân Hmông. Trong vụ một bót hải quan ở Nam Lào bị đánh chiếm, trong số 28 tàn quân người Lào rút về đất Thái lại có cả những người mang quốc tịch Thái nữa. Còn Trung Quốc thì ai cũng biết rằng từ nhiều năm nay, nước này vẫn tìm đủ mọi cách lôi kéo Lào ra khỏi vòng ảnh hưởng của Việt Nam. Do đó mà gần đây, Việt Nam đã phải có những nỗ lực mới để duy trì và củng cố những quan hệ đã có từ lâu với Lào.

Sau hết, do vị thế chiến lược của Lào đối với Việt Nam, người ta ngỡ rằng Lào có thể đã được dùng làm căn cứ cho những lực lượng thù địch với chính quyền Hà Nội. Mục tiêu của những lực lượng này chẳng những là tách rời Lào ra khỏi Việt Nam mà còn dùng Lào làm bàn đạp cho những cuộc tái phối trí trật tự trong vùng trong khuôn khổ toàn cầu hóa.

Cuộc gặp gỡ Mạng lưới Dân chủ tại Paris

Trong hai ngày 30-9 và 1-1-2000, hơn 40 người từ Pháp và Đức đã đến Paris dự cuộc gặp gỡ nhằm thắt chặt quan hệ và đẩy mạnh sự hợp tác giữa các tổ chức thành viên, cùng trao đổi thảo luận với các tổ chức thân hữu, các nhân sĩ, đang vận động cho dân chủ tại Việt Nam. Sáu trong tám tổ chức thành viên đã có mặt trong buổi gặp gỡ (hai tổ chức thành viên tuy không có mặt đã gửi thư góp ý hay đánh điện chào mừng). Chương trình làm việc

chiều thứ bảy 30-9 từ 6 đến 11 giờ tối, các tổ chức thành viên tự trình bày chủ trương đường lối của tổ chức mình, trao đổi góp ý những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động. Các tổ chức thành viên đi tới đồng thuận về các hoạt động cụ thể chung trong thời gian tới :

Báo chí

Trên báo chí của các thành viên :

- giới thiệu thường xuyên trên mặt báo, trên trang website hoạt động của các thành viên Mạng lưới Dân chủ (MLDC).
- Trích đăng phổ biến các bài viết vận động dân chủ của các báo thành viên.
- Ban biên tập của các báo thành viên trao đổi ý kiến thường xuyên, dịp thuận tiện nên thực hiện chung một chủ đề
- Phổ biến tinh thần hoạt động của MLDC để dư luận hiểu cách làm việc của MLDC, phát triển rộng rãi hơn nữa.

Hộp Thư

MLDC có hai hộp thư điện tử.

- Hộp thư dành cho các thành viên MLDC, để các thành viên tham gia góp ý, thảo luận trên mạng.
- Hộp thư để thông tin rộng rãi.
- Tìm cách khắc phục các khó khăn kỹ thuật ban đầu trong việc chuyển và chọn lọc thông tin.
- MLDC dự tính ấn hành một tập chỉ dẫn cách sử dụng Internet, cách nối mạng cho những ai chưa nắm vững kỹ thuật.
- Thu thập chọn lọc các địa chỉ để chuyển thông tin về Việt Nam. Cần chú trọng thêm đến các đồng hương đang sinh sống ở Đông Âu .

Gặp gỡ và thảo luận

- Mỗi năm tổ chức một lần gặp gỡ. Mời thuyết trình viên và chọn đề tài chuyên sâu trong các lãnh vực : dân chủ, kinh tế, cộng đồng người Việt ở hải ngoại, v.v.
- Năm 2001 sẽ tổ chức gặp gỡ vào tháng 5-1. Ban điều hợp (BDH) của Mạng lưới Dân chủ tìm địa điểm thuận lợi để các tham dự viên từ Pháp, Đức có thể di chuyển tới chỗ họp dễ dàng.

Trong ngày thứ hai 1-10, buổi sáng các thành viên MLDC cùng các tổ chức thân hữu và nhân sĩ đã góp ý về phương hướng hoạt động của MLDC.

Theo quy chế MLDC, đây là một kết hợp thoáng, mở, công khai, nhằm thông tin, phối hợp hoạt động, tạo diễn đàn cho các khuynh hướng dân chủ phổ biến quan điểm, góp ý kiến và kinh nghiệm với nhau qua hộp thư e-mail.

Cử tọa đồng ý chung là MLDC nên cố

gắng tổ chức hàng năm ít nhất một lần, tạo cơ hội gặp gỡ thảo luận, để tìm hiểu và qua đó gây tình thân hữu và tín nhiệm lẫn nhau.

Hoạt động của MLDC cần giữ tính cách độc lập, tránh không để MLDC là một tổ chức ngoại vi của bất cứ đoàn thể nào, vì làm như vậy sẽ không thành công và chỉ tạo thêm nghi ngờ giữa những người dân chủ và gây tiếng không tốt trong dư luận.

Qua phần trình bày thảo luận, ông Vũ Quốc Dụng, Tổ chức Việt Nam Tự do đã dẫn nhập đề tài : "Dân chủ là gì ? Thế nào là dân chủ ? Làm sao nhận diện dân chủ ?", cử tọa đã đóng góp nhiều ý kiến sôi nổi. Trong phiên họp buổi chiều, ông Vũ Thiện Hán, Tập hợp Dân chủ Đa nguyên, đã dẫn nhập đề tài : "Tìm hiểu Hiệp định thương mại Việt-Mỹ và tác dụng trên tiến trình dân chủ hóa Việt Nam". Cử tọa đã đóng góp ý kiến phân tích những khó khăn cho Đảng Cộng sản Việt Nam khi phải thi hành HĐ và những thuận lợi lâu dài cho dân tộc Việt Nam trong tiến trình dân chủ hóa.

Sau đó phần tham luận của ông Bùi Tín phân tích Dự thảo Báo cáo Chính trị Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo ông chế độ vẫn tiếp tục duy trì độc tài, độc đảng, viển vông đất nước Việt Nam tiếp tục tụt hậu so với các nước lân bang, xã hội không có dân chủ. Dự thảo này là một bản văn giọng điệu rập khuôn các báo cáo những lần đại hội Đảng trước, không đưa ra chính sách gì mới.

Cuối cùng phần tham luận của ông Tôn Thất Long, Tập hợp Dân chủ Đa nguyên, thông tin về tình hình thực tế trong nước, tình trạng sứ quân trầm trọng tại các địa phương mà ông đã có dịp mắt thấy tai nghe trong lần về thăm Việt Nam năm nay.

Trong phần đúc kết hai ngày làm việc, BDH đã cảm ơn Ban tổ chức đã nhiệt tình lo lắng chu đáo chỗ họp, chỗ ăn ngủ cho các tham dự viên đến từ xa.

Cuộc gặp gỡ hai ngày 30-9 và 1-10 đã diễn ra trong tinh thân hữu đáng quý. Qua các đề tài thảo luận, đôi lúc đối thoại tuy có hăng say gay gắt, nhưng tất cả đều lắng nghe nhau. Dù có nhiều ý kiến dị biệt, các tham dự viên đều tôn trọng, chấp nhận sự bình đẳng, độc lập của từng tổ chức. Người tham dự mong rằng, qua lần gặp gỡ này, sẽ tạo thêm tin cậy nhau trong cuộc vận động dân chủ hóa Việt Nam.

Giấy mời

Hội thảo chính trị

Trên ngưỡng của thế kỷ 21, nhiều câu hỏi đang gây tranh trở cho mọi người Việt Nam :

- Việt Nam đang đứng trước những thử thách và hy vọng nào ?
- Những định hướng của đại hội 9 của Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ có những hậu quả nào ?
- Hiệp ước thương mại Việt-Mỹ đặt ra những vấn đề nào và mở ra những triển vọng nào ?
- Cuộc vận động dân chủ đang ở đâu và có những triển vọng nào ?
- Những người dân chủ Việt Nam có thể và phải làm gì ?
- Lạc quan hay bi quan trên ngưỡng cửa của thế kỷ 21 ?

Tập Hợp Dân Chủ Đa nguyên trân trọng kính mời quý thân hữu tham dự cuộc hội thảo chính trị :

Việt Nam trên ngưỡng của thế kỷ 21

sẽ được tổ chức tại Hội trường Đại học IX Paris Dauphine
địa chỉ : Place du Maréchal de Lattre de Tassigny, 75116 Paris
ngày thứ bảy 02 tháng 12 năm 2000
từ 14 giờ đến 18 giờ.

Phản dân nhập sẽ do các thân hữu đến từ nhiều nơi và thuộc các quá khứ chính trị khác nhau phụ trách. Mọi thân hữu tham dự sẽ được mời đóng góp ý kiến.

Hội trường đủ chỗ cho 200 người.

Có máy vi âm cá nhân cho nhiều người chung quanh một bàn tròn lớn.

Đây sẽ là một cuộc thảo luận thân thiện và thẳng thắn trong tinh thần không có ý kiến nào cấm nêu ra.

Kính mời quý vị và thân hữu.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Mục lục

1. Máu lại đổ tại Trung Đông
Thông Luận
2. Cuộc đua dân chủ tại Nam Tư
Diệp Tường Bào
3. Ý nghĩa của giải thưởng Nobel
cho hai người Á Châu
Nguyễn Phi Phụng
5. Vận động quốc tế cho một nước
Việt Nam tự do
Đoàn Viết Hoạt
7. Thư gửi Mạng Lưới Nhân Quyền
Nguyễn Đan Quế
8. Thông cáo báo chí
Mạng Lưới Dân Chủ
9. Nguy cơ tụt hậu và tham nhũng
Nguyễn Mạnh Sơn
13. Mưa ơi sao buồn quá
Tuông Năng Tiến
16. Bỏ điều bốn Hiến pháp
Nguyễn Văn Huy
19. Thập nhị sứ quân
Nguyễn Gia Kiểng
22. Quan hệ biện chứng giữa
phát triển và dân chủ
Võ Nhân Trí
27. Tin tức thời sự

TIA TỨC

Thượng Tọa Thích Không Tánh bị trục xuất khỏi An Giang

Văn Phòng Viện Hóa Đạo thông báo về công tác cứu trợ nạn nhân lũ lụt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, tại các tỉnh đồng bằng Nam phần như sau:

1. Phái đoàn cứu trợ của GHPGVNTN đã bị chính quyền Cộng Sản chặn bắt lúc 10 giờ ngày 7-10-2000 và đưa về giam giữ tại chi cục thuế Vĩnh Hội, thị xã Châu đốc, huyện An phú, tỉnh An giang. Đến 23 giờ 30 cùng ngày mới trả về nhà trọ Châu đốc

(Đoàn cũng đã phát được gần 100 phần quà cho đồng bào vùng thượng nguồn Châu đốc trước khi bị bắt).

2. Thượng Tọa Thích Không Tánh, phát ngôn nhân chính thức của phái đoàn bị bắt buộc phải rời khỏi An giang vào 12 giờ trưa nay (9-10-2000) theo lệnh trục xuất của chính quyền. Như vậy, mọi sự liên lạc, tiếp xúc với phái đoàn sẽ hoàn toàn bị phong tỏa! Hòa Thượng Viện Trưởng và chư tăng trong phái đoàn sẽ bị cô lập!

3. Tình trạng sức khỏe của HT Viện Trưởng bị suy giảm trầm trọng vì huyết áp tăng cao, nói không được, chân đi không vững. Nguyên nhân chính là do bức xúc trước sự đàn áp thô bạo và trắng trợn của

chính quyền, trước nỗi thống khổ của đồng bào nạn nhân lũ lụt mà HT không thể làm gì được để cứu giúp họ vì sự phong tỏa của chính quyền.

VP/VHD xin khẩn thiết thông báo về sự an nguy của phái đoàn và về nỗi thống khổ vô vàn của đồng bào bị thiên tai. Xin hãy nhất tâm cầu nguyện cho HT Viện Trưởng chóng hồi phục sức khỏe, chư Tăng và Phật tử trong phái đoàn được bình an, đồng bào ruột thịt đang lâm nạn được sớm thoát cảnh điêu linh và hương hồn của những đồng bào tử nạn được sớm chuyển sinh về tịnh cảnh.

(trích bản tin ngày 9-10 của VP/VHD)